

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIẾN TRÚC ĐÀ NẴNG
KHOA KINH TẾ
BỘ MÔN KẾ TOÁN**



KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**ĐỀ TÀI:
KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH
DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER**

Giảng viên hướng dẫn	: ThS. Nguyễn Thị Hà My
Sinh viên thực hiện	: Trần Thị Kim Chi
Mã số sinh viên	: 2254010115
Khóa	: 2022-2026
Lớp	: 22KH2

Đà Nẵng, tháng 05 năm 2026

MỤC LỤC

DANH MỤC SƠ ĐỒ	
DANH MỤC BẢNG.....	
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	
CẢM ƠN	
LỜI MỞ ĐẦU	
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....	1
1.1 Khái quát chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp	1
1.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh	2
1.3 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	2
1.3.1 Phương thức bán hàng và cung cấp dịch vụ.....	2
1.3.2 Thời điểm thanh toán và hình thức thanh toán	4
1.3.3 Điều kiện ghi nhận doanh thu	5
1.3.4 Chứng từ sử dụng.....	5
1.3.5 Tài khoản sử dụng.....	6
1.3.6 Phương pháp hạch toán	6
1.4 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	7
1.4.1 Nội dung.....	7
1.4.2 Chứng từ sử dụng.....	8
1.4.3 Tài khoản sử dụng.....	8
1.4.4 Phương pháp hạch toán	8
1.5 Kế toán giá vốn hàng bán	9
1.5.1 Nội dung.....	9
1.5.2 Các phương pháp tính giá xuất kho	9
1.5.3 Chứng từ sử dụng.....	10
1.5.4 Tài khoản sử dụng.....	10
1.5.5 Phương pháp hạch toán	12
1.6 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính.....	12
1.6.1 Nội dung.....	12
1.6.2 Chứng từ sử dụng.....	12
1.6.3 Tài khoản sử dụng.....	13
1.6.4 Phương pháp hạch toán	13
1.7 Kế toán chi phí tài chính.....	14

1.7.1 Nội dung.....	14
1.7.2 Chứng từ sử dụng.....	15
1.7.3 Tài khoản sử dụng.....	15
1.7.4 Phương pháp hạch toán.....	16
1.8 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh	18
1.8.1 Nội dung.....	18
1.8.2 Chứng từ sử dụng.....	18
1.8.3 Tài khoản sử dụng.....	19
1.8.4 Phương pháp hạch toán.....	19
1.9 Kế toán thu nhập khác.....	22
1.9.1 Nội dung.....	22
1.9.2. Chứng từ sử dụng.....	22
1.9.3 Tài khoản sử dụng.....	23
1.9.4 Phương pháp hạch toán.....	23
1.10 Kế toán chi phí khác	24
1.10.1 Nội dung.....	24
1.10.2. Tài khoản sử dụng.....	25
1.10.3 Chứng từ sử dụng.....	25
1.10.4 Phương pháp hạch toán.....	25
1.11 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	26
1.11.1 Nội dung.....	26
1.11.2 Chứng từ sử dụng.....	27
1.11.3 Tài khoản sử dụng.....	28
1.11.4 Phương pháp hạch toán.....	29
1.12 Kế toán xác định kết quả kinh doanh	29
1.12.1 Nội dung.....	29
1.12.2 Chứng từ sử dụng.....	30
1.12.3 Tài khoản sử dụng.....	30
1.12.4 Phương pháp hạch toán.....	31
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER	32
2.1 Tổng quan về Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer	32
2.2.1 Thông tin khái quát về Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer.....	32
2.1.2 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer.....	33

2.1.3 Đặc điểm hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer.....	33
2.2 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer	34
2.2.1 Sơ đồ bộ máy quản lý.....	34
2.2.2 Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận tại Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer	35
2.3 Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer ...	36
2.3.1 Bộ máy kế toán.....	36
2.3.2 Chức năng từng bộ phận	36
2.3.3 Chế độ kế toán và chính sách kế toán tại Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer	36
2.3.4 Hình thức ghi sổ kế toán tại Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer....	37
2.3.5 Phần mềm kế toán tại Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer	38
2.4 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Nguyễn Ninh Computer	39
2.4.1 Nội dung.....	39
2.4.2 Chứng từ sử dụng tài khoản sử dụng và sổ sách sử dụng	39
2.4.3 Tài khoản sử dụng và sổ sách sử dụng.....	40
2.4.4 Quy trình ghi sổ.....	40
2.5 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer	52
2.5.1 Nội dung.....	52
2.6 Kế toán giá vốn tại Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer	52
2.6.1 Nội dung.....	52
2.6.2 Chứng từ sử dụng.....	52
2.6.3 Tài khoản và sổ sách kế toán.....	52
2.6.4 Quy trình ghi sổ.....	53
2.7 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer	60
2.7.1 Nội dung.....	60
2.7.2 Chứng từ sử dụng.....	60
2.7.3 Tài khoản và sổ sách sử dụng	60
2.7.4 Quy trình ghi sổ.....	60
2.8 Kế toán chi phí tài chính tại Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer	62
2.8.1 Nội dung.....	62

2.8.2 Chứng từ sử dụng.....	62
2.8.3 Tài khoản và sổ sách sử dụng	63
2.8.4 Quy trình ghi sổ.....	63
2.9 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer	65
2.9.1 Nội dung.....	65
2.9.2 Chứng từ sử dụng.....	65
2.9.3 Tài khoản và sổ sách sử dụng	65
2.9.4 Quy trình ghi sổ.....	66
2.10 Kế toán thu nhập khác tại Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer.....	78
2.10.1 Nội dung.....	78
2.11 Kế toán chi phí khác tại Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer.....	78
2.11.1 Nội Dung	78
2.11.2 Chứng từ sử dụng	78
2.11.3 Tài khoản và sổ sách sử dụng.....	78
2.11.4 Quy trình ghi sổ	79
2.12 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer.....	81
2.12.1 Nội dung.....	81
2.13 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer	86
2.13.1 Nội dung.....	86
2.13.2 Chứng từ sử dụng.....	86
2.13.3 Tài khoản và sổ sách sử dụng	86
2.13.4 Quy trình ghi sổ.....	87
CHƯƠNG 3: NHẬN XÉT VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER	92
3.1 Đánh giá thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer	92
3.1.1 Ưu điểm.....	92
3.1.2 Nhược điểm.....	92
3.2 Một số ý kiến, đề xuất nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer.....	93
KẾT LUẬN	
TÀI LIỆU THAM KHẢO	

PHỤ LỤC.....

DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1 Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	7
Sơ đồ 1.2 Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu	8
Sơ đồ 1.3 Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán	12
Sơ đồ 1.4 Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính	14
Sơ đồ 1.5 Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính	17
Sơ đồ 1.6 Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng	20
Sơ đồ 1.7 Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp	21
Sơ đồ 1.8 Sơ đồ hạch toán thu nhập khác	24
Sơ đồ 1.9 Sơ đồ hạch toán chi phí khác	26
Sơ đồ 1.10 Sơ đồ hạch toán chi phí thuế TNDN	29
Sơ đồ 1.11 Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh	31

DANH MỤC BẢNG

Hình 2.1 Giao diện phần mềm Fast Accounting Online	39
Hình 2.2 Giao diện hóa đơn 72 kiêm phiếu xuất kho đã nhập.....	42
Hình 2.3 Giao diện hóa đơn 236 kiêm phiếu xuất kho đã nhập.....	44
Hình 2.4 Giao diện hóa đơn 347 kiêm phiếu xuất kho đã nhập.....	46
Hình 2.5 Giao diện hóa đơn 64 kiêm phiếu xuất kho đã nhập.....	48
Hình 2.6 Giao diện hóa đơn 72 kiêm phiếu xuất kho	54
Hình 2.7 Giao diện hóa đơn 236 kiêm phiếu xuất kho	54
Hình 2.8 Giao diện hóa đơn 347 kiêm phiếu xuất kho	55
Hình 2.9 Giao diện hạch toán lãi tiền cho vay, tiền gửi.....	61
Hình 2.10 Giao diện hạch toán chi phí lãi vay.....	64
Hình 2.11 Giao diện hạch toán nộp thuế môn bài.....	67
Hình 2.12 Giao diện hạch toán thanh toán tiền bảo dưỡng xe (ngày 28/11)	69
Hình 2.13 Giao diện hạch toán thanh toán tiền xăng đi giao hàng (ngày 28/11).....	70
Hình 2.14 Giao diện hạch toán thanh toán thuê văn phòng tháng 11 (ngày 28/11)..	71
Hình 2.15 Giao diện hạch toán thanh toán phí dịch vụ vimo (ngày 30/11)	72
Hình 2.16 Giao diện hạch toán lương tháng 11	75
Hình 2.17 Giao diện hạch toán các khoản trích BHXH trừ vào chi phí doanh nghiệp	76
Hình 2.18 Giao diện hạch toán tiền thuế nộp chậm.....	80
Hình 2.19 Giao diện kết chuyển tài khoản 911	87
Hình 2.20 Giao diện chọn kỳ kết chuyển tài khoản 911	87
Hình 2.21 Giao diện kết chuyển tài khoản 911	88

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

STT	Tên viết tắt	Diễn giải
1	TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
2	TT – BTC	Thông tư – Bộ Tài chính
3	GTGT	Giá trị gia tăng
4	XNK	Xuất nhập khẩu
5	BVMT	Bảo vệ môi trường
6	BHXXH	Bảo hiểm xã hội
7	BHYT	Bảo hiểm y tế
8	BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
9	BHTNLĐ	Bảo hiểm tai nạn lao động
10	TSCĐ	Tài sản cố định
11	BĐSDT	Bất động sản đầu tư
12	NVL,CCDC	Nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
13	HĐKT	Hợp đồng kinh tế
14	TNDN	Thu nhập doanh nghiệp
15	TTĐB	Tiêu thụ đặc biệt
16	GVHB	Giá vốn hàng bán
17	HTK	Hàng tồn kho
18	BCTC	Báo cáo tài chính
19	TK	Tài khoản

CẢM ƠN

Trong suốt quá trình thực tập tại Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer, em đã có cơ hội học hỏi và tiếp thu nhiều kiến thức thực tế từ quý công ty. Đây không chỉ là nền tảng giúp em hoàn thành đề tài báo cáo khóa luận tốt nghiệp mà còn là hành trang quan trọng cho công việc và định hướng nghề nghiệp sau này.

Lời đầu tiên, em xin gửi lời cảm ơn chân thành đến Ban Giám hiệu nhà trường cùng quý thầy cô khoa Kinh tế đã tận tình giảng dạy, truyền đạt cho em những kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm quý báu trong suốt thời gian học tập tại trường.

Đặc biệt, em xin bày tỏ lòng biết ơn sâu sắc đến cô Nguyễn Thị Hà My – người đã tận tình hướng dẫn, hỗ trợ và đồng hành cùng em trong suốt quá trình thực hiện chuyên đề báo cáo khóa luận tốt nghiệp. Dù công việc giảng dạy bận rộn, cô vẫn luôn dành thời gian để sửa bài, góp ý và giải thích cho chúng em từng nội dung nhỏ một cách tận tâm và chu đáo. Sự nhiệt tình, ân cần và trách nhiệm của cô đã giúp em có thêm động lực và hoàn thiện bài báo cáo tốt hơn.

Bên cạnh đó, em xin chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo cùng các anh chị phòng Kế toán của Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer đã tạo điều kiện thuận lợi cho em trong suốt thời gian thực tập, hỗ trợ cung cấp số liệu, tài liệu cần thiết cũng như giúp em có cơ hội tiếp cận thực tế công việc tại doanh nghiệp.

Do kiến thức và kinh nghiệm thực tế của bản thân còn hạn chế nên trong quá trình thực hiện đề tài, bài báo cáo khó tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được những ý kiến đóng góp quý báu từ quý thầy cô và anh chị trong công ty để em có thể hoàn thiện hơn kiến thức và kỹ năng của mình.

Cuối cùng, em xin kính chúc quý thầy cô luôn dồi dào sức khỏe, thành công trong sự nghiệp trồng người cao quý. Kính chúc Ban lãnh đạo cùng toàn thể anh chị tại Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer nhiều sức khỏe, thành công và phát triển bền vững.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên thực hiện
(Ký tên)

LỜI MỞ ĐẦU

Trong nền kinh tế thị trường ngày càng phát triển, các doanh nghiệp phải không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động kinh doanh để tăng khả năng cạnh tranh. Để đạt được điều đó, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đóng vai trò quan trọng, giúp doanh nghiệp đánh giá chính xác hiệu quả hoạt động và đưa ra các quyết định quản lý phù hợp.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác này, trong thời gian thực tập tại Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer, em đã tìm hiểu và nghiên cứu thực tế công tác kế toán tại đơn vị. Vì vậy, em lựa chọn đề tài: “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer” làm chuyên đề thực tập tốt nghiệp.

❖ *Mục tiêu nghiên cứu*

Tìm hiểu thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer. Qua so sánh từ việc vận dụng lý thuyết đã được học kết hợp với quá trình thực tập tại doanh nghiệp, từ đó đưa ra nhận xét, ý kiến, đề xuất và một số giải pháp hoàn thiện công tác hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer.

❖ *Đối tượng nghiên cứu:*

Công ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Một Thành Viên Nguyễn Ninh Computer.

❖ *Phương pháp nghiên cứu của đề tài*

- Thu thập số liệu tại đơn vị thực tập.
- Tham khảo một số giáo trình chuyên ngành kế toán và các văn bản quy định của Bộ tài chính và vận dụng kiến thức đã học tại trường.

❖ *Cấu trúc đề tài:*

Nội dung khóa luận tốt nghiệp, ngoài cảm ơn và lời mở đầu thì gồm 3 chương chính:

Chương 1: Cơ sở lý luận về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Chương 2: Thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer

Chương 3: Nhận xét và một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1 Khái quát chung về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

Theo chuẩn mực số 14: Doanh thu và thu nhập

Doanh thu: Là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp.

Theo chuẩn mực số 14: Doanh thu và thu nhập khác

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

Theo Điều 56, Thông tư 133/2016/TT-BTC

Doanh thu: Là lợi ích kinh tế thu được làm tăng vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp trừ phần vốn góp thêm của các cổ đông. Doanh thu được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh, khi chắc chắn thu được lợi ích kinh tế, được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản được quyền nhận, không phân biệt đã thu tiền hay sẽ được thu tiền.

Theo Điều 57, Thông tư 133/2016/TT-BTC

Bán hàng hóa: Là bán sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất ra, bán hàng hóa mua vào và bán bất động sản đầu tư.

Cung cấp dịch vụ: Là thực hiện công việc đã thỏa thuận theo hợp đồng trong kỳ hoặc nhiều kỳ kế toán, như cung cấp dịch vụ vận tải, du lịch, cho thuê TSCĐ theo phương thức cho thuê hoạt động, doanh thu hợp đồng xây dựng,...

Theo chuẩn mực số 01: Chuẩn mực chung

Chi phí: Là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm các khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

Theo Điều 59, Thông tư 133/2016/TT-BTC

Chi phí: Là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Theo điều 68, Thông tư 133/2016/TT-BTC

Xác định kết quả kinh doanh: Là kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (bao gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.2 Nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có nhiệm vụ thu thập, xử lý và cung cấp thông tin về quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp. Cụ thể:

Tổ chức lập và kiểm tra hóa đơn liên quan đến hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ; ghi chép đầy đủ, kịp thời số lượng hàng hóa, thành phẩm bán ra và tiêu thụ nội bộ.

Phản ánh chính xác giá trị hàng mua vào, bán ra và tồn kho; đồng thời tính toán đúng giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng và các chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính và chi phí khác nhằm xác định chính xác kết quả bán hàng.

Ghi nhận đầy đủ doanh thu, các khoản giảm trừ doanh thu và chi phí của từng hoạt động, làm cơ sở xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

Theo dõi, kiểm tra và giám sát tình hình thực hiện kế hoạch bán hàng, kế hoạch lợi nhuận; cung cấp thông tin kịp thời phục vụ công tác quản lý.

Thực hiện tổng hợp số liệu, lập báo cáo kế toán và báo cáo tài chính định kỳ; cung cấp thông tin chính xác, trung thực cho các đối tượng sử dụng.

Xác định đúng kết quả kinh doanh của từng hoạt động và nghĩa vụ thuế (đặc biệt là thuế GTGT) phải nộp cho Nhà nước.

1.3 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.3.1 Phương thức bán hàng và cung cấp dịch vụ

Dưới đây là một số phương thức bán hàng và cung cấp dịch vụ phổ biến trong doanh nghiệp:

Phương thức bán buôn: Là hình thức bán hàng với khối lượng lớn hoặc theo lô hàng, thường hướng đến các trung tâm thương mại như nhà phân phối hoặc nhà bán lẻ khác...thường qua kho hoặc vận chuyển thẳng.

Phương thức bán lẻ: Là hình thức bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng cuối cùng hoặc các cơ quan mua về để phục vụ nhu cầu tiêu dùng nội bộ, giá bán ổn định.

Phương thức bán hàng thông qua đại lý: là hình thức doanh nghiệp chuyển giao hàng hóa cho các đơn vị đại lý để họ là người trực tiếp bán hàng. Trong thời gian gửi tại đại lý, hàng hóa vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp cho đến khi đại lý thanh toán, chấp nhận thanh toán hoặc thông báo số lượng hàng đã tiêu thụ. Khi đó, doanh nghiệp mới chính thức chuyển quyền sở hữu đối với số hàng này. Đại lý được hưởng thù lao dưới hình thức phổ biến là nhận hoa hồng.

Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp: Là hình thức bán hàng cho phép khách hàng thanh toán nhiều lần. Theo đó, người mua chỉ cần trả trước một phần giá trị hàng hóa để nhận hàng, phần còn lại sẽ được thanh toán dần trong một khoảng thời gian nhất định và phải chịu lãi theo thỏa thuận trong hợp đồng. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo giá bán trả ngay, còn phần lãi phát sinh được hạch toán vào doanh thu hoạt động tài chính. Phương thức này hiện khá phổ biến, đặc biệt đối với các mặt hàng có giá trị lớn, giúp người mua giảm áp lực tài chính khi không cần thanh toán toàn bộ ngay từ đầu.

Phương thức bán hàng trực tiếp: Là phương thức giao dịch trong đó bên bán và bên mua gặp gỡ, trao đổi trực tiếp với nhau. Theo hình thức này, bên mua sẽ cử người đại diện đến showroom, kho hoặc xưởng của doanh nghiệp để nhận hàng. Doanh nghiệp thực hiện xuất kho và bàn giao hàng hóa ngay cho đại diện bên mua. Khi bên mua đã nhận đủ hàng và tiến hành thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán, hàng hóa được xem là đã tiêu thụ.

Phương thức cung cấp dịch vụ trực tiếp: Là hình thức doanh nghiệp tư vấn và thực hiện cung cấp dịch vụ cho khách hàng một cách trực tiếp. Quá trình cung cấp và sử dụng dịch vụ thường diễn ra đồng thời tại cùng một thời điểm. Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã hoàn thành hoặc khi khách hàng chấp nhận thanh toán theo thỏa thuận giữa hai bên.

Phương thức cung cấp dịch vụ trực tuyến: Là hình thức doanh nghiệp cung cấp dịch vụ cho khách hàng thông qua các nền tảng internet mà không cần tiếp xúc trực tiếp. Khách hàng có thể đăng ký, sử dụng và thanh toán dịch vụ thông qua website, ứng dụng hoặc các hệ thống trực tuyến. Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ đã được

cung cấp hoàn tất hoặc khi khách hàng xác nhận thanh toán theo điều kiện đã thỏa thuận.

1.3.2 Thời điểm thanh toán và hình thức thanh toán

Sau khi người mua đã nhận được hàng và đồng ý thanh toán, bên bán có thể thu tiền theo nhiều thời điểm và phương thức thanh toán khác nhau. Việc lựa chọn thời điểm hoặc hình thức thanh toán sẽ phụ thuộc vào mức độ tin cậy và thỏa thuận giữa hai bên nhằm đảm bảo thuận tiện và phù hợp với điều kiện giao dịch.

Các doanh nghiệp thường áp dụng các thời điểm thanh toán khác nhau, như: thời điểm thanh toán trả trước, thời điểm thanh toán trả ngay, thời điểm thanh toán trả sau.

Thời điểm thanh toán trả trước: Là thời điểm mà người mua thanh toán trước một phần hoặc toàn bộ giá trị đơn hàng cho người bán trước khi nhận hàng. Khoản tiền này có thể được xem như tiền đặt cọc hoặc thanh toán đủ ngay từ đầu. Phương thức này thường được áp dụng khi giữa hai bên đã có sự tin tưởng và quan hệ hợp tác ổn định, lâu dài.

Thời điểm thanh toán trả ngay: Là thời điểm mà người mua thanh toán ngay sau khi nhận hàng. Có thể áp dụng các hình thức thanh toán khác nhau để thanh toán, như: thanh toán bằng tiền mặt hoặc thanh toán không bằng tiền mặt.

Thời điểm thanh toán trả sau: Là thời điểm mà khách hàng nhận hàng trước và đồng ý thanh toán nhưng chưa thực hiện chi trả ngay tại thời điểm giao hàng. Thời gian thanh toán sẽ diễn ra sau đó, không trùng với lúc nhận hàng. Khách hàng có thể thanh toán theo hình thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc thanh toán không bằng tiền mặt theo các điều khoản và thỏa thuận đã thống nhất giữa hai bên.

Dưới đây là một số hình thức thanh toán mà doanh nghiệp hay dùng: Thanh toán bằng tiền mặt và thanh toán không bằng tiền mặt.

Thanh toán bằng tiền mặt: Là hình thức người mua trả tiền trực tiếp cho người bán ngay tại thời điểm nhận hàng. Khi bên bán hoàn tất việc giao hàng hóa, bên mua có trách nhiệm thanh toán đầy đủ theo mức giá đã được hai bên thỏa thuận. Phương thức này giúp doanh nghiệp hạn chế rủi ro công nợ, đảm bảo thu tiền kịp thời, đồng thời làm cho quy trình kế toán trở nên đơn giản và dễ kiểm soát hơn.

Thanh toán không bằng tiền mặt: Là hình thức khách hàng thực hiện việc chi trả bằng cách bù trừ giữa giá trị hàng hóa, dịch vụ mua với hàng hóa, dịch vụ bán ra; bù trừ công nợ; ủy quyền cho người thứ ba thanh toán không dùng tiền mặt; hay thanh toán tiền bằng cổ phiếu trái phiếu; đối với hàng hóa mua trả chậm trả góp có giá trị từ 5 triệu trở lên căn cứ vào hợp đồng không dùng tiền mặt. Phương thức này

giúp giao dịch diễn ra nhanh chóng, an toàn, hạn chế sử dụng tiền mặt và tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi, đối chiếu cũng như quản lý dòng tiền trong doanh nghiệp

1.3.3 Điều kiện ghi nhận doanh thu

Theo Điều 57, Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 Bộ tài chính

❖ *Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu bán hàng khi đồng thời thỏa thuận các điều kiện sau:*

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể không còn tồn tại và người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ *Doanh nghiệp chỉ ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

1.3.4 Chứng từ sử dụng

- Bảng báo giá
- Đơn đặt hàng
- Hợp đồng kinh tế
- Hóa đơn GTGT

- Biên bản bàn giao hàng hóa
- Bảng thanh toán đại lý, hàng ký gửi
- Các chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có,...

1.3.5 Tài khoản sử dụng

Theo *Điều 57, Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 Bộ tài chính*, để phản ánh doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, kế toán sử dụng tài khoản 511 - “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.

Tài khoản 511 có 4 tài khoản cấp 2:

Tài khoản 5111 - Doanh thu bán hàng hóa

Tài khoản 5112 - Doanh thu bán thành phẩm

Tài khoản 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

Tài khoản 5118 - Doanh thu khác

- ❖ Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 511 - “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”:

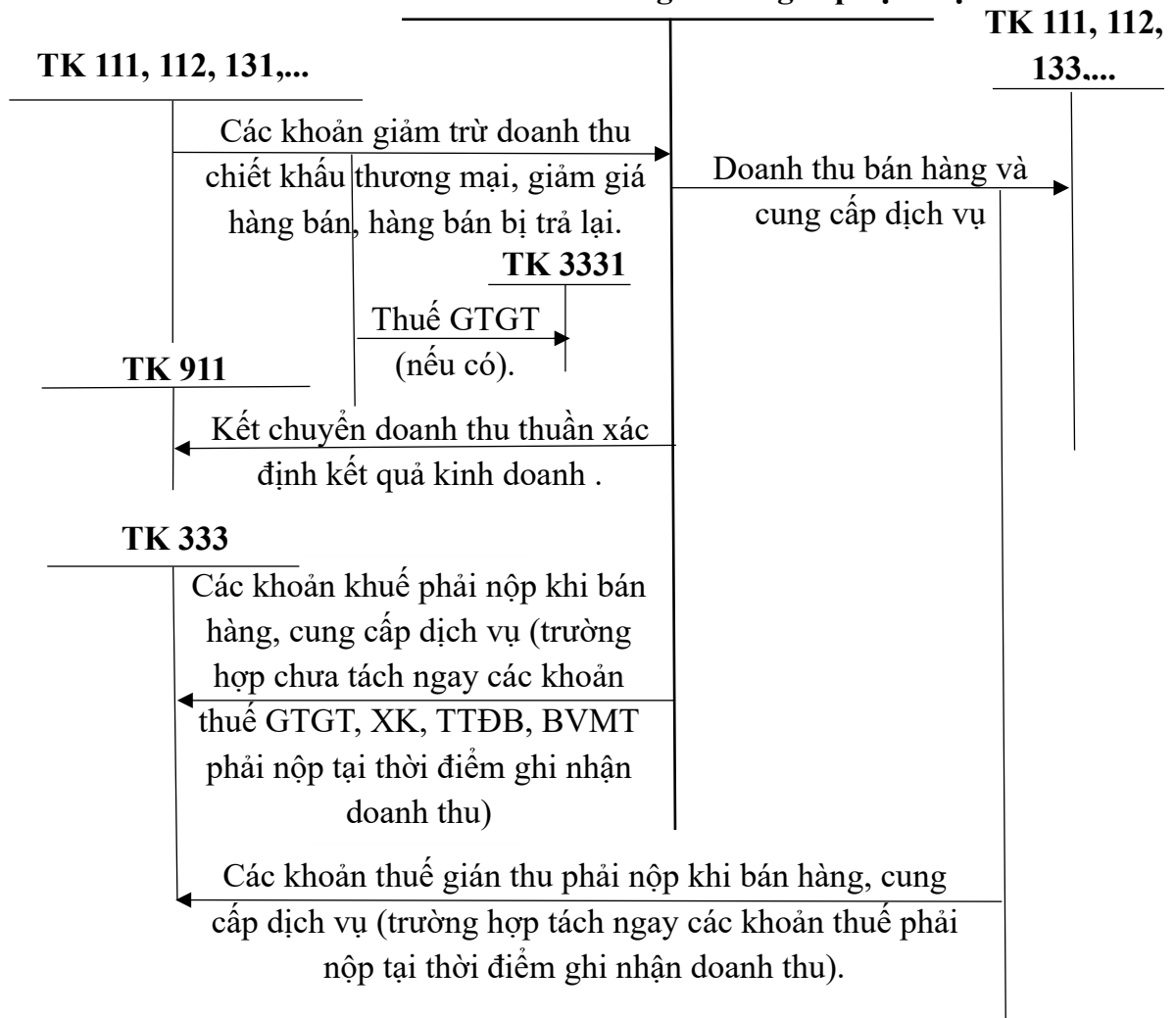
Nợ	TK 511	Có
- Các khoản thuế gián thu phải nộp (GTGT, TTĐB, XK, BVMT). - Các khoản giảm trừ doanh thu. - Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”	✕	- Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ.

1.3.6 Phương pháp hạch toán

TK 511

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



Sơ đồ 1.1 Sơ đồ hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.4 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.4.1 Nội dung

Các khoản giảm trừ doanh thu của doanh nghiệp bao gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Trong đó:

Chiết khấu thương mại: Là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn.

Giảm giá hàng bán: Là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế.

Hàng bán bị trả lại: Là các sản phẩm, hàng hóa bị khách trả lại do các nguyên nhân sau: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

1.4.2 Chứng từ sử dụng

❖ *Chiết khấu thương mại:*

- Văn bản, chính sách chiết khấu thương mại.
- Hợp đồng kinh tế, biên bản chiết khấu thương mại.
- Hóa đơn GTGT.

❖ *Giảm giá hàng bán:*

- Văn bản đề nghị giảm giá hàng bán.
- Biên bản giảm giá hàng hóa.
- Hóa đơn GTGT

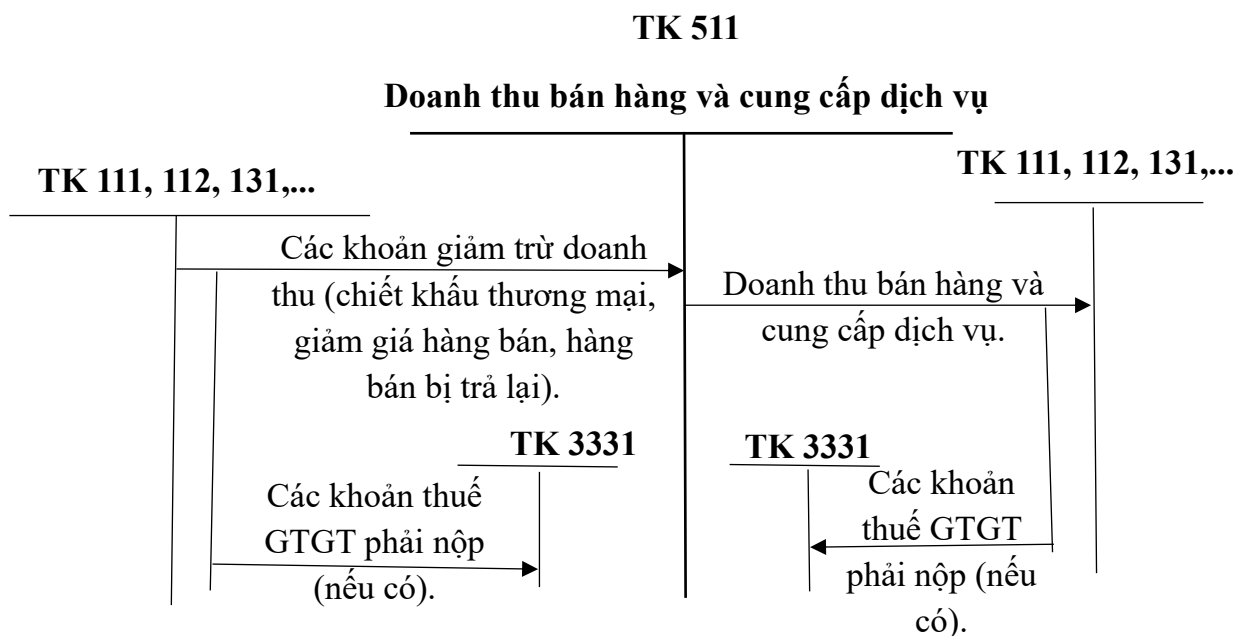
❖ *Hàng bán bị trả lại:*

- Biên bản trả lại hàng bán.
- Hóa đơn GTGT.
- Chứng từ kèm theo: Phiếu nhập kho, phiếu chi.

1.4.3 Tài khoản sử dụng

Theo điều 57, Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 Bộ tài chính, kế toán ghi nhận các khoản giảm trừ doanh thu: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại vào bên Nợ tài khoản 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.

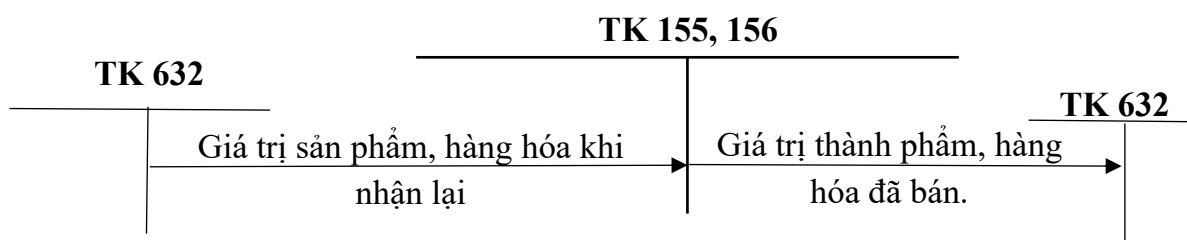
1.4.4 Phương pháp hạch toán



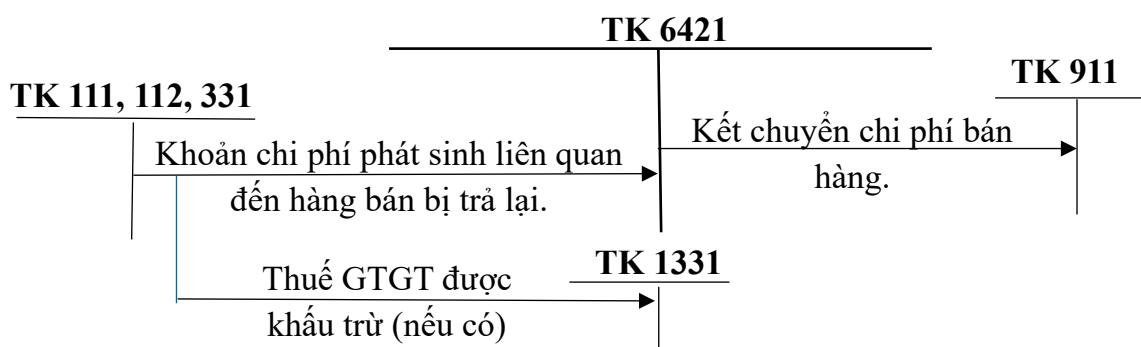
Sơ đồ 1.2 Sơ đồ hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

Kế toán chi phí liên quan:

❖ *Kế toán nhận lại các sản phẩm hàng hóa*



❖ *Kế toán chi phí phát sinh trong quá trình thu hồi sản phẩm, hàng hóa*



1.5 Kế toán giá vốn hàng bán

1.5.1 Nội dung

Giá vốn hàng bán là giá thực tế xuất kho của hàng hóa, thành phẩm đã tiêu thụ, giá thành thực tế của dịch vụ đã hoàn thành và được xác định là đã tiêu thụ trong kỳ.

1.5.2 Các phương pháp tính giá xuất kho

Phương pháp tính theo giá đích danh: được áp dụng dựa trên giá trị thực tế của từng lần nhập hàng hóa mua vào, từng thứ sản phẩm sản xuất ra nên chỉ áp dụng đối với doanh nghiệp có ít loại mặt hàng hoặc mặt hàng ổn định và nhận diện được chi tiết về giá nhập của từng lô hàng tồn kho.

Phương pháp bình quân gia quyền cuối kỳ: Phương pháp này, đến cuối kỳ mới tính trị giá vốn của hàng xuất kho trong kỳ. Tùy theo kỳ dự trữ của doanh nghiệp áp dụng mà kế toán hàng tồn kho căn cứ vào giá trị thực tế hàng tồn đầu kỳ, nhập trong kỳ, số lượng hàng tồn trong kỳ, để tính đơn giá đơn vị bình quân. Công thức:

Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho i	=	Trị giá thực tế hàng i tồn đầu kỳ	+	Trị giá thực tế hàng i nhập trong kỳ
		Số lượng hàng i tồn đầu kỳ		Số lượng hàng i nhập trong kỳ

$$\text{Giá thực tế mặt hàng } i \text{ xuất kho} = \frac{\text{Số lượng mặt hàng } i \text{ xuất dùng}}{\text{Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho } i} \times$$

Phương pháp bình quân gia quyền mỗi lần nhập (còn gọi là phương pháp bình quân gia quyền thời điểm): Sau mỗi lần nhập vật tư, hàng hóa kế toán phải xác định lại giá trị thực của hàng tồn kho và giá đơn vị bình quân. Công thức:

Đơn giá giá thực tế bình quân hàng tồn kho i sau lần nhập thứ n	=	$\frac{\text{Trị giá thực tế hàng } i \text{ tồn kho trước lần nhập thứ } n + \text{Trị giá thực tế hàng } i \text{ nhập kho ở lần thứ } n}{\text{Số lượng hàng } i \text{ tồn kho trước lần nhập thứ } n + \text{Số lượng hàng } i \text{ nhập kho ở lần thứ } n}$
---	---	---

$$\text{Giá thực tế hàng } i \text{ tồn cuối kỳ} = \frac{\text{Số lượng hàng } i \text{ tồn kho cuối kỳ}}{\text{Đơn giá thực tế bình quân hàng tồn kho } i \text{ sau lần nhập thứ } n} \times$$

Phương pháp nhập trước, xuất trước (FIFO): áp dụng dựa trên giả định là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trước thì được xuất trước và giá trị hàng tồn kho còn lại cuối kỳ là giá trị hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất gần thời điểm cuối kỳ. Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ, giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho.

1.5.3 Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn
- Biên bản kiểm kê hàng tồn kho

1.5.4 Tài khoản sử dụng

Theo Điều 62, Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 Bộ Tài chính, để phản ánh giá vốn hàng bán, kế toán sử dụng tài khoản 632 - “Giá vốn hàng bán”.

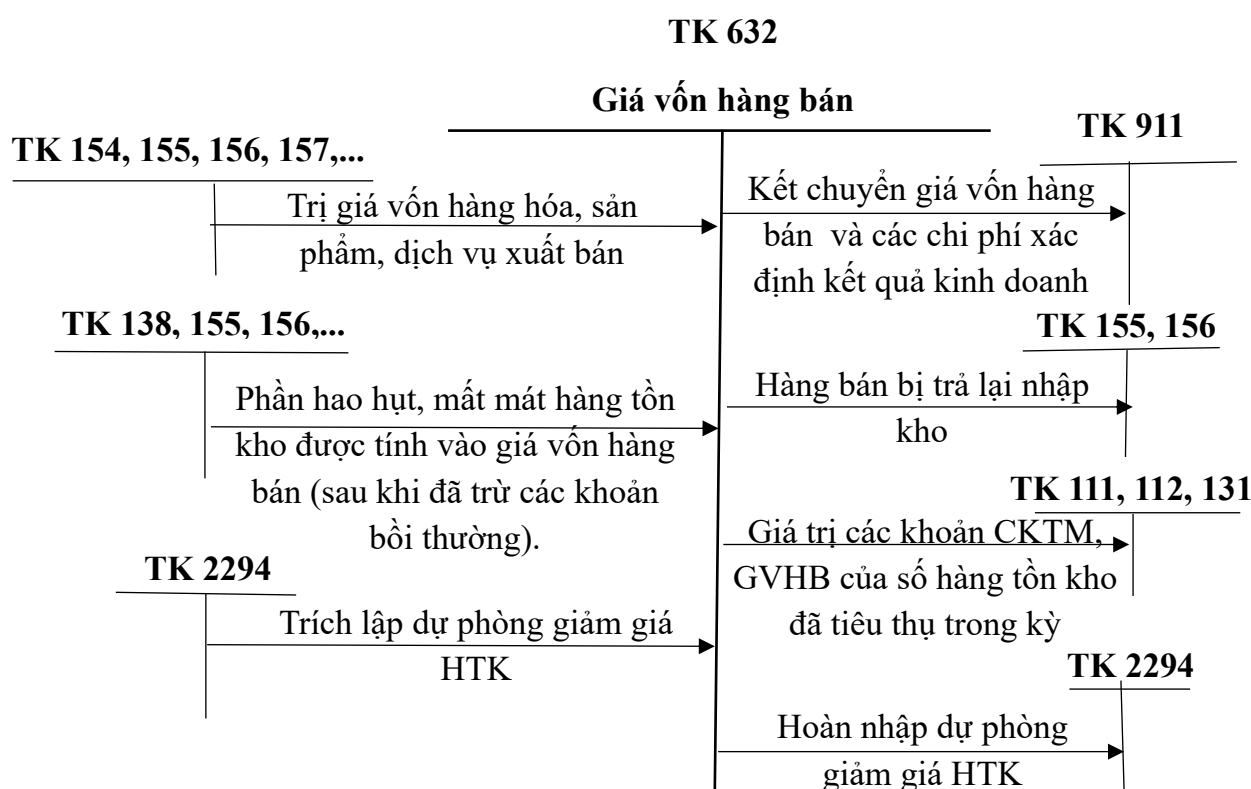
- ❖ Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 632 - “Giá vốn hàng bán”:

Theo phương pháp kê khai thường xuyên:

- <i>Đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, phản ánh:</i> + Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ. + Chi phí nguyên liệu, vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ. + Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ phần bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra. + Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).	+ Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”. + Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh BĐSĐT phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh. + Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước). + Trị giá hàng bán bị trả lại. + Khoản hoàn nhập chi phí trích trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán (chênh lệch giữa số chi phí trích trước còn lại cao hơn chi phí thực tế phát sinh).
- <i>Đối với hoạt động kinh doanh BĐSĐT, phản ánh:</i> + Số khấu hao BĐSĐT dùng để cho thuê hoạt động trích trong kỳ. + Chi phí sửa chữa, nâng cấp, cải tạo BĐSĐT không đủ điều kiện tính vào nguyên giá BĐSĐT. + Chi phí phát sinh từ nghiệp vụ cho thuê hoạt động BĐSĐT trong kỳ. + Giá trị còn lại của BĐSĐT bán, thanh lý trong kỳ. + Chi phí của nghiệp vụ bán, thanh lý BĐSĐT phát sinh trong kỳ. + Số tổn thất do giảm giá trị BĐSĐT năm giữ chờ tăng giá + Chi phí trích trước đối với hàng hóa bất động sản được xác định là đã bán.	+ Khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán nhận được sau khi mua đã tiêu thụ. + Số điều chỉnh tăng nguyên giá BĐSĐT năm giữ chờ tăng giá khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy BĐSĐT có dấu hiệu tăng giá trở lại. + Các khoản thuế nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường đã tính vào giá trị hàng mua, nếu khi xuất bán hàng hóa mà các khoản thuế đó được hoàn lại.

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

1.5.5 Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.3 Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán

1.6 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính

1.6.1 Nội dung

Theo Điều 58, Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 Bộ Tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính là các doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp, gồm:

- Tiền lãi: Lãi cho vay, lãi tiền gửi ngân hàng, lãi bán hàng trả chậm, trả góp, lãi
- đầu tư trái phiếu, tín phiếu, chiết khấu thanh toán được hưởng do mua hàng hoá, dịch vụ,...
- Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư.
- Thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn. Lãi
- chuyển nhượng vốn khi thanh lý các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác.
- Thu nhập về các hoạt động đầu tư khác.
- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ và đánh giá lại khoản mục tiền tệ có gốc
- ngoại tệ cuối kỳ, lãi do bán ngoại tệ.
- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác.

1.6.2 Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có, phiếu thu,...

- Bảng tính lãi
- Hợp đồng kinh tế
- Sổ phụ ngân hàng
- Sao kê ngân hàng

1.6.3 Tài khoản sử dụng

Theo Điều 58, Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 Bộ Tài chính, để phản ánh doanh thu hoạt động tài chính, kế toán sử dụng tài khoản 515 - “Doanh thu hoạt động tài chính”.

- ❖ Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 515 - “Doanh thu hoạt động tài chính”:

Nợ	TK 515	Có
- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có). - Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.		- Các khoản doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.

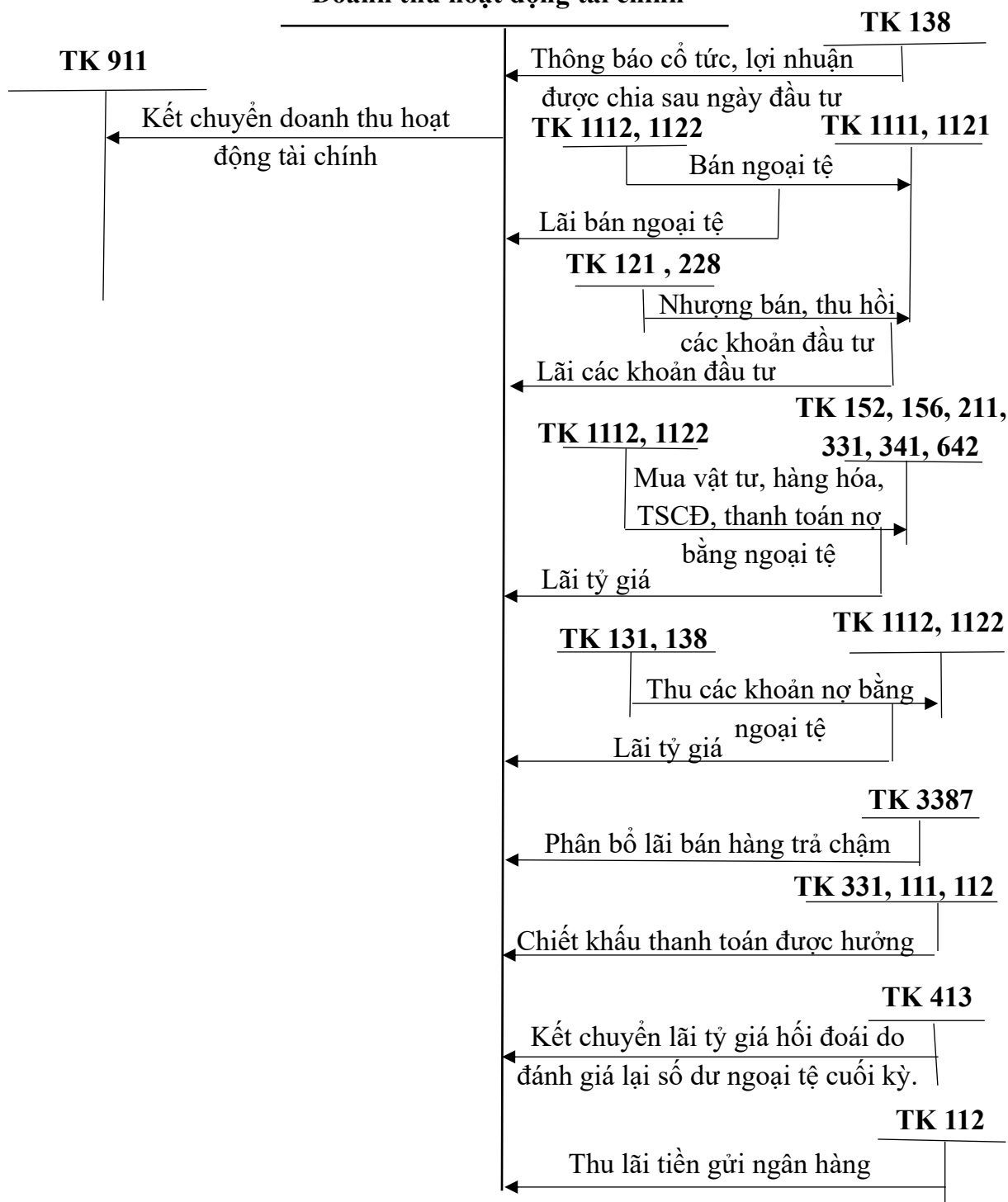


Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ.

1.6.4 Phương pháp hạch toán

TK 515

Doanh thu hoạt động tài chính



Sơ đồ 1.4 Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính

1.7 Kế toán chi phí tài chính

1.7.1 Nội dung

Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 63, Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 Bộ Tài chính, tài khoản 635 – “Chi phí tài chính” phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính, bao gồm:

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản thuê tài chính.
- Chiết khấu thanh toán cho người mua.
- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư, chi phí giao dịch bán chứng khoán.
- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ, lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối kỳ
- các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ, lỗ bán ngoại tệ.
- Số trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.
- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.
- Các khoản chi phí tài chính khác.

1.7.2 Chứng từ sử dụng

- Giấy thông báo trả tiền lãi
- Giấy báo nợ, phiếu chi
- Sổ phụ ngân hàng
- Bảng sao kê ngân hàng
- Khế ước ngân hàng

1.7.3 Tài khoản sử dụng

Theo Điều 63, Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 Bộ Tài chính, để phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính, kế toán sử dụng tài khoản 635 - “Chi phí tài chính”.

- ❖ Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 635 - “Chi phí tài chính”:

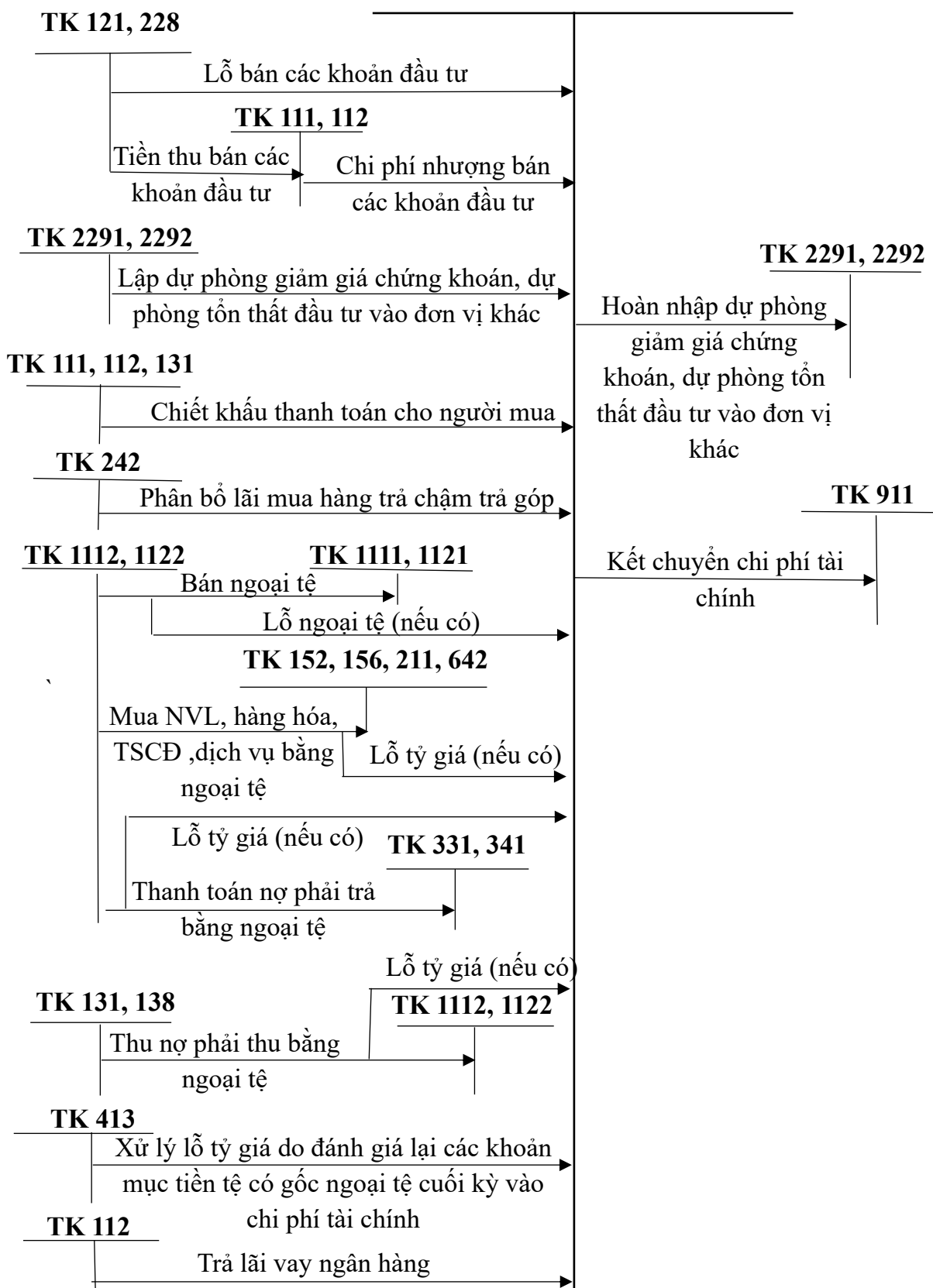
Nợ	TK 635	Có
- Các khoản chi phí phát sinh trong kỳ. - Trích lập bổ sung dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước).		- Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết). - Các khoản được ghi giảm chi phí tài chính. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh

✕
Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ.

1.7.4 Phương pháp hạch toán

TK 635

Chi phí tài chính



Sơ đồ 1.5 Sơ đồ hạch toán chi phí tài chính

1.8 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.8.1 Nội dung

Theo Điều 64, Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính, tài khoản 642 - “Chi phí quản lý kinh doanh”.

Chi phí quản lý kinh doanh, gồm: Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. Trong từng loại chi phí được theo dõi chi tiết theo từng nội dung chi phí như sau:

❖ *Đối với chi phí bán hàng:*

- Chi phí nhân viên
- Chi phí vật liệu, bao bì
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Chi phí bảo hành
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

❖ *Đối với chi phí quản lý doanh nghiệp:*

- Chi phí nhân viên quản lý
- Chi phí vật liệu quản lý
- Chi phí đồ dùng văn phòng
- Chi phí khấu hao TSCĐ
- Thuế, phí và lệ phí
- Chi phí dự phòng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí bằng tiền khác

1.8.2 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Hợp đồng thuê văn phòng, xe
- Giấy báo nợ, phiếu chi
- Bảng tính lương
- Bảng thanh toán tiền lương
- Bảng phân bổ công cụ dụng cụ
- Bảng phân bổ khấu hao TSCĐ
- Biên lai nộp thuế, phí, lệ phí

1.8.3 Tài khoản sử dụng

Theo Điều 64, thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ tài chính, để phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh, kế toán sử dụng tài khoản 642 - “Chi phí quản lý kinh doanh”.

Tài khoản 642 có 2 tài khoản cấp 2:

Tài khoản 6421 – Chi phí bán hàng

Tài khoản 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

- ❖ Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 642 - “Chi phí quản lý kinh doanh”:

Nợ	TK 642	Có
- Các chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ. - Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết).		- Các khoản được ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh. - Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết). - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào tài khoản 911 “Xác định kết quả kinh doanh”.



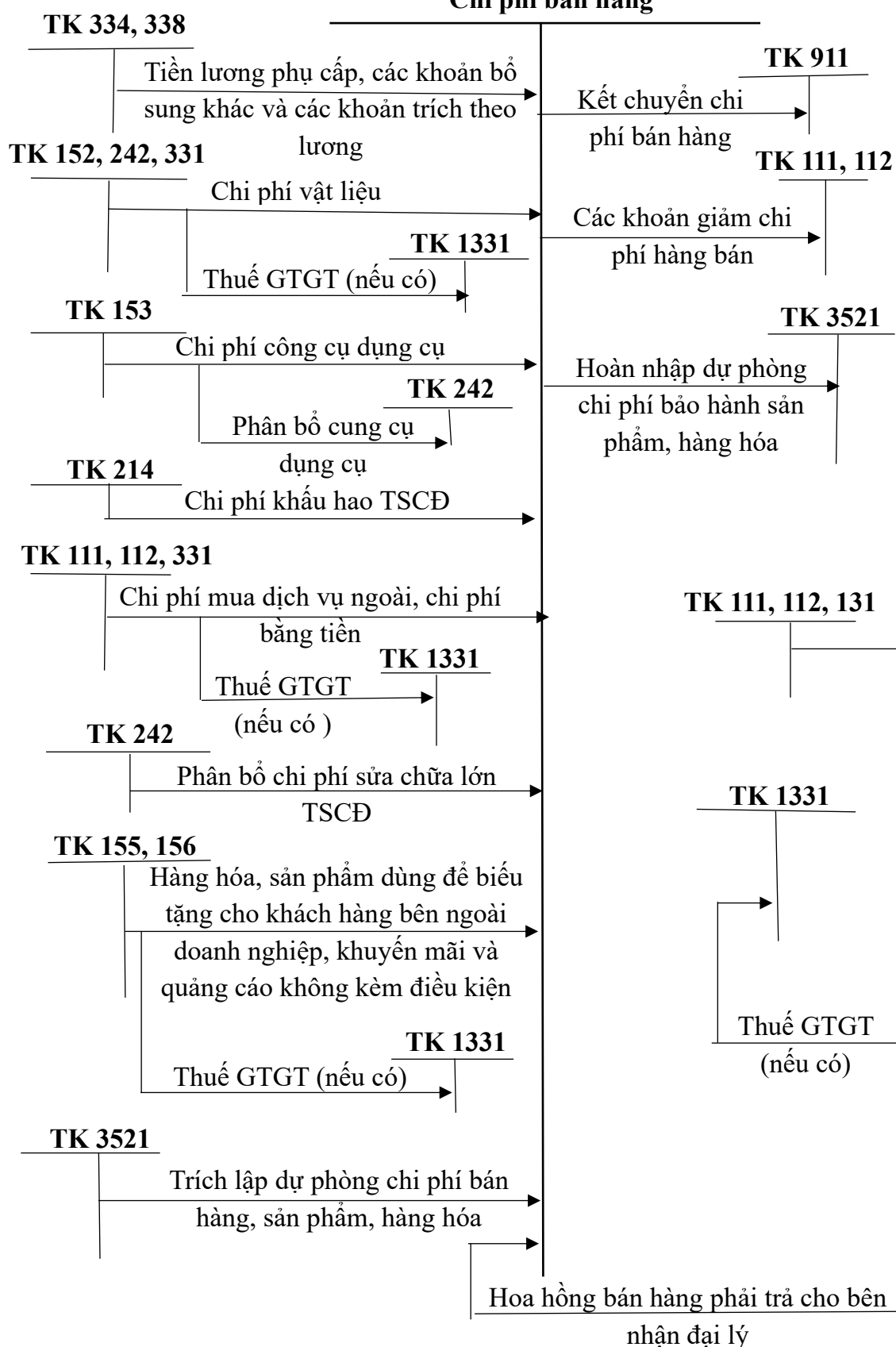
Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

1.8.4 Phương pháp hạch toán

- ❖ *Chi phí bán hàng*

TK 6421

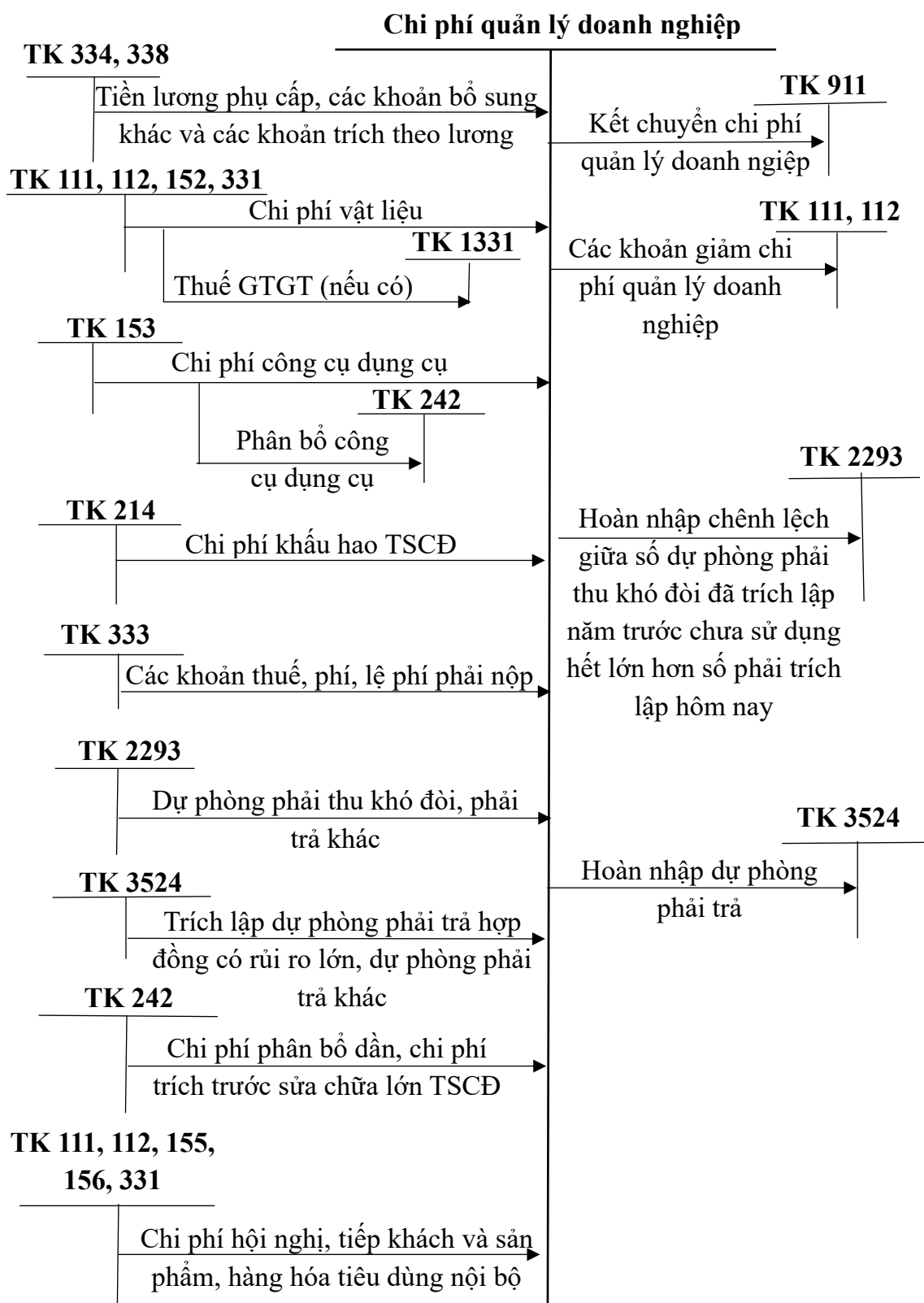
Chi phí bán hàng



Sơ đồ 1.6 Sơ đồ hạch toán chi phí bán hàng

❖ Chi phí quản lý doanh nghiệp

TK 6422



Sơ đồ 1.7 Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp

1.9 Kế toán thu nhập khác

1.9.1 Nội dung

Theo Điều 65, Thông tư 133/2016/TT-BTC

Các khoản thu nhập khác ngoài hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, gồm:

- Thu nhập từ nhượng bán, thanh lý TSCĐ
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC cao hơn chi phí đầu tư
- xây dựng tài sản đồng kiểm soát.
- Chênh lệch lãi do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, tài sản cố định đưa đi góp vốn
- liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư khác.
- Các khoản thuế phải nộp khi bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ nhưng sau đó được giảm, được hoàn (thuế xuất khẩu được hoàn, thuế GTGT, TTĐB, BVMT phải nộp nhưng sau đó được giảm).
- Thu tiền phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng.
- Thu tiền bồi thường của bên thứ ba để bù đắp cho tài sản bị tổn thất (ví dụ thu tiền bảo hiểm được bồi thường, tiền đền bù di dời cơ sở kinh doanh và các khoản có tính chất tương tự).
- Thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý xóa sổ.
- Thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ.
- Các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ không tính trong doanh thu (nếu có).
- Thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp.
- Giá trị số hàng khuyến mại không phải trả lại nhà sản xuất.
- Các khoản thu nhập khác ngoài các khoản nêu trên.

1.9.2. Chứng từ sử dụng

- Giấy báo có
- Phiếu thu
- Phiếu kế toán
- Biên bản vi phạm hợp đồng
- Hóa đơn GTGT
- Biên bản giao nhận TSCĐ
- Biên bản thanh lý TSCĐ

1.9.3 Tài khoản sử dụng

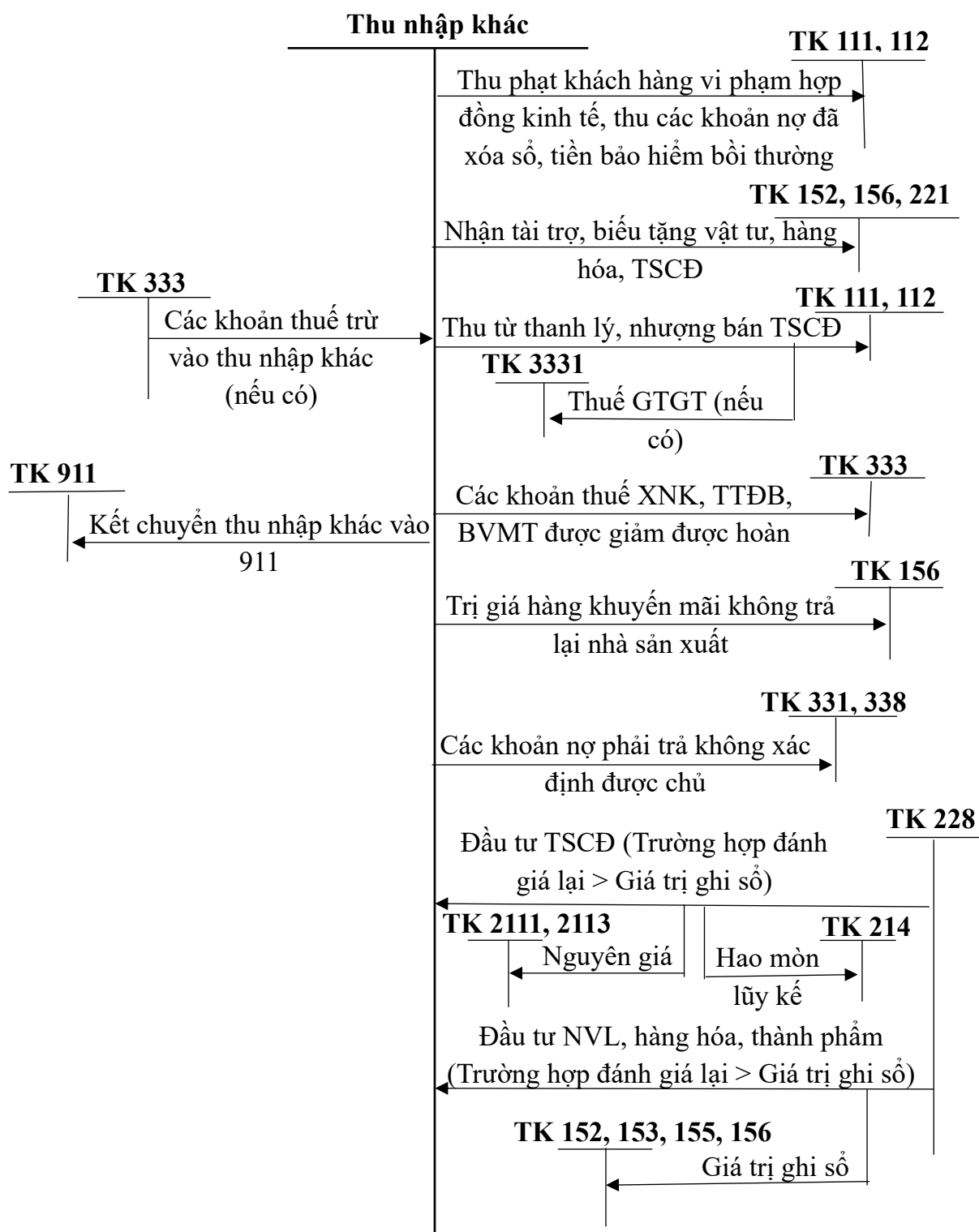
Theo Điều 65, Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính để phản ánh thu nhập khác, kế toán sử dụng tài khoản 711-“Thu nhập khác”.

❖ Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 711

Nợ	TK 711	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp. - Cuối kỳ kế toán, kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".		- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.
		

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ.

1.9.4 Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.8 Sơ đồ hạch toán thu nhập khác

1.10 Kế toán chi phí khác**1.10.1 Nội dung**

Theo Điều 66, Thông tư 133/2016/TT-BTC

Chi phí khác là những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp. Chi phí khác của doanh nghiệp có thể gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ (gồm cả chi phí đấu thầu hoạt động thanh lý). Số tiền thu từ bán hồ sơ thầu hoạt động thanh lý, nhượng bán TSCĐ được ghi giảm chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ.
- Chênh lệch giữa giá trị hợp lý tài sản được chia từ BCC nhỏ hơn chi phí đầu tư xây dựng tài sản đồng kiểm soát.
- Giá trị còn lại của TSCĐ bị phá dỡ.
- Giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán TSCĐ (nếu có).
- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hóa, TSCĐ đưa đi góp vốn vào công ty liên doanh, liên kết và đầu tư khác.
- Tiền phạt phải trả do vi phạm hợp đồng kinh tế, phạt vi phạm hành chính.
- Các khoản chi phí khác.

1.10.2. Tài khoản sử dụng

Theo Điều 66 của TT133/2016/TT-BTC để phản ánh chi phí khác, kế toán sử dụng tài khoản 811: " Chi phí khác"

❖ Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 811

Nợ	TK 811	Có
Các khoản chi phí khác phát sinh		Cuối kỳ, kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ vào tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

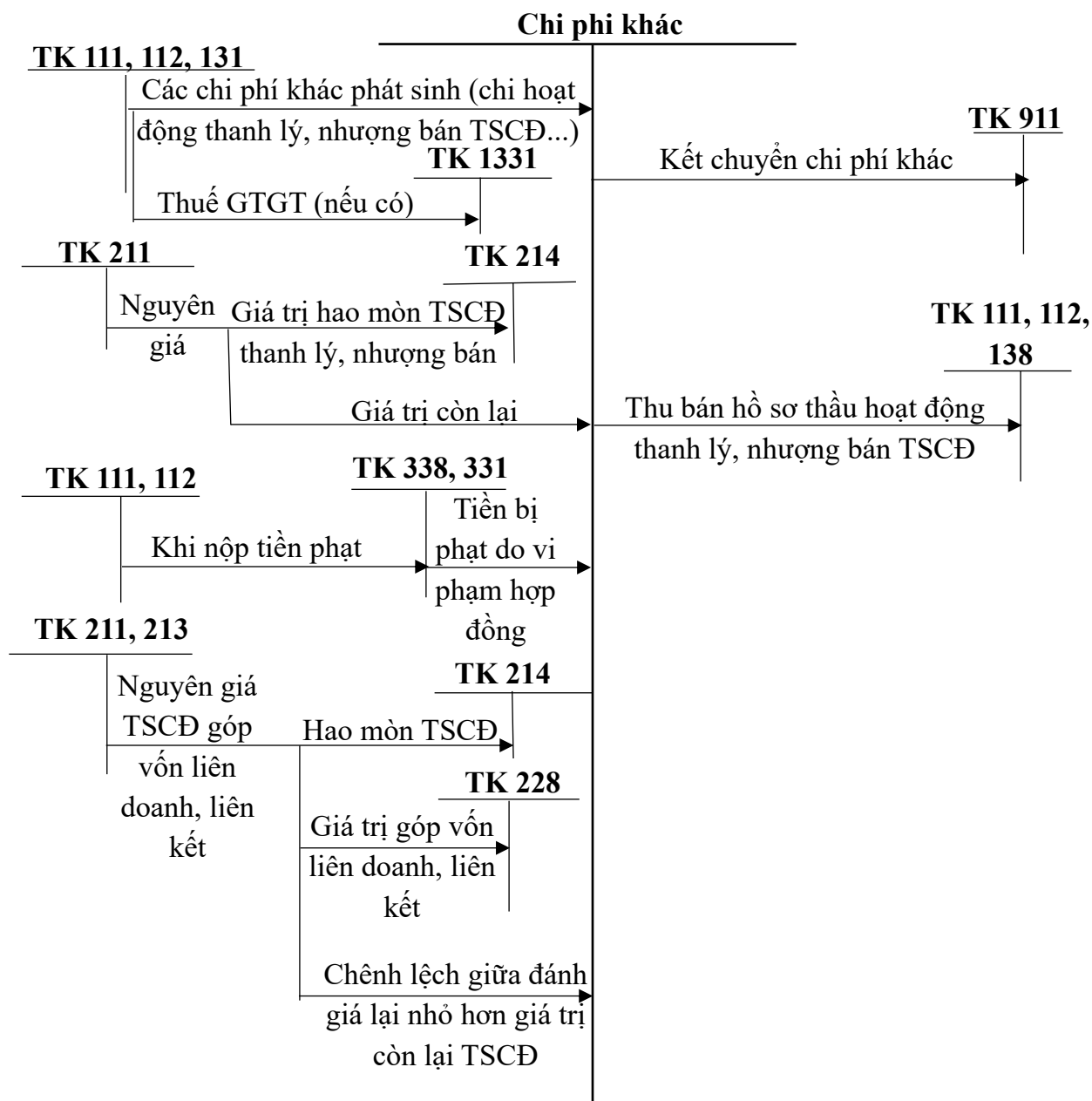


Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

1.10.3 Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi
- Biên bản vi phạm hợp đồng
- Biên bản thanh lý TSCĐ
- Biên bản đánh giá lại TSCĐ
- Quyết định phạt từ cơ quan nhà nước
- Giấy báo nợ
- Biên bản giao nhận TSCĐ

1.10.4 Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.9 Sơ đồ hạch toán chi phí khác

1.11 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

1.11.1 Nội dung

Theo quy định tại khoản 1 Điều 67 Thông tư 133/2016/TT-BTC, nguyên tắc kế toán đối với tài khoản 821 như sau:

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

- Hàng quý, kế toán căn cứ vào chứng từ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp để ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp vào chi phí thuế thu nhập

doanh nghiệp. Cuối năm tài chính, căn cứ vào tờ khai quyết toán thuế, nếu số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp trong năm nhỏ hơn số phải nộp cho năm đó, kế toán ghi nhận số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp thêm vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. Trường hợp số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp trong năm lớn hơn số phải nộp của năm đó, kế toán phải ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp là số chênh lệch giữa số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp trong năm lớn hơn số phải nộp.

- Trường hợp phát hiện sai sót không trọng yếu liên quan đến khoản thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước, doanh nghiệp được hạch toán tăng (hoặc giảm) số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm phát hiện sai sót.
- Đối với các sai sót trọng yếu, kế toán điều chỉnh hồi tố.
- Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán phải kết chuyển chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh vào tài khoản 911 - "Xác định kết quả kinh doanh" để xác định lợi nhuận sau thuế trong kỳ kế toán.

$$\text{Thuế TNDN phải nộp} = \left(\text{Thu nhập tính thuế} - \text{Phần trích lập công nghệ (nếu có)} \right) \times \text{Thuế suất thuế TNDN}$$

$$\text{Thu nhập tính thuế} = \text{Thu nhập chịu thuế} - \left(\text{Thu nhập được miễn thuế} + \text{Các khoản lỗ được kết chuyển theo quy định} \right)$$

$$\text{Thu nhập chịu thuế} = \left(\text{Doanh thu} - \text{Chi phí được trừ} \right) + \text{Thu nhập khác}$$

1.11.2 Chứng từ sử dụng

- Giấy nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước
- Biên lai nộp thuế
- Phiếu chi, ủy nhiệm chi

- Tờ khai quyết toán thuế TNDN

1.11.3 Tài khoản sử dụng

Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính, để phản ánh chi phí thuế TNDN, kế toán sử dụng tài khoản 821 - " Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp"

- ❖ Kết cấu và nội dung phản ánh của tài khoản 821 - Chi phí thuế TNDN

Nợ	TK 821	Có
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm. - Thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước phải nộp bổ sung do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi tăng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm hiện tại		- Số thuế thu nhập doanh nghiệp thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế thu nhập doanh nghiệp tạm phải nộp được giảm trừ vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp đã ghi nhận trong năm. - Số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện tại. - Kết chuyển số chênh lệch giữa chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp phát sinh trong năm lớn hơn khoản được ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm vào tài khoản 911 – “Xác định kết quả kinh doanh”.



Tài khoản 821 không có số dư cuối kỳ

1.11.4 Phương pháp hạch toán

TK 821

Nợ	Chi phí thuế TNDN	Có
TK 3334		TK 3334
Xác nhận thuế TNDN tạm nộp trong quỹ	← Giảm thuế TNDN trong năm do sai sót không trọng yếu của năm trước	
Nộp thuế bổ sung thuế TNDN do sai sót không trọng yếu của năm trước	← Giảm chi phí thuế TNDN đã ghi nhận trong năm do quyết toán thuế TNDN nhỏ hơn thuế TNDN tạm nộp.	
Nộp bổ sung chi phí thuế TNDN đã ghi nhận trong năm do quyết toán thuế TNDN lớn hơn thuế TNDN tạm nộp.		
		TK 911
		Kết chuyển thuế TNDN →

Sơ đồ 1.10 Sơ đồ hạch toán chi phí thuế TNDN

1.12 Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.12.1 Nội dung

Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác.

+ Kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư, như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.

+ Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

Các khoản doanh thu và thu nhập được kết chuyển vào tài khoản này là số doanh thu thuần và thu nhập thuần.

* Xác định kết quả kinh doanh được tính theo công thức sau:

- Lợi nhuận sau thuế = Lợi nhuận kế toán trước thuế - Chi phí thuế TNDN.

Doanh thu thuần về BH và CCDV	=	Doanh thu BH và CCDV	-	Các khoản giảm trừ doanh thu
----------------------------------	---	----------------------------	---	---------------------------------

Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	=	Doanh thu thuần về BH và CCDV	-	Giá vốn bán hàng
--------------------------------	---	-------------------------------------	---	---------------------

Lợi nhuận thuần từ HĐKD	=	LN gộp về BH và CCDV	+	Doanh thu hoạt động tài chính	-	Chi phí tài chính	-	Chi phí QLKD
-------------------------------	---	----------------------------	---	-------------------------------------	---	-------------------------	---	-----------------

Lợi nhuận khác	=	Doanh thu khác	-	Chi phí khác
----------------------	---	-------------------	---	--------------

Tổng lợi nhuận kế toán trước	=	Lợi nhuận thuần từ HĐKD	+	Lợi nhuận khác
------------------------------------	---	-------------------------------	---	-------------------

1.12.2 Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán
- Phiếu kết chuyển

1.12.3 Tài khoản sử dụng

Theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính, để phản ánh kết quả hoạt động kinh doanh, kế toán sử dụng tài khoản 911 - "Xác định kết quả kinh doanh".

❖ Kết cấu và nội dung phản ánh của TK 911:

Nợ	TK 911	Có
- Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán. - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác. - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp. - Kết chuyển lãi		- Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ. - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản kết chuyển giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp. - Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

1.12.4 Phương pháp hạch toán

TK 911

Nợ	Xác định kết quả kinh doanh	Có
TK 632		TK 511
Kết chuyển chi phí bán hàng	Kết chuyển doanh thu thuần về BH và CCDV	
TK 635		TK 515
Kết chuyển chi phí tài chính	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	
TK 642		TK 711
Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	Kết chuyển thu nhập khác	
TK 811		TK 421
Kết chuyển chi phí khác	Kết chuyển lỗ	
TK 821		
Kết chuyển chi phí thuế TNDN		
TK 421		
Kết chuyển lãi		

Sơ đồ 1.11 Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER

2.1 Tổng quan về Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer

2.2.1 Thông tin khái quát về Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer

Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer là một trong những doanh nghiệp kinh doanh về lĩnh vực thương mại dịch vụ (mua bán máy tính và thiết bị công nghệ thông tin), trong đó ngành nghề chính là bán buôn tổng hợp (mã ngành 4690). Trên thực tế, doanh nghiệp chuyên cung cấp các dòng máy tính PC văn phòng, linh kiện máy tính, thiết bị điện tử cho khách hàng cá nhân, doanh nghiệp và các đơn vị cơ quan tại khu vực Đà Nẵng và các khu vực lân cận. Ngoài ra, Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer còn cung cấp dịch vụ sửa chữa, bảo hành và bảo trì máy tính, đáp ứng nhu cầu kỹ thuật của khách hàng một cách nhanh chóng và hiệu quả. Công ty được thành lập theo giấy phép kinh doanh số 4001263697 do Sở Tài chính tỉnh Quảng Nam cấp ngày 02/03/2023.

- Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER
- Trụ sở chính: Số 182 Hùng Vương, Phường Tam Kỳ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam.
- Mã số thuế: 4001263697



- Biểu tượng của công ty:
- Hình thức sở hữu: Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên
- Người đại diện theo pháp lý: Nguyễn Phước Ninh
- Giám đốc: Nguyễn Phước Ninh
- Vốn điều lệ: 2.000.000.000 đồng
- Số điện thoại: 0931.925.878
- Email: phuocninhcntt@gmail.com
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số: 4001263697 do Sở Tài Chính tỉnh Quảng Nam cấp ngày 02/03/2023. Đăng ký thay đổi lần thứ 2 vào ngày 17/04/2025.
- Ngành nghề chính: Bán buôn tổng hợp (mã ngành 4690)
- Ngành nghề phụ: Sửa chữa máy móc, thiết bị (mã ngành 3312),...
- ❖ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (Phụ lục 1)

2.1.2 Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer

Ngày 05/03/2023, Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer đã chính thức hoạt động theo giấy phép kinh doanh số 4001263697. Công ty hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại dịch vụ (mua bán máy tính và thiết bị công nghệ thông tin).

Trong giai đoạn đầu những ngày thành lập, công ty đã tập trung vào mua bán máy tính mới và cả những dòng máy tính đã qua sử dụng, song song với đó công ty còn cung cấp các dịch vụ sửa chữa, bảo trì và bảo hành các dòng máy tính và thiết bị công nghệ thông tin. Với quy mô ban đầu còn nhỏ, công ty đã phục vụ bằng chữ “Tâm” để đảm bảo chất lượng sản phẩm và dịch vụ tới khách hàng, nhằm xây dựng nên một uy tín cho tương lai.

Sau một năm hoạt động, với sự phát triển ổn định của doanh nghiệp về số lượng khách và hoạt động kinh doanh, công ty đã mở rộng quy mô bằng việc thành lập thêm một chi nhánh mới. Hiện nay, công ty đang hoạt động với mô hình hai chi nhánh tách biệt, bao gồm chi nhánh 1 dành cho bộ phận kỹ thuật chuyên sửa chữa, bảo trì và bảo hành, bên cạnh đó chi nhánh 2 dành cho trưng bày và kinh doanh sản phẩm. Tuy nhiên, việc tách biệt hoạt động ra 2 chi nhánh cũng đặt ra cho công ty một số khó khăn, nhất là trong việc cung cấp linh kiện, thiết bị khi kỹ thuật viên cần để phục vụ cho công việc sửa chữa,...

Sau khi trải qua quá trình hình thành và phát triển, đến nay Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer đã từng bước khẳng định vị trí của mình trong lĩnh vực kinh doanh của doanh nghiệp tại khu vực.

2.1.3 Đặc điểm hoạt động kinh doanh tại Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer

a) Lĩnh vực kinh doanh

Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer là doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh thương mại dịch vụ (phân phối các sản phẩm máy tính, chủ yếu là máy tính PC văn phòng và các thiết bị công nghệ liên quan). Bên cạnh hoạt động thương mại, công ty còn cung cấp các dịch vụ kỹ thuật như sửa chữa, bảo trì, nâng cấp và bảo hành máy tính, thiết bị văn phòng nhằm đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng. Hoạt động kinh doanh của công ty tập trung vào chất lượng sản phẩm và dịch vụ, chú trọng quy trình kỹ thuật, thái độ phục vụ chuyên nghiệp và sự hài lòng của khách hàng. Đồng thời, doanh nghiệp từng bước ứng dụng phần mềm công nghệ trong cung cấp dịch vụ để nâng cao hiệu quả hoạt động, mở rộng thị trường và xây dựng uy tín thương hiệu tại thành phố Đà Nẵng, đồng thời tuân thủ đầy đủ các quy định của Nhà nước đối với loại hình kinh doanh của doanh nghiệp.

b) Phương thức bán hàng và cung cấp dịch vụ

Công ty đang áp dụng chủ yếu hình thức bán hàng: bán lẻ.

Bán lẻ hàng hóa là phương thức bán hàng trực tiếp cho người tiêu dùng hoặc các đơn vị, cơ quan tập thể mua về mang tính chất tiêu dùng nội bộ. Bán hàng theo phương thức này có đặc điểm là hàng hóa đã ra khỏi lĩnh vực lưu thông và đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị sử dụng của hàng hóa đã được thực hiện. Bán lẻ thường bán đơn chiếc hoặc bán với số lượng nhỏ, giá bán thường ổn định.

c) Hình thức thanh toán

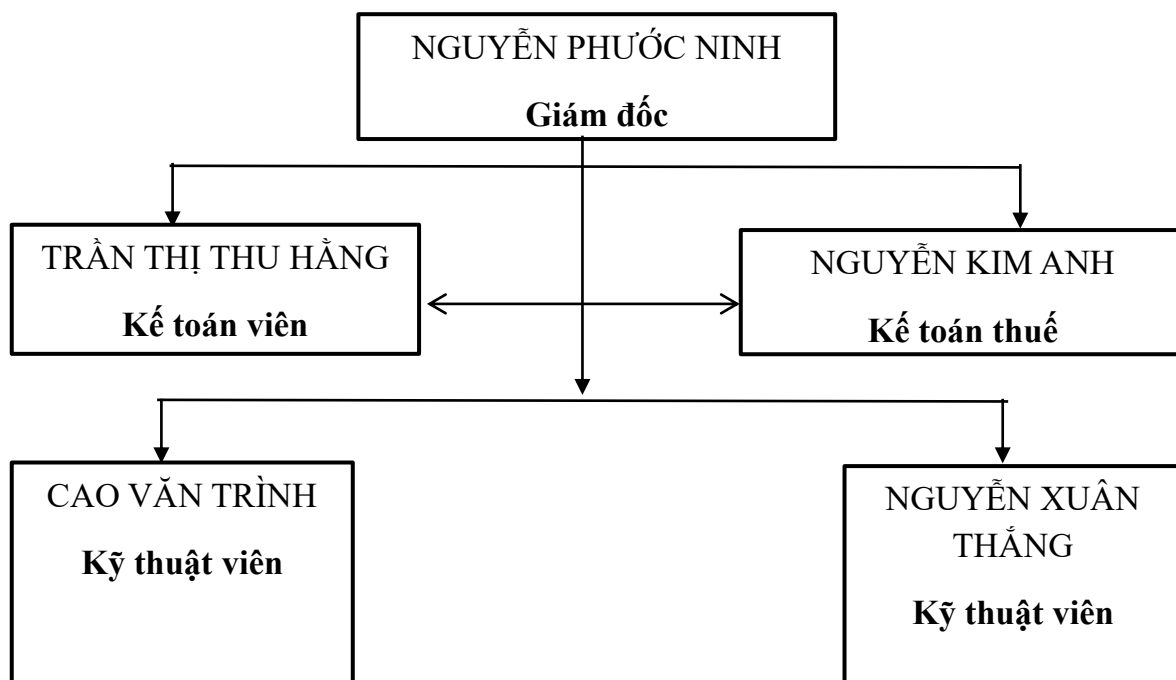
Công ty áp dụng 2 hình thức thanh toán chủ yếu, đó là: Hình thức thanh toán bằng tiền mặt và hình thức thanh toán không bằng tiền mặt.

- Trường hợp thanh toán bằng tiền mặt: là việc thanh toán phải thực hiện trực tiếp với thủ quỹ của bên bán hoặc với người đại diện được bên bán ủy quyền bằng giấy giới thiệu chính thức để nhận một khoản thanh toán cụ thể. Bên bán sẽ không chịu trách nhiệm bất kỳ khoản thanh toán nào không có giấy giới thiệu hoặc phiếu thu chính thức.
- Trường hợp thanh toán không bằng tiền mặt: Là hình thức khách hàng thực hiện việc chi trả bằng cách chuyển khoản; bù trừ giữa giá trị hàng hóa, dịch vụ mua với hàng hóa, dịch vụ bán ra; bù trừ công nợ; ủy quyền cho người thứ ba thanh toán không dùng tiền mặt; hay thanh toán tiền bằng cổ phiếu trái phiếu; đối với hàng hóa mua trả chậm trả góp có giá trị từ 5 triệu trở lên căn cứ vào hợp đồng không dùng tiền mặt. Phương thức này giúp giao dịch diễn ra nhanh chóng, an toàn, hạn chế sử dụng tiền mặt và tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi, đối chiếu cũng như quản lý dòng tiền trong doanh nghiệp.

2.2 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer

2.2.1 Sơ đồ bộ máy quản lý

Bộ máy tổ chức của Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer được xây dựng theo mô hình tinh gọn nhưng vẫn tuân theo những nguyên tắc nhất định, phù hợp với quy mô thực tế của doanh nghiệp, cụ thể như sau:



Sơ đồ 2.1 Sơ đồ các nhân sự tại Công ty Nguyễn Ninh Computer

2.2.2 Chức năng và nhiệm vụ của từng bộ phận tại Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer

Giám đốc: là người đại diện cho mọi nghĩa vụ, quyền hạn của công ty trước pháp luật và cơ quan Nhà nước, đồng thời là chủ sở hữu, chịu trách nhiệm quản lý chung và định hướng toàn bộ hoạt động kinh doanh của công ty. Ngoài ra, Giám đốc còn thực hiện việc ký duyệt các hợp đồng, hoạt động, mua sắm TSCĐ phục vụ cho công tác hoạt động của công ty.

Bộ phận kế toán: Có nhiệm vụ thu thập và xử lý thông tin phản ánh tình hình tài chính công ty một cách đầy đủ, chính xác và kịp thời đồng thời đáp ứng các quy định của luật kế toán, chế độ kế toán về chứng từ và các loại sổ sách, báo cáo và cập nhật nắm bắt các luật thuế, chính sách mới ban hành. Hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh của công ty trong kỳ kế toán đầy đủ và chính xác.

Đảm bảo tính hợp pháp, tính kịp thời và chính xác trong việc lập sổ sách tài liệu kế toán.

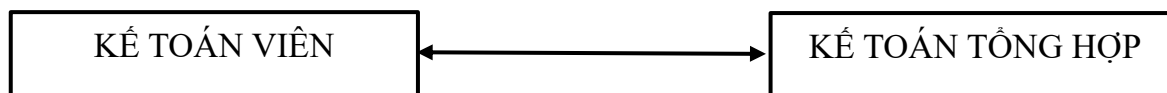
Cung cấp kịp thời và đầy đủ các báo cáo kế toán về hoạt động kinh doanh, các khoản phải thu chi của công ty cho Giám đốc, đưa ra các ý kiến góp ý của mình để giúp công ty tìm kiếm phương án giải quyết vấn đề một cách hiệu quả nhất.

Bộ phận kỹ thuật: Có chức năng thực hiện các công việc chuyên môn như lắp ráp, cài đặt, sửa chữa, bảo trì và bảo hành thiết bị, góp phần đảm bảo chất lượng sản phẩm và dịch vụ của công ty. Bộ phận này có trách nhiệm hỗ trợ khách hàng xử lý các sự cố kỹ thuật trước khi bàn giao cho khách hàng và thực hiện các công tác sửa

chữa theo đúng quy trình kỹ thuật. Bên cạnh đó, bộ phận kỹ thuật còn hỗ trợ khách hàng xử lý các sự cố phát sinh trong quá trình sử dụng, tư vấn giải pháp kỹ thuật phù hợp và chịu trách nhiệm về mặt kỹ thuật cũng như chất lượng dịch vụ kỹ thuật cung cấp cho khách hàng.

2.3 Tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer

2.3.1 Bộ máy kế toán



Sơ đồ 2.2 Sơ đồ bộ máy kế toán tại Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer

2.3.2 Chức năng từng bộ phận

Kế toán viên: Là người thực hiện toàn bộ công việc kế toán của công ty (ngoại trừ việc lập báo cáo tài chính), đồng thời phối hợp với việc giám sát và sử dụng nguồn tài sản, tài chính trong công ty.

Hằng ngày, Kế toán viên có nhiệm vụ xuất hóa đơn GTGT, lập chứng từ kế toán khác, kiểm tra, đối chiếu, hạch toán và nhập chứng từ kế toán phát sinh vào phần mềm kế toán, phản ánh đầy đủ, kịp thời các khoản doanh thu và thu nhập phát sinh trong kỳ.

Bên cạnh đó, Kế toán viên còn thực hiện đối chiếu số dư tài khoản với sao kê ngân hàng định kỳ, theo dõi và quản lý công nợ phải thu khách hàng và công nợ phải trả nhà cung cấp, theo dõi tình hình thu, chi và quản lý sổ quỹ theo đúng quy định và kịp thời báo cáo với cấp trên khi có yêu cầu.

Ngoài ra, kế toán viên còn phải chịu trách nhiệm kiểm tra và lưu trữ chứng từ, sổ sách kế toán nội bộ một cách khoa học và an toàn.

Kế toán tổng hợp: là người ghi nhận, kiểm tra, đối chiếu, phân tích và lập báo cáo tài chính (BCTC), báo cáo thuế, báo cáo quản trị. Nhiệm vụ bao gồm lập tờ khai (GTGT, TNDN, TNCN), đối chiếu số dư, kết chuyển lãi lỗ, và phối hợp với cơ quan thuế, đảm bảo tính chính xác, minh bạch tài chính và tuân thủ pháp luật thuế.

Hằng quý, tiến hành kiểm tra và rà soát các loại hóa đơn, chứng từ ghi nhận trên sổ sách kế toán để lập tờ khai giá trị gia tăng theo hàng quý, tạm tính thuế thu nhập cá nhân và thu nhập doanh nghiệp. Lập các báo cáo tài chính, các báo cáo quản trị theo yêu cầu của Ban lãnh đạo.

2.3.3 Chế độ kế toán và chính sách kế toán tại Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer

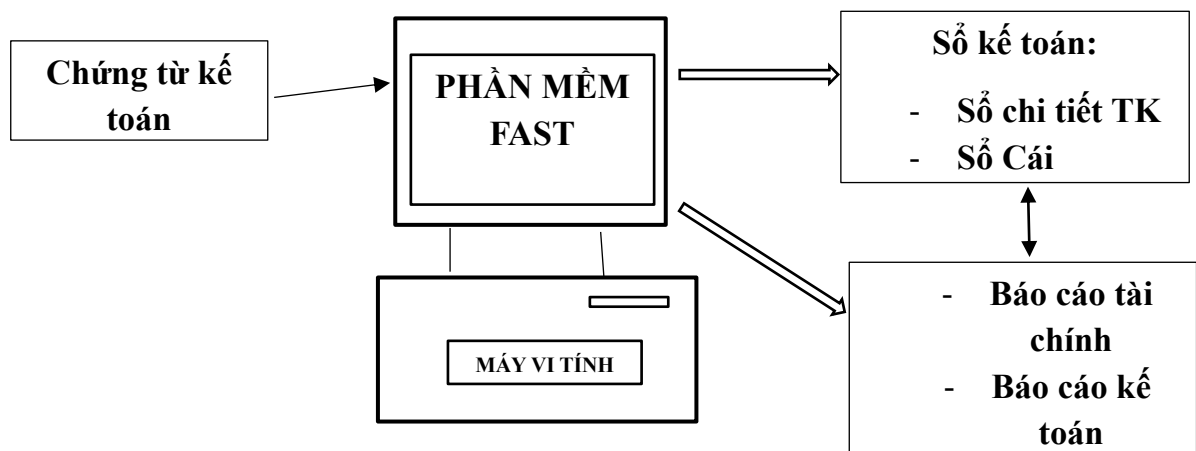
- Áp dụng chế độ kế toán dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 theo Bộ Tài chính ban hành. Báo cáo tài

chính được lập và trình bày phù hợp, tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa.

- Niên độ kế toán của công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm (dương lịch).
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VNĐ).
- Phương pháp kế toán hàng tồn kho:
 - + Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc.
 - + Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Theo phương pháp Bình quân gia quyền (cuối tháng).
 - + Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Theo Kế khai thường xuyên.
- Phương pháp tính khấu hao: Theo phương pháp đường thẳng.
- Phương pháp tính thuế GTGT: Theo phương pháp khấu trừ.
- Hình thức ghi sổ: Nhật ký chung
- Phần mềm kế toán sử dụng: Phần mềm Fast Accounting Online.
- Hệ thống Báo cáo tài chính sử dụng tại doanh nghiệp:
 - + Bảng cân đối kế toán
 - + Báo cáo kết quả kinh doanh
 - + Báo cáo lưu chuyển tiền tệ
 - + Thuyết minh Báo cáo tài chính

2.3.4 Hình thức ghi sổ kế toán tại Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer

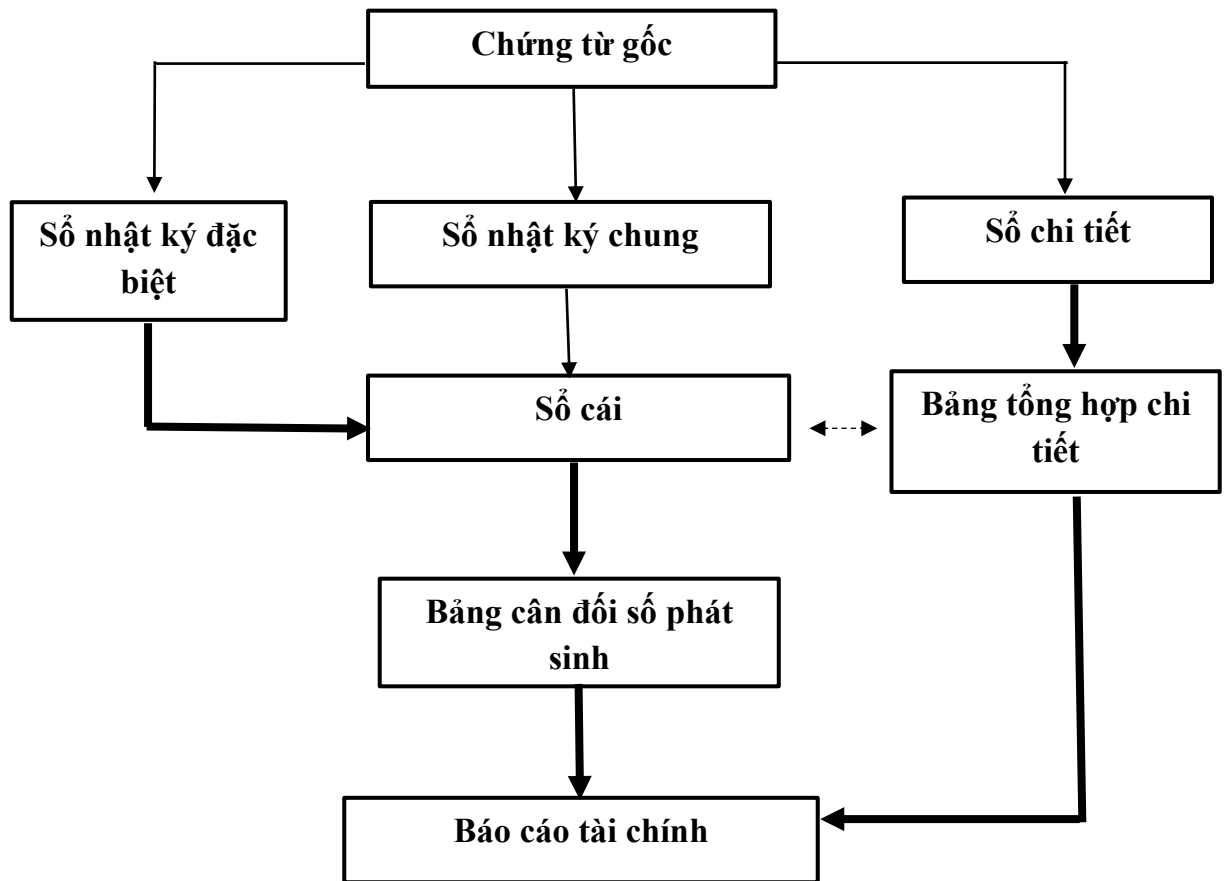
Tại Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer, hiện nay Công ty đang sử dụng hình thức kế toán Nhật ký chung được thực hiện trên phần mềm Fast Accounting Online, như sau:



Sơ đồ 2.3 Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán trên phần mềm Fast Accounting Online

Ghi chú:

- : Nhập số liệu hằng ngày
=====→ : In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm
<-----> : Đối chiếu, kiểm tra



Sơ đồ 2.4 Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán theo Hình thức Nhật ký chung

Ghi chú:

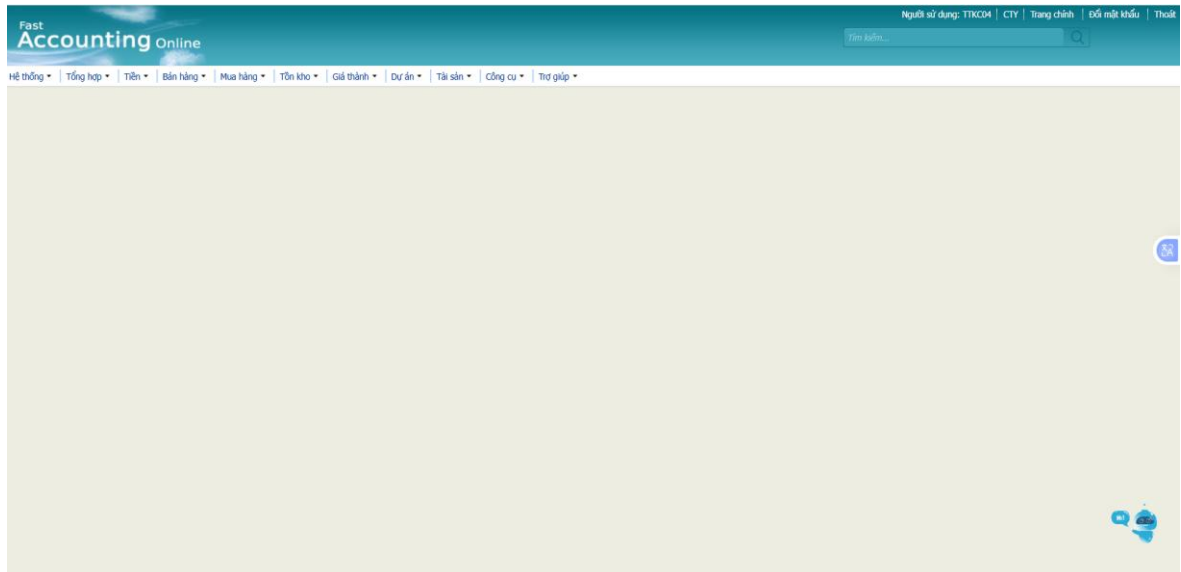
- : Ghi hằng ngày
=====→ : Ghi cuối kỳ
<-----> : Đối chiếu kiểm tra

2.3.5 Phần mềm kế toán tại Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer

Để công việc có thể nhanh chóng và hoàn thiện hơn, công ty đã sử dụng phần mềm Fast Accounting Online trong công tác kế toán của công ty.

Hằng ngày, căn cứ chứng từ gốc (đã kiểm tra), kế toán viên thực hiện nhập dữ liệu vào phần mềm kế toán. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động cập nhật vào sổ chi tiết các tài khoản, sổ nhật ký chung và sổ cái của từng tài

khoản. Cuối mỗi tháng, kế toán viên thực hiện các bút toán kết chuyển. Cuối năm, kế toán thuế thực hiện các thao tác khóa sổ và lập Báo cáo tài chính (BCTC).



Hình 2.1 Giao diện phần mềm Fast Accounting Online

Các phân hệ của phần mềm:

- Phân hệ “Hệ thống”
- Phân hệ “Tổng hợp”
- Phân hệ “Tiền”
- Phân hệ “Bán hàng”
- Phân hệ “Mua hàng”
- Phân hệ “Tồn kho”
- Phân hệ “Giá thành”
- Phân hệ “Dự án”
- Phân hệ “Tài sản”
- Phân hệ “Công cụ”

2.4 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty Nguyễn Ninh Computer

2.4.1 Nội dung

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty là các doanh thu được ghi nhận từ hoạt động bán hàng, sửa chữa main laptop, sửa quạt laptop, sửa bản lề laptop, dịch vụ di dời tivi camera và thi công lắp đặt dây điện, dịch vụ dò đường mạng kéo dây mạng, sửa máy giặt,... Doanh thu được ghi nhận theo giá chưa có thuế.

2.4.2 Chứng từ sử dụng tài khoản sử dụng và sổ sách sử dụng

- Hóa đơn GTGT

- Hợp đồng kinh tế
- Phiếu kế toán
- Phiếu xuất kho
- Phiếu thu, giấy báo có

2.4.3 Tài khoản sử dụng và sổ sách sử dụng

a) Tài khoản sử dụng

Tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tài khoản chi tiết 5111 – Doanh thu bán hàng hóa

Tài khoản chi tiết 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

b) Sổ sách sử dụng

- Sổ Nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Sổ chi tiết tài khoản 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- Sổ chi tiết tài khoản 5111 – Doanh thu bán hàng hóa
- Sổ chi tiết tài khoản 5113 – Doanh thu cung cấp dịch vụ

2.4.4 Quy trình ghi sổ

❖ Doanh thu bán hàng

Nghiệp vụ 1: Ngày 11 tháng 03 năm 2025, Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer xuất bán cho Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Phát triển Hạ tầng khu Công nghiệp và Đô thị Chu Lai Trường Hải máy tính để bàn Lenovo ThinkCentre Neo 50t Gen 5 (gồm i5 - 13400 – 8GB RAM 512GB SSD – WF+BT – K+M – No OS – 1Yr Premier Suppor_12UB0022VA) với số lượng 1 cái, Màn hình máy tính Lenovo ThinkVision 60.45cm E24-30 (C23238FE0) 23.8 inch, 3Y Monitor (HDMI)-63DMAR2WW với số lượng 1 cái và Bộ lưu điện USP Santak TG 750 PRO với số lượng 1 bộ. Đơn giá bán lần lượt là 13.227.273 đồng, 2.500.000 đồng và 1.200.000 đồng (giá chưa thuế) . Thông tin thể hiện trên các chứng từ gồm:

- Bảng báo giá (Phụ lục 2)
- Hóa đơn GTGT
- Giấy báo có (Phụ lục 3)

➤ Hóa đơn GTGT



HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG VAT INVOICE

Ngày (Day) 11 tháng (month) 03 năm (year) 2025 Ký hiệu (Serial No.): 1C25TNN
MCQT cấp (Verification Code): 0012D08D039792488C8AB4E2E55FEF88D6 Số (Invoice No.): 72

Đơn vị bán hàng (Seller): **CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER**
Mã số thuế (Tax Code): **4001263697**
Địa chỉ (Address): **Số 182 Hùng Vương, Phường An Xuân, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam**
Số tài khoản (Account No.): **118002949726, tại Ngân hàng Vietinbank Chi nhánh Quảng Nam**
Điện thoại (Phone): **0931925878**

Họ tên người mua hàng (Buyer):
Tên đơn vị (Company): **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ CHU LAI TRƯỜNG HẢI**
Mã số thuế (Tax Code): **4000482745** Đồng tiền thanh toán (Payment Currency): **VND**
Địa chỉ (Address): **Thôn 4, Xã Tam Hiệp, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam**
Số tài khoản (Account No.): **Hình thức thanh toán (Method of Payment): TM/CK**

Stt No.	Tên hàng hóa, dịch vụ Item	Đvt UOM	Số lượng Quantity	Đơn giá Price	Thành tiền Amount
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Máy tính để bàn Lenovo ThinkCentre Neo 50t Gen 5 (gồm i5-13400 - 8GB RAM - 512GB SSD - WF+BT - K+M - No OS - 1Yr Premier Suppor_12UB0022VA)	Cái	1	13.227.273	13.227.273
2	Màn hình máy tính Lenovo ThinkVision 60.45cm E24-30 (C23238FE0) 23.8 inch, 3Y Monitor(HDMI)-63EDMAR2WW	Cái	1	2.500.000	2.500.000
3	Bộ lưu điện USP Santak TG 750 PRO	Bộ	1	1.200.000	1.200.000

Cộng tiền hàng (Total Amount): **16.927.273**

Thuế suất GTGT (VAT Rate): **10%** Tiền thuế GTGT (VAT): **1.692.727**

Tổng cộng tiền thanh toán (Total): **18.620.000**

Số tiền viết bằng chữ: **Mười tám triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng chẵn**
Amount (in words)

Người mua hàng
Buyer
(Chữ ký số (nếu có))
(Digital Certificate (If any))

Người bán hàng
Seller
(Chữ ký điện tử, Chữ ký số)
(Digital Certificate)

Ký bởi: **CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER**
(Signed by)

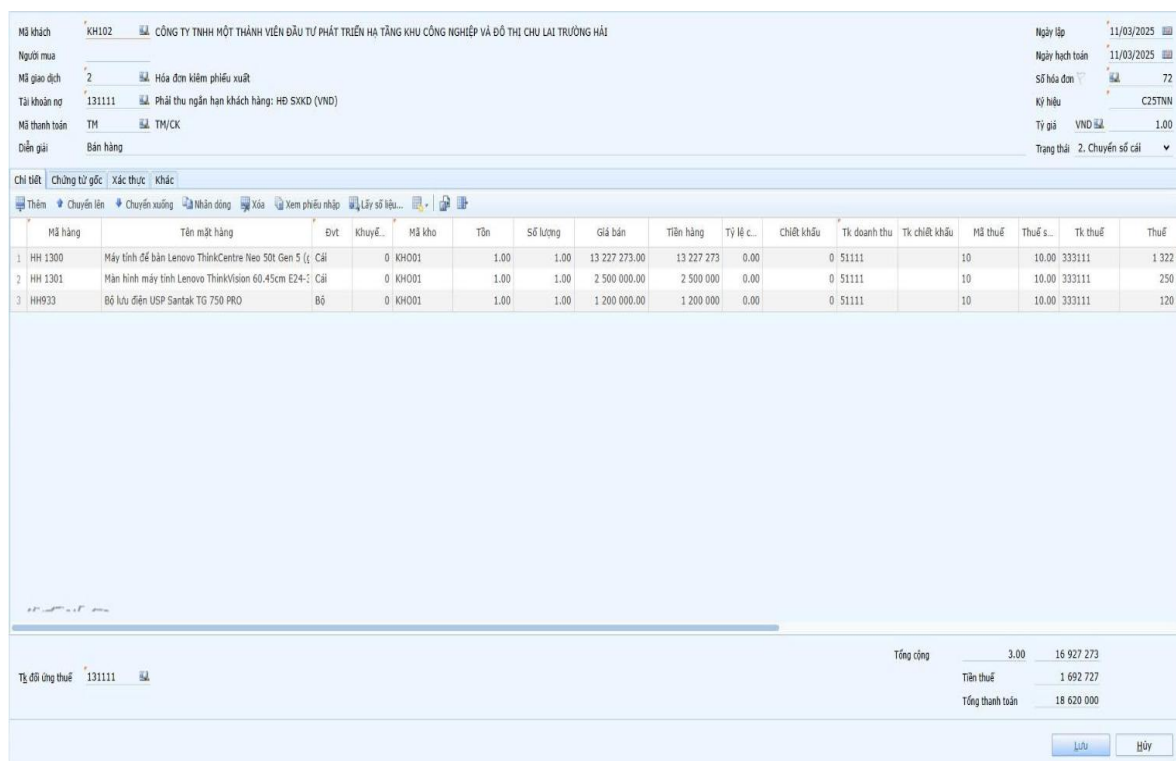
Ký ngày: **11/03/2025**
(Date)

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
(Please do check, compare when issuing, delivering and receiving invoice)

Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): **79 56C 41D 2KE 91J 672**
<https://einvoice.fast.com.vn>

Tra cứu tại (Search on):

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 72, ngày 11 tháng 03 năm 2025. Kế toán tiến hành nhập liệu.



Mã khách: KH102 **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ CHU LAI TRƯỜNG HẢI**

Người mua: 2 **Hóa đơn kiêm phiếu xuất**

Mã giao dịch: 131111 **Phải thu ngắn hạn khách hàng: HB SXKD (VND)**

Mã thanh toán: TM **TM/CK**

Diễn giải: Bán hàng

Ngày lập: 11/03/2025

Ngày hạch toán: 11/03/2025

Số hóa đơn: 72

Ký hiệu: C25TNN

Tỷ giá: VND **1.00**

Trạng thái: 2, Chuyển số cái

Chỉ DẪN: Chứng từ gốc | Xác thực | Khác

Thêm | **Chuyển lên** | **Chuyển xuống** | **Nhấn đóng** | **Xóa** | **Xem phiếu nhập** | **Lấy số hiệu...**

	Mã hàng	Tên mặt hàng	Đvt	Khuyết	Mã kho	Tồn	Số lượng	Giá bán	Tiền hàng	Tỷ lệ c...	Chiết khấu	Tk doanh thu	Tk chiết khấu	Mã thuế	Thuế s...	Tk thuế	Thuế
1	HH 1300	Máy tính để bàn Lenovo ThinkCentre Neo 50t Gen 5 (i...)	Cái	0	KHO01	1.00	1.00	13 227 273.00	13 227 273	0.00	0	51111		10	10.00	333111	1 322 7
2	HH 1301	Màn hình máy tính Lenovo ThinkVision 60.45cm E24-...	Cái	0	KHO01	1.00	1.00	2 500 000.00	2 500 000	0.00	0	51111		10	10.00	333111	250 0
3	HH933	Bộ lưu điện USP Santak TG 750 PRO	Bộ	0	KHO01	1.00	1.00	1 200 000.00	1 200 000	0.00	0	51111		10	10.00	333111	120 0

Tổng cộng: 3.00 16 927 273

Tiền thuế: 1 692 727

Tổng thanh toán: 18 620 000

Tỷ lệ ứng thuế: 131111

Lưu **Hủy**

Hình 2.2 Giao diện hóa đơn 72 kiêm phiếu xuất kho đã nhập

Sau khi nhập xong nhấn nút “**Lưu**” sau đó phần mềm sẽ cập nhật lên sổ nhật ký chung, sổ cái 511 và sổ chi tiết 5111.

Nghiệp vụ 2: Ngày 29 tháng 07 năm 2025, Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer xuất bán cho Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Phát triển Hạ tầng khu Công nghiệp và Đô thị Chu Lai Trường Hải máy tính xách tay Lenovo ThinkBook 14 Gen 8 – 14.0” WUXGA, Core TM Ultra 7_255H, 16GB_DR5, 512GB_SSD, W11 Home SL, Xám – BH 2 năm – 21SJ0072VN với số lượng 1 bộ và Chuột dùng cho máy tính Lenovo KB MICE_BO Essencial WL MS – 4X30M56887 với số lượng 1 chiếc. Đơn giá bán là 23.518.519 đồng và 0 đồng (giá chưa thuế) . Thông tin thể hiện trên các chứng từ gồm:

- Hợp đồng mua bán (Phụ lục 4)
- Bảng báo giá (Phụ lục 5)
- Hóa đơn GTGT
- Giấy báo có (Phụ lục 6)

NGUYỄN NINH
COMPUTER

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG
VAT INVOICE

Mẫu số (Form): 1
Ký hiệu (Serial No.): C25TNN
Số (Invoice No.): 236

Ngày (Day) 29 tháng (month) 07 năm (year) 2025

MCQT cấp (Verification Code): 009D19A8B415F4400994E4523C143EB481

Đơn vị bán hàng (Seller): CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER

Mã số thuế (Tax Code): 4001263697

Địa chỉ (Address): Số 182 Hùng Vương, Phường Tam Kỳ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại (Phone): 0931925878

Số tài khoản (Account No.): 118002949726, tại Ngân hàng Vietinbank Chi nhánh Quảng Nam

Đơn vị mua hàng (Company): CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ CHU LẠI TRƯỜNG HẢI

Họ tên người mua hàng (Buyer): CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ CHU LẠI TRƯỜNG HẢI

Mã số thuế (Tax Code): 4000482745

Số định danh (Citizen ID no):

Địa chỉ (Address): Thôn 4, Xã Núi Thành, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam

Số tài khoản (Account No.):

Hình thức thanh toán (Payment Method): TM/CK

Đơn vị tiền tệ (Currency): VND

Stt No.	Tên hàng hóa, dịch vụ Item	Đvt UOM	Số lượng Quantity	Đơn giá Price	Thành tiền Amount	Thuế suất Tax Rate	Tiền thuế GTGT VAT Amount
1	Máy tính xách tay Lenovo ThinkBook 14 Gen 8 - 14.0" WUXGA, Core™ Ultra 7_255H, 16GB_DDR5, 512GB_SSD, W11 Home SL, Xám - BH 2 năm - 21SJ0072VN	Bộ	1	23.518.519	23.518.519	8%	1.881.481
	Chuột dùng cho máy tính Lenovo KB MICE_BO Essencial WL MS - 4X30M56887	Chiếc	1	0	0	8%	0

Thuế suất Tax Rate	Tổng tiền chưa thuế Amount	Tổng tiền thuế Tax Amount	Tổng tiền chưa thuế (Amount)	23.518.519
8%	23.518.519	1.881.481	Tổng tiền thuế (Tax Amount)	1.881.481
			Tổng tiền thanh toán bằng số (Total Amount)	25.400.000
			Tổng tiền thanh toán bằng chữ (Amount in words)	Hai mươi lăm triệu, bốn trăm nghìn đồng chẵn

Người mua hàng Buyer (Chữ ký số nếu có) (Digital Certificate if any)

Người bán hàng Seller (Chữ ký điện tử, Chữ ký số) (Digital Certificate)

Ký bởi: CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER

Ký ngày: 29/07/2025

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)
(Please do check, compare when issuing, delivering and receiving invoice)

Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): 79 579 412 2A8 61N 061
Tra cứu tại (Search at): https:// InvoiceFast.com.vn

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 236, ngày 29 tháng 07 năm 2025. Kế toán tiến hành nhập liệu.

Mã khách	KH102	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ CHU LAI TRƯỜNG HẢI	Ngày lập	29/07/2025
Người mua	CÔNG TY TNHH I		Ngày hạch toán	29/07/2025
Mã giao dịch	2	Hóa đơn kiêm phiếu xuất	Số hóa đơn	236
Tài khoản nợ	131111	Phải thu ngắn hạn khách hàng: HĐ SXKD (VND)	Ký hiệu	C2STNN
Mã thanh toán	TM	TM/CK	Tỷ giá	VND 1.00
Diễn giải	Bán hàng		Trạng thái	2. Chuyển số cái

Mã hàng	Tên mặt hàng	Đvt	Khuyến	Mã kho	Tồn	Số lượng	Giá bán	Tiền hàng	Tỷ lệ c...	Chiết khấu	Tk doanh thu	Tk chiết khấu	Mã thuế	Thuế s...	Tk thuế	Thuế
1 HH 1488	Máy tính xách tay Lenovo ThinkBook 14 Gen 8 - 14.0" Bộ		0 KHO01		1.00	1.00	23 518 518.52	23 518 519	0.00	0 51111		08	8.00	333111		1 881 4
2 HH 1489	Chuột dùng cho máy tính Lenovo KB MICCE_BO Essenc	Chiếc	0 KHO01		1.00	1.00	0.00	0	0.00	0 51111		08	8.00	333111		

Tổng cộng	2.00	23 518 519
Tiền thuế		1 881 481
Tổng thanh toán		25 400 000

Tỷ lệ ứng thuế 131111

Lưu Hủy

Hình 2.3 Giao diện hóa đơn 236 kiêm phiếu xuất kho đã nhập

Sau khi nhập xong nhấn nút “**Lưu**” sau đó phần mềm sẽ cập nhật lên sổ nhật ký chung, sổ cái 511 và sổ chi tiết 5111.

Nghiệp vụ 3: Ngày 10 tháng 11 năm 2025, Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer xuất bán cho Công ty Cổ phần Cơ khí Công nghiệp Trường Phú trồng máy in brother HL_2300/2360 với số lượng 1 cái và Sửa dây cao áp với số lượng 1 cái. Đơn giá là 231.481 đồng và 138.889 đồng (đơn giá chưa thuế). **Khách hàng chưa thanh toán.** Thông tin thể hiện trên các chứng từ sau:

- Hóa đơn GTGT

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 347, ngày 10 tháng 11 năm 2025. Kế toán tiến hành nhập liệu.

Mã khách: KH209 CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ CÔNG NGHIỆP TRƯỜNG PHÚ
 Người mua: CÔNG TY CỔ PHẦN
 Mã giao dịch: 2 Hóa đơn kiêm phiếu xuất
 Tài khoản nợ: 131111 Phải thu ngắn hạn khách hàng: HỒ SXXD (VND)
 Mã thanh toán: TM TM/CK
 Diễn giải: Bán hàng

Ngày lập: 10/11/2025
 Ngày hạch toán: 10/11/2025
 Số hóa đơn: 347
 Kỳ hiệu: C25TNN
 Tỷ giá: VND 1.00
 Trạng thái: 2. Chuyển số cái

Mã hàng	Tên mặt hàng	Đơn vị	Khu vực	Mã kho	Tồn	Số lượng	Giá bán	Tiền hàng	Tỷ lệ c...	Chiết khấu	Tk doanh thu	Tk chiết khấu	Mã thuế	Thuế s...	Tk thuế	Thuế
1 HH 1208	Trống máy in brother HL2300/2360	Cái	0	KHO01	8.00	1.00	231 481.48	231 481	0.00	0	51111	08	8.00	333111	18 5	
2 HH 1655	Sửa dây cao áp	Cái	0	KHO01		1.00	138 888.89	138 889	0.00	0	51111	08	8.00	333111	11 1	

Tổng cộng: 2.00 370 370
 Tiền thuế: 29 630
 Tổng thanh toán: 400 000

Tỷ đối ứng thuế: 131111

Lưu Hủy

Hình 2.4 Giao diện hóa đơn 347 kiêm phiếu xuất kho đã nhập

Sau khi nhập xong nhấn nút “**Lưu**” sau đó phần mềm sẽ cập nhật lên sổ nhật ký chung, sổ cái 511 và sổ chi tiết 5111.

➤ **Doanh thu cung cấp dịch vụ**

Nghiệp vụ 4: Ngày 06 tháng 03 năm 2025, Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer cung cấp dịch vụ sửa chữa main laptop, sửa quạt laptop HP cho UBND xã Tiên Lập theo Hóa đơn GTGT số 64 với giá sửa chữa chưa thuế GTGT là 1.954.546 đồng (giá chưa thuế). Thông tin thể hiện trên các chứng từ gồm:

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu thu (Phụ lục 7)

[illegible]

Căn cứ vào hóa đơn GTGT số 64, ngày 06 tháng 03 năm 2025. Kế toán tiến hành nhập liệu.

Mã khách: KH184 UBND XÃ TIỀN LẬP Ngày lập: 06/03/2025
 Người mua: Ngày hạch toán: 06/03/2025
 Tài khoản nợ: 131111 Phải thu ngắn hạn khách hàng: HD SXKD (VND) Số hóa đơn: 64
 Mã thanh toán: TM TM/CK Ký hiệu: C25TNN
 Nv bán hàng: Tỷ giá: VND 1.00
 Diễn giải: Sửa chữa main laptop Trạng thái: 2. Chuyển số cái

Tk doanh thu	Tên tài khoản	Đvt	Số lượng	Giá	Tiền	Tỷ lệ c...	Chiết khấu	Tk chiết khấu	Mã thuế	Thuế s...	Tk thuế	Thuế	Cục thuế	Diễn giải
51131	Doanh thu cung cấp dịch vụ: bên ngoài	Cái	1.00	1 545 454.55	1 545 455	0.00	0	10	10.00	333111	154 546		Sửa chữa main laptop	
51131	Doanh thu cung cấp dịch vụ: bên ngoài	Cái	1.00	409 090.91	409 091	0.00	0	10	10.00	333111	40 908		Sửa quạt laptop HP	

Tiền hàng: 1 954 545
 Tiền chiết khấu: 0
 Tiền thuế: 195 454
 Tổng thanh toán: 2 150 000

Tr: đối ứng thuế: 131111

Lưu Hủy

Hình 2.5 Giao diện hóa đơn 64 kèm phiếu xuất kho đã nhập

Sau khi nhập xong nhấn nút **“Lưu”** sau đó phần mềm sẽ cập nhật lên sổ nhật ký chung, sổ cái 511 và sổ chi tiết 5113.

❖ Thao tác xem sổ:

Bước 1: Bấm vào **“Tổng hợp”** → chọn **“Sổ sách nhật ký chung”**

Giao diện (Phụ lục 8)

Bước 2: Phần mềm sẽ hiển thị ra tất cả các sổ sách → Chọn sổ muốn xem hoặc in.

Giao diện (Phụ lục 9)

Bước 3: Chọn ngày tháng và tên sổ muốn xem → bấm **“Nhận”**.

Giao diện (Phụ lục 10)

❖ Sổ Nhật ký chung

SỔ NHẬT KÝ CHUNG
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Số đồng	Số hiệu tk đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
01/01/2025	PT	PT01/0001	01/01/2025	Rút tiền gửi nhập quỹ - CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER			30.000.000	30.000.000
			Tiền Việt Nam	✓		1111	30.000.000	
			Tiền Việt Nam - Ngân hàng Vietinbank	✓		11212		30.000.000
01/01/2025	PKT	111	01/01/2025	Hoạch toán thuế môn bài 2025 - CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER			2.000.000	2.000.000
			Chi phí bằng tiền khác	✓		6428	2.000.000	
			Các khoản phải nộp khác	✓		33398		2.000.000
...	...	...	...	...		...	...	...
31/01/2025	BC	BC01/0027	31/01/2025	Lãi tiền gửi - Ngân hàng Vietinbank - CN Quảng Nam			4.029	4.029
			Tiền Việt Nam - Ngân hàng Vietinbank	✓		11212	4.029	
			Lãi tiền cho vay, tiền gửi	✓		5151		4.029
...	...	...	...	...		...	...	...
31/01/2025	PKT	202501	31/01/2025	Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành - 911, 8211			15.212.474	15.212.474
			Xác định kết quả kinh doanh	✓		911	15.212.474	
			Chi phí thuế TNDN hiện hành	✓		8211		15.212.474
...	...	...	...	...		...	...	...
03/02/2025	BN	BN02/0001	03/02/2025	Tính toán tiền lãi vay mua xe - Ngân hàng vietcombank - CN Quảng Nam			2.735.229	2.735.229
			Chi phí lãi vay	✓		6352	2.735.229	
			Tiền Việt Nam - Ngân hàng Vietinbank	✓		11212		2.735.229
...	...	...	...	...		...	...	...
06/03/2025	HD	64	06/03/2025	Sửa chữa main laptop - UBND XÃ TIỀN LẬP			2.150.000	2.150.000
			Phải thu ngắn hạn khách hàng: HD SXKD (VND)	✓		131111	1.545.455	
			Doanh thu cung cấp dịch vụ: bên ngoài	✓		51131		1.545.455
			Phải thu ngắn hạn khách hàng: HD SXKD (VND)	✓		131111	409.091	
			Doanh thu cung cấp dịch vụ: bên ngoài	✓		51131		409.091
			Phải thu ngắn hạn khách hàng: HD SXKD (VND)	✓		131111	195.454	
			Thuế GTGT phải nộp hàng trong nước: HD SXKD	✓		333111		195.454
...	...	...	...	...		...	...	...
01/05/2025	PKT	112	01/05/2025	Hoạch toán tiền thuế nộp chậm - CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER			372.924	372.924
			Chi phí khác: bồi thường, bị phạt và CP khác	✓		8111	372.924	
			Các khoản phải nộp khác	✓		33398		372.924
...	...	...	...	...		...	...	...
29/07/2025	HD	236	29/07/2025	Bán hàng - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HÀ TĂNG KHU CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ CHU LẠI			47.705.556	47.705.556
			Giá vốn hàng bán: hàng hoá	✓		63211	22.305.556	
			Giá mua hàng hóa	✓		1561		22.305.556
			Phải thu ngắn hạn khách hàng: HD SXKD (VND)	✓		131111	23.518.519	
			Doanh thu bán hàng hóa: bên ngoài	✓		51111		23.518.519
			Phải thu ngắn hạn khách hàng: HD SXKD (VND)	✓		131111	1.881.481	
			Thuế GTGT phải nộp hàng trong nước: HD SXKD	✓		333111		1.881.481
...	...	...	...	...		...	...	...
10/11/2025	HD	347	10/11/2025	Bán hàng - CÔNG TY CỔ PHẦN CỖ KHÍ CÔNG NGHIỆP TRƯƠNG PHÚ			456.818	456.818
			Giá vốn hàng bán: hàng hoá	✓		63211	56.818	
			Giá mua hàng hóa	✓		1561		56.818
			Phải thu ngắn hạn khách hàng: HD SXKD (VND)	✓		131111	370.370	
			Doanh thu bán hàng hóa: bên ngoài	✓		51111		370.370
			Phải thu ngắn hạn khách hàng: HD SXKD (VND)	✓		131111	29.630	
			Thuế GTGT phải nộp hàng trong nước: HD SXKD	✓		333111		29.630
...	...	...	...	...		...	...	...
28/11/2025	BN	BN11/0018	28/11/2025	Thanh toán tiền bảo dưỡng xe - CÔNG TY TNHH O TO NAM SONG THU			4.863.288	4.863.288
			Chi phí bằng tiền khác	✓		6428	4.503.045	
			Tiền Việt Nam - Ngân hàng Vietinbank	✓		11212		4.503.045
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá dịch vụ: HD SXKD	✓		133111	360.243	
			Tiền Việt Nam - Ngân hàng Vietinbank	✓		11212		360.243
...	...	...	...	...		...	...	...
28/11/2025	PC	PC11/0006	28/11/2025	Thanh toán tiền xăng đi giao hàng - CHI NHANH PETROLIMEX QUẢNG NAM - CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX ĐÀ NẴNG			500.000	500.000
			Chi phí dịch vụ mua ngoài	✓		6427	462.963	
			Tiền Việt Nam	✓		1111		462.963
			Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá dịch vụ: HD SXKD	✓		133111	37.037	
			Tiền Việt Nam	✓		1111		37.037
...	...	...	...	...		...	...	...
28/11/2025	PC	PC11/0009	28/11/2025	Thanh toán tiền thuê văn phòng tháng 11.2025 - CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER			7.000.000	7.000.000
			Chi phí bằng tiền khác	✓		6428	7.000.000	
			Tiền Việt Nam	✓		1111		7.000.000
...	...	...	...	...		...	...	...

28/11/2025	PKT	124	28/11/2025	Hạch toán lương tháng 11 - CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER				33.000.000	33.000.000
				Chi phí bằng tiền khác	✓	6428		33.000.000	
				Phải trả công nhân viên	✓	3341			33.000.000
...	...	...	...	...			...	...	...
29/11/2025	PKT	99	29/11/2025	Phiếu hạch toán các khoản trích BHXH trừ vào chi phí doanh nghiệp - CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER				3.199.200	3.199.200
				Chi phí bằng tiền khác	✓	6428		2.604.000	
				Bảo hiểm xã hội	✓	3383			2.604.000
				Chi phí bằng tiền khác	✓	6428		446.400	
				Bảo hiểm y tế	✓	3384			446.400
				Chi phí bằng tiền khác	✓	6428		148.800	
				Bảo hiểm thất nghiệp	✓	3386			148.800
...	...	...	...	...			...	...	...
30/11/2025	PC	PC11/0010	30/11/2025	Thanh toán phí dịch vụ trên vimo - CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VI MÔ				297.000	297.000
				Chi phí bằng tiền khác	✓	6428		270.000	
				Tiền Việt Nam	✓	1111			270.000
				Thuê GTGT được khấu trừ của hàng hoá dịch vụ: HỆ SXXKD	✓	133111		27.000	
				Tiền Việt Nam	✓	1111			27.000
30/11/2025	PKT	202511	30/11/2025	Bút toán phân bổ khấu hao TSCĐ				6.481.705	6.481.705
				Chi phí khấu hao TSCĐ	✓	6424		6.481.705	
				Hao mòn phương tiện vận tải	✓	21413			6.481.705
...	...	...	...	...			...	...	...
31/12/2025	PKT	125	31/12/2025	Hạch toán lương tháng 12 - CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER				33.000.000	33.000.000
				Chi phí bằng tiền khác	✓	6428		33.000.000	
				Phải trả công nhân viên	✓	3341			33.000.000
31/12/2025	PKT	202512	31/12/2025	Bút toán phân bổ khấu hao TSCĐ				6.481.705	6.481.705
				Chi phí khấu hao TSCĐ	✓	6424		6.481.705	
				Hao mòn phương tiện vận tải	✓	21413			6.481.705
31/12/2025	PKT	202512	31/12/2025	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632				234.964.914	234.964.914
				Xác định kết quả kinh doanh	✓	911		234.964.914	
				Giá vốn hàng bán: hàng hoá	✓	63211			234.964.914
31/12/2025	PKT	202512	31/12/2025	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632				234.964.914	234.964.914
				Xác định kết quả kinh doanh	✓	911		234.964.914	
				Giá vốn hàng bán: hàng hoá	✓	63211			234.964.914
31/12/2025	PKT	202512	31/12/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642				50.211.114	50.211.114
				Xác định kết quả kinh doanh	✓	911		6.481.705	
				Chi phí khấu hao TSCĐ	✓	6424			6.481.705
				Xác định kết quả kinh doanh	✓	911		43.729.409	
				Chi phí bằng tiền khác	✓	6428			43.729.409
31/12/2025	PKT	202512	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911				342.073.335	342.073.335
				Doanh thu bán hàng hóa: bên ngoài	✓	51111		322.584.446	
				Xác định kết quả kinh doanh	✓	911			322.584.446
				Doanh thu cung cấp dịch vụ: bên ngoài	✓	51131		19.488.889	
				Xác định kết quả kinh doanh	✓	911			19.488.889
31/12/2025	PKT	202512	31/12/2025	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911				6.461	6.461
				Lãi tiền cho vay, tiền gửi	✓	5151		6.461	
				Xác định kết quả kinh doanh	✓	911			6.461
31/12/2025	PKT	202512	31/12/2025	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212				56.903.768	56.903.768
				Xác định kết quả kinh doanh	✓	911		56.903.768	
				Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	✓	4212			56.903.768
				Tổng cộng				23.015.535.875	23.015.535.875

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

Ngày mở sổ: 17/04/2026

NGƯỜI GHI SỔ

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)

❖ Sổ Cái 511

CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER
Số 182 Hùng Vương, Phường Tam Kỳ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016
của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI CỦA MỘT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

						Số dư đầu kỳ:		0
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Tk đối ứng	Số phát sinh	
	Số	Ngày		Trang số	Stt dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
03/01/2025	HD	1	03/01/2025	Bán hàng		131111		14.600.000
03/01/2025	HD	2	03/01/2025	Bán hàng		131111		56.218.182
...	...	...	...	...	...	...		...
06/03/2025	HD	64	06/03/2025	Sửa chữa main laptop		131111		1.545.455
06/03/2025	HD	64	06/03/2025	Sửa quạt laptop HP		131111		409.091
...	...	...	...	...	...	...		...
11/03/2025	HD	72	11/03/2025	Bán hàng		131111		16.927.273
12/03/2025	HD	73	12/03/2025	Bán hàng		131111		10.209.091
...	...	...	...	...	...	...		...
29/07/2025	HD	236	29/07/2025	Bán hàng		131111		23.518.519
...	...	...	...	...	...	...		...
10/11/2025	HD	347	10/11/2025	Bán hàng		131111		370.370
12/11/2025	HD	348	12/11/2025	Bán hàng		131111		2.592.593
...	...	...	...	...	...	...		...
31/12/2025	HD	416	31/12/2025	Bán hàng		131111		5.092.593
31/12/2025	HD	417	31/12/2025	Bán hàng		131111		1.916.667
31/12/2025	PKT	202512	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911		911	322.584.446	
31/12/2025	PKT	202512	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911		911	19.488.889	

Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang
Ngày mở sổ: 17/04/2026

Tổng phát sinh nợ: 2.500.908.250
Tổng phát sinh có: 2.500.908.250
Số dư cuối kỳ: 0

NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên, đóng dấu)

❖ Sổ chi tiết 5111

CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER
Số 182 Hùng Vương, Phường Tam Kỳ, Thành phố

Mẫu số S38-DN
(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016
của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 5111 - Doanh thu bán hàng hóa
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

						Số dư đầu kỳ:		0
Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Ngày	Số			Nợ	Có	Nợ	Có
03/01/2025	03/01/2025	HD	1 Bán hàng	131111		14.600.000		14.600.000
03/01/2025	03/01/2025	HD	2 Bán hàng	131111		56.218.182		70.818.182
...	...	...	...	...	...	...		...
11/03/2025	11/03/2025	HD	72 Bán hàng	131111		16.927.273		85.647.271
12/03/2025	12/03/2025	HD	73 Bán hàng	131111		10.209.091		95.856.362
...	...	...	...	...	...	...		...
29/07/2025	29/07/2025	HD	236 Bán hàng	131111		23.518.519		138.946.970
...	...	...	...	...	...	...		...
10/11/2025	10/11/2025	HD	347 Bán hàng	131111		370.370		84.458.335
12/11/2025	12/11/2025	HD	348 Bán hàng	131111		2.592.593		87.050.928
...	...	...	...	...	...	...		...
31/12/2025	31/12/2025	HD	416 Bán hàng	131111		5.092.593		320.667.779
31/12/2025	31/12/2025	HD	417 Bán hàng	131111		1.916.667		322.584.446
31/12/2025	31/12/2025	PKT	202512 Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD -	911	322.584.446			
				Tổng cộng	2.387.349.582	2.387.349.582	0	0

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...
Ngày mở sổ:

Ngày.....tháng.....năm.....
GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên, đóng dấu)

NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

❖ Sổ chi tiết 5113

CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER Số 182 Hùng Vương, Phường Tam Kỳ, Thành phố					Mẫu số S38-DN (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)			
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN Tài khoản: 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025								
Số dư nợ đầu kỳ: 0								
Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Ngày	Số			Nợ	Có	Nợ	Có
11/01/2025	11/01/2025	HD 13	Bán hàng	131111		409.091		409.091
16/01/2025	16/01/2025	HD 19	Sửa main Gigabyte H81 máy tính để bàn	131111		500.000		909.091
...	...	...	...	...		...		...
06/03/2025	06/03/2025	HD 64	Sửa chữa main laptop	131111		1.545.455		1.636.364
06/03/2025	06/03/2025	HD 64	Sửa quạt laptop HP	131111		409.091		2.045.455
...	...	...	...	...		...		...
27/12/2025	27/12/2025	HD 408	Bán hàng	131111		462.963		17.759.259
30/12/2025	30/12/2025	HD 415	Sửa chữa máy giặt	131111		600.000		18.359.259
30/12/2025	30/12/2025	HD 414	Bán hàng	131111		1.129.630		19.488.889
31/12/2025	31/12/2025	PKT 202512	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 51	911	19.488.889			
Tổng cộng					113.558.668	113.558.668	0	0

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...
 Ngày mở sổ:

NGƯỜI GHI SỔ
 (Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
 (Ký, họ tên)

Ngày tháng năm
 GIÁM ĐỐC
 (Ký, họ tên, đóng dấu)

2.5 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer

2.5.1 Nội dung

Trong năm 2025, Công ty không có các nghiệp vụ liên quan đến các khoản giảm trừ doanh thu.

2.6 Kế toán giá vốn tại Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer

2.6.1 Nội dung

Giá vốn hàng bán là giá trị của hàng hóa, sản phẩm đã tiêu thụ phát sinh từ hoạt động bán hàng trong kỳ. Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền cuối tháng để tính giá xuất kho.

2.6.2 Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho
- Phiếu kế toán

2.6.3 Tài khoản và sổ sách kế toán

a) Tài khoản sử dụng

Tài khoản 632: Giá vốn hàng bán

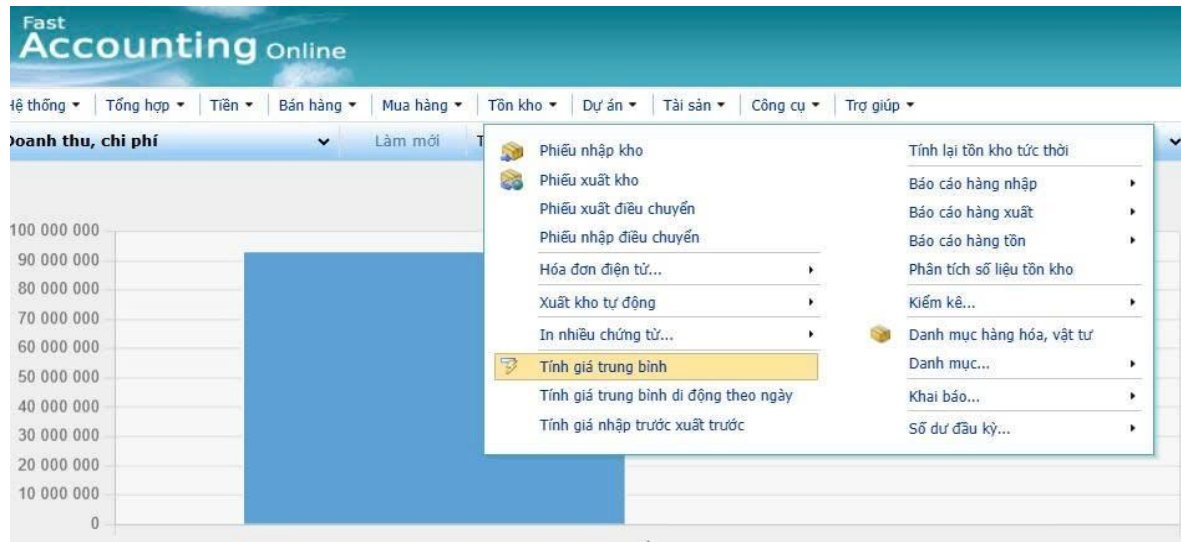
b) Sổ sách sử dụng

- Sổ cái tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán
- Sổ chi tiết tài khoản 632 – Giá vốn hàng bán: hàng hóa, thành phẩm, dịch vụ

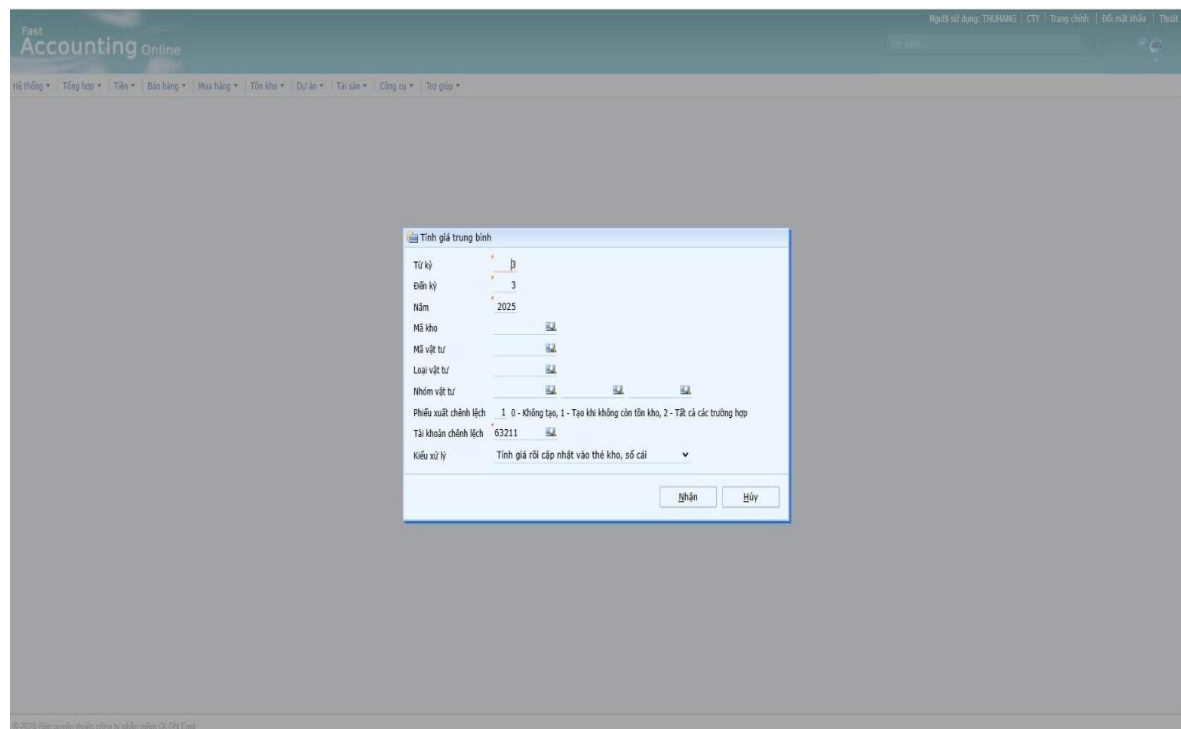
2.6.4 Quy trình ghi sổ

Để tính được giá xuất kho trên phần mềm Fast Accounting Online. Cuối tháng, kế toán thực hiện các bước như sau:

Bước 1: Kế toán vào phần mềm sau đó chọn phân hệ “**Tồn kho**”, phần mềm sẽ hiển thị bên dưới:



Bước 2: Chọn tính giá trung bình, màn hình sẽ hiển thị như hình bên dưới và kế toán sẽ nhập theo tháng, sau đó phần mềm sẽ tự động cập nhật giá lên các thẻ kho, sổ cái,...



Bước 3: Sau khi thực hiện tính giá xuất kho, phần mềm tự động cập nhật giá xuất kho vào phiếu xuất kho.

Mã khách

KH102

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HÀ TĂNG KHU CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ CHU LAI TRƯỜNG HẢI

Ngày lập

11/03/2025

Người mua

Ngày hạch toán

11/03/2025

Mã giao dịch

2

Hóa đơn kiêm phiếu xuất

Số hóa đơn

72

Tài khoản nợ

131111

Phải thu ngắn hạn khách hàng: HD SXKD (VND)

Ký hiệu

C25TNN

Mã thanh toán

TM

TM/CK

Tỷ giá

VND

1.00

Đến giải

Bán hàng

Trạng thái

2. Chuyển số cái

Chi tiết

Chứng từ gốc

Xác thực

Khắc

Thêm

Chuyển lên

Chuyển xuống

Nhấn đóng

Xóa

Xem phiếu nhập

Lấy số liệu...

Tổng cộng

3.00

16 927 273

Tiền thuế

1 692 727

Tổng thanh toán

18 620 000

Lưu

Hủy

Hình 2.6 Giao diện dữ liệu hóa đơn 72 kiêm phiếu xuất kho

Mã khách

KH102

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HÀ TĂNG KHU CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ CHU LAI TRƯỜNG HẢI

Ngày lập

29/07/2025

Người mua

CÔNG TY TNHH M

Số định danh

29/07/2025

Mã giao dịch

2

Hóa đơn kiêm phiếu xuất

Số hóa đơn

236

Tài khoản nợ

131111

Phải thu ngắn hạn khách hàng: HD SXKD (VND)

Ký hiệu

C25TNN

Mã thanh toán

TM

TM/CK

Tỷ giá

VND

1.00

Đến giải

Bán hàng

Trạng thái

2. Chuyển số cái

Chi tiết

Chứng từ gốc

Xác thực

Khắc

Thêm

Chuyển lên

Chuyển xuống

Nhấn đóng

Xóa

Xem phiếu nhập

Lấy số liệu...

Tổng cộng

2.00

23 518 519

Tiền thuế

1 881 481

Tổng thanh toán

25 400 000

Lưu

Hủy

Hình 2.7 Giao diện dữ liệu hóa đơn 236 kiêm phiếu xuất kho

Mã khách	KH209	CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÉ CÔNG NGHIỆP TRƯỜNG PHÚ	Ngày lập	10/11/2025
Người mua	CÔNG TY CỔ PHẦN	Số định danh	Ngày hạch toán	10/11/2025
Mã giao dịch	2	Hóa đơn kiêm phiếu xuất kho	Số hóa đơn	347
Tài khoản nợ	131111	Phải thu ngắn hạn khách hàng: HĐ SXKD (VND)	Ký hiệu	C25TNN
Mã thanh toán	TM	TM/CK	Tỷ giá	VND 1.00
Điền giải	Bán hàng		Trạng thái	2. Chuyển số cái

Số lượng	Giá bán	Tiền hàng	Tỷ lệ c...	Chiết khấu	Tk doanh thu	Tk chiết khấu	Mã thuế	Thuế s...	Tk thuế	Thuế	Cục thuế	Giá đ...	Giá vốn	Tiền vốn	Tk kho	Tk giá vốn	Tk chi phí kh...	Đơn hàng
1.00	231 481.48	231 481	0.00		0 51111		08	8.00 333111		18 519			56 818.00	56 818	1561	63211		
1.00	138 889.89	138 889	0.00		0 51111		08	8.00 333111		11 111			0.00	0	1561	63211		

Tổng cộng	2.00	370 370																
Tổng thuế		29 630																
Tổng thanh toán		400 000																

Tỷ lệ ứng thuế 131111

Lưu Hủy

Hình 2.8 Giao diện dữ liệu hóa đơn 347 kiêm phiếu xuất kho

Bước 4: Sau khi nhập xong nhấn nút “**Lưu**” sau đó phần mềm sẽ cập nhật lên sổ nhật ký chung, sổ cái 632, 156 và sổ chi tiết 632, 1561.

❖ Phiếu xuất kho

Nghiệp vụ 1: Ngày 11 tháng 03 năm 2025

CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER
Số 182 Hùng Vương, Phường Tam Kỳ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số 02-VT
(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016
của Bộ Tài Chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 11 tháng 03 năm 2025
Số: 72
Ng: 63211

Họ và tên người nhận hàng: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦN CỎ: 1561
Địa chỉ (bộ phận): Thôn 4, Xã Tam Hiệp, Huyện Núi Thành, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam
Lý do xuất kho: Bán hàng
Xuất tại kho (ngăn lô): KHO01 Địa điểm:

Stt	Tên vật tư	Mã vật tư	Đvt	Số lượng		Giá	Tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Máy tính để bàn Lenovo ThinkCentre Neo 50t	HH 1300	Cái		1,000	11.590.909	11.590.909
2	Màn hình máy tính Lenovo ThinkVision 60.4	HH 1301	Cái		1,000	2.272.727	2.272.727
3	Bộ lưu điện USP Santak TG 750 PRO	HH933	Bộ		1,000	1.090.909	1.090.909
4							
5							
6							
7							
8							
9							
10							
Tổng cộng							14.954.545

Số tiền (viết bằng chữ): Mười bốn triệu, chín trăm năm mươi bốn nghìn, năm trăm bốn mươi lăm đồng chẵn
Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI LẬP NGƯỜI NHẬN HÀNG THỦ KHO KẾ TOÁN TRƯỞNG GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên, đóng dấu)

Trần Thị Thu Hằng Trần Thị Thu Hằng [Kế toán trưởng] Nguyễn Phước Ninh

Nghịệp vụ 2: Ngày 29 tháng 07 năm 2025

Số 182 Hùng Vương, Phường Tam Kỳ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

(Ban hành theo Thông tư số

133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016
của Bộ Tài Chính)

Ngày 29 tháng 07 năm 2025

Số: 236

Nr: 63211

Ho và tên người nhận tài: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TỶ Có: 1561

Địa chỉ (bộ phận): Thôn 4, Xã Núi Thành, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam

Lý do xuất kho: Bán hàng

Xuất tại kho (ngăn lô): KHO01 Địa điểm:

Stt	Tên vật tư	Mã vật tư	Đvt	Số lượng		Giá	Tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Máy tính xách tay Lenovo ThinkBook 14 Gen	HH 1488	Bộ		1,000	22.305.556	22.305.556
2	Chuột dùng cho máy tính Lenovo KB MICE	HH 1489	Chiếc		1,000		
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							
10							
						Tổng cộng	22.305.556

Số tiền (viết bằng chữ): Hai mươi hai triệu, ba trăm linh năm nghìn, năm trăm năm mươi sáu đồng chẵn

Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI LẬP

(Ký, họ tên)

NGƯỜI NHẬN HÀNG

(Ký, họ tên)

THỦ KHO

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Trần Thị Thu Hằng

Trần Thị Thu Hằng

[Kể toán trưởng]

Nguyễn Phước Ninh

Nghị quyết 3: Ngày 10 tháng 11 năm 2025

CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER
Số 182 Hùng Vương, Phường Tam Kỳ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số 02-VT
(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016
của Bộ Tài Chính)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 10 tháng 11 năm 2025
Số: 347
Ng: 63211
Cố: 1561

Họ và tên người nhận: CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ CÔNG NGHIỆP TRƯỜNG PHÚ
Địa chỉ (bộ phận): 79 Đinh Núp, Phường Bàn Thạch, TP Đà Nẵng, Việt Nam
Lý do xuất kho: Bán hàng
Xuất tại kho (ngăn ló): KHO01 Địa điểm:

Stt	Tên vật tư	Mã vật tư	Đvt	Số lượng		Giá	Tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Trống máy in brother HL2300/2360	HH 1208	Cái		1.000	56.818	56.818
2	Sửa dây cao áp	HH 1655	Cái		1.000		
3							
4							
5							
6							
7							
8							
9							
10							
Tổng cộng							56.818

Số tiền (viết bằng chữ) Năm mươi sáu nghìn, tám trăm mười tám đồng chẵn
Số chứng từ gốc kèm theo:

Ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI LẬP NGƯỜI NHẬN HÀNG THỦ KHO KẾ TOÁN TRƯỞNG GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên, đóng dấu)

Trần Thị Thu Hằng Trần Thị Thu Hằng [Kế toán trưởng] Nguyễn Phước Ninh

Nghị quyết 4: Ngày 06 tháng 03 năm 2025

Công ty không xác định được từng giá vốn cho từng đơn hàng cung cấp dịch vụ sửa chữa, lắp đặt cụ thể nên đã ghi nhận giá vốn từ các chi phí liên đến dịch vụ như: tiền lương, công cụ dụng cụ,...

Để mở sổ cái tài khoản 632 và xem thông tin kế toán thực hiện thao tác: Vào “Tổng hợp” chọn “Sổ sách nhật ký chung”. Sau đó, chọn sổ muốn xem tiếp theo nhập ngày tháng và tên sổ cần xem. Bấm nút “Nhận” để hiện thị sổ cần xem.

❖ Sổ cái 632

CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER
Số 182 Hùng Vương, Phường Tam Kỳ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016
của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI CỦA MỘT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 632 - Giá vốn hàng bán
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Số dư đầu kỳ: 0

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Tk đối ứng	Số phát sinh	
	Số	Ngày		Trang số	Stt đóng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
03/01/2025	HD	1	03/01/2025 Bán hàng			1561	13.879.093	
03/01/2025	HD	2	03/01/2025 Bán hàng			1561	50.418.182	
...	...	...	...			...	...	
11/03/2025	HD	72	11/03/2025 Bán hàng			1561	14.954.545	
12/03/2025	HD	73	12/03/2025 Bán hàng			1561	9.744.659	
...	...	...	...			...	...	
29/07/2025	HD	236	29/07/2025 Bán hàng			1561	22.305.556	
...	...	...	...			...	...	
10/11/2025	HD	347	10/11/2025 Bán hàng			1561	56.818	
12/11/2025	HD	348	12/11/2025 Bán hàng			1561	1.833.334	
...	...	...	...			...	...	
30/12/2025	HD	414	30/12/2025 Bán hàng			1561	1.495.613	
31/12/2025	HD	416	31/12/2025 Bán hàng			1561	3.049.585	
31/12/2025	HD	417	31/12/2025 Bán hàng			1561	1.284.338	
31/12/2025	PKT	202512	31/12/2025 Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632			911		234.964.914
Tổng phát sinh nợ:							1.769.957.362	
Tổng phát sinh có:							1.769.957.362	
Số dư cuối kỳ:							0	

Số này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

Ngày mở sổ: 17/04/2026

NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên, đóng dấu)

❖ Sổ chi tiết 632

CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER
Số 182 Hùng Vương, Phường Tam Kỳ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số S38-DN
(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016
của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 6321 - Giá vốn hàng bán: hàng hoá, thành phẩm, dịch vụ
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Số dư nợ đầu kỳ: 0

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Ngày	Số			Nợ	Có	Nợ	Có
03/01/2025	03/01/2025	HD 1	Bán hàng	1561	13.879.093		13.879.093	
03/01/2025	03/01/2025	HD 2	Bán hàng	1561	50.418.182		64.297.275	
...	...	...	...	...	...		...	
11/03/2025	11/03/2025	HD 72	Bán hàng	1561	14.954.545		60.661.958	
12/03/2025	12/03/2025	HD 73	Bán hàng	1561	9.744.659		70.406.617	
...	...	...	...	...	...		...	
29/07/2025	29/07/2025	HD 236	Bán hàng	1561	22.305.556		115.920.581	
...	...	...	...	...	...		...	
10/11/2025	10/11/2025	HD 347	Bán hàng	1561	56.818		65.211.128	
12/11/2025	12/11/2025	HD 348	Bán hàng	1561	1.833.334		67.044.462	
...	...	...	...	...	...		...	
30/12/2025	30/12/2025	HD 414	Bán hàng	1561	1.495.613		230.630.991	
31/12/2025	31/12/2025	HD 416	Bán hàng	1561	3.049.585		233.680.576	
31/12/2025	31/12/2025	HD 417	Bán hàng	1561	1.284.338		234.964.914	
31/12/2025	31/12/2025	PKT 202512	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632	911		234.964.914		
Tổng cộng					1.769.957.362	1.769.957.362	0	0

Số này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

Ngày mở sổ:

NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.7 Kế toán doanh thu hoạt động tài chính tại Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer

2.7.1 Nội dung

Doanh thu hoạt động tài chính của công ty chủ yếu đến từ hoạt động thu tiền bán hàng và lãi tiền gửi tại ngân hàng Vietinbank.

2.7.2 Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán
- Giấy báo có
- Sao kê ngân hàng Vietinbank

2.7.3 Tài khoản và sổ sách sử dụng

a) Tài khoản sử dụng

Tài khoản 515: Doanh thu hoạt động tài chính

b) Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính
- Sổ chi tiết các tài khoản 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

2.7.4 Quy trình ghi sổ

Nghiệp vụ 5: Ngày 31 tháng 01 năm 2025, Công ty được nhận thông báo nhận lãi tiền gửi ngân hàng Vietinbank - CN Quảng Nam là 4.029 đồng.

❖ Giấy báo có

CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER
Số 182 Hùng Vương, Phường Tam Kỳ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 31 tháng 01 năm 2025

Quyển số:

Số: BC01/0027

Họ và tên người nộp tiền: Ngân hàng Vietinbank - CN Quảng Nam

Nợ: 11212 4.029

Địa chỉ: Tam Kỳ - Quảng Nam

Có: 5151 4.029

Lý do nộp: Lãi tiền gửi

Số tiền: **4.029**

Bằng chữ: *Bốn nghìn, không trăm hai mươi chín đồng chẵn*

Kèm theo: 0.00 Chứng từ gốc:

Ngày.....tháng.....năm.....

GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN TRƯỞNG

NGƯỜI LẬP

(Ký, họ tên, đóng dấu)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Nguyễn Phước Ninh

[Kế toán trưởng]

Trần Thị Thu Hằng

➤ **Sao kê ngân hàng Vietinbank (Phụ lục 11)**

Căn cứ vào giấy báo có ngày 31 tháng 01 năm 2025 và lịch sử giao dịch tài khoản Vietinbank chứng từ kế toán trên, kế toán viên ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính vào phần mềm kế toán theo trình tự.

Bước 1: Bấm vào **“Tiền”** → chọn **“Giấy báo có”**

Bước 2: Chọn biểu tượng **“Mới”** trên thanh công cụ. Sau đó, nhập đầy đủ thông tin trên giao diện, kiểm tra chính xác số liệu và nhấn nút **“Lưu”**. Phần mềm sẽ hiển thị như bên dưới, đồng thời cập nhật dữ liệu vào sổ nhật ký chung, sổ cái 515 và sổ chi tiết 515.

The screenshot shows the 'Sửa giấy báo có' (Edit promissory note) interface. The top section contains form fields for customer details (Mã khách: NCC023, Ngân hàng Vietinbank - CN Quảng Nam, Địa chỉ: Tam Kỳ - Quảng Nam, Người nộp tiền, Lý do nộp: Lãi tiền gửi, Loại phiếu thu: 2, Thu của khách hàng, Tài khoản nợ: 11212, Tiền Việt Nam - Ngân hàng Vietinbank). The right side shows dates (Ngày lập: 31/01/2025, Ngày hạch toán: 31/01/2025), a serial number (Số phiếu t.: BC01/0027), currency (Tỷ giá: VND 1.00), and status (Trạng thái: 2. Chuyển số cái). Below the form is a table with columns: Tr, Tk có, Tên tài khoản, Tiền, Diễn giải, and Vụ việc. The table contains one row: 1, 5151, Lãi tiền cho vay, tiền gửi, 4 029, Lãi tiền gửi. At the bottom, there are checkboxes for 'Theo dõi thành toán' and 'Sửa tỷ giá ghi sổ', a total amount 'Tiền: 4 029', and 'Lưu' (Save) and 'Hủy' (Cancel) buttons.

Hình 2.9 Giao diện hạch toán lãi tiền cho vay, tiền gửi

Sau khi nhập xong nhấn nút **“Lưu”** sau đó phần mềm sẽ cập nhật lên sổ nhật ký chung, sổ cái 515 và sổ chi tiết 515.

Để mở sổ cái tài khoản 515 và xem thông tin kế toán thực hiện thao tác: Vào **“Tổng hợp”** chọn **“Sổ sách nhật ký chung”**. Sau đó, chọn sổ muốn xem tiếp theo nhập ngày tháng và tên sổ cần xem. Bấm nút **“Nhận”** để hiển thị sổ cần xem.

❖ **Sổ cái 515**

CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER

Số 182 Hùng Vương, Phường Tam Kỳ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỐ CÁI CỦA MỘT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Số dư đầu kỳ: 0

Ngày tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Tk đối ứng	Số phát sinh	
	Số	Ngày		Trang số	Stt dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
25/01/2025	BC	BC01/0026	25/01/2025	Lãi tiền gửi		11211		610
31/01/2025	BC	BC01/0027	31/01/2025	Lãi tiền gửi		11212		4.029
31/01/2025	PKT	202501	31/01/2025	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911		911	4.639	
....	...	...	...	...		...	...	...
31/10/2025	PKT	202510	31/10/2025	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911		911	8.041	
25/11/2025	BC	BC11/0011	25/11/2025	Thu tiền bán hàng		11211		1.267
30/11/2025	BC	BC11/0017	30/11/2025	Lãi tiền gửi		11212		973
30/11/2025	PKT	202511	30/11/2025	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911		911	2.240	
31/12/2025	BC	BC12/0030	31/12/2025	Thu tiền bán hàng		11211		2.811
31/12/2025	BC	BC12/0031	31/12/2025	Lãi tiền gửi		11212		3.650
31/12/2025	PKT	202512	31/12/2025	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911		911	6.461	
Tổng phát sinh nợ:							70.043	
Tổng phát sinh có:							70.043	
Số dư cuối kỳ:							0	

Số này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

Ngày mở sổ: 17/04/2026

NGƯỜI GHI SỐ

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)

❖ Sổ chi tiết 515

CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER

Số 182 Hùng Vương, Phường Tam Kỳ, Thành ph

Mẫu số S38-DN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỐ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 515 - Doanh thu hoạt động tài chính

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Số dư nợ đầu kỳ: 0

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Ngày	Số			Nợ	Có	Nợ	Có
25/01/2025	25/01/2025	BC BC01/0026	Lãi tiền gửi	11211		610		610
31/01/2025	31/01/2025	BC BC01/0027	Lãi tiền gửi	11212		4.029		4.639
...	...	...	...	...	...	...	...	...
31/10/2025	31/10/2025	PKT 202510	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911	911	8.041			
25/11/2025	25/11/2025	BC BC11/0011	Thu tiền bán hàng	11211		1.267		1.267
30/11/2025	30/11/2025	BC BC11/0017	Lãi tiền gửi	11212		973		2.240
30/11/2025	30/11/2025	PKT 202511	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911	911	2.240			
31/12/2025	31/12/2025	BC BC12/0030	Thu tiền bán hàng	11211		2.811		2.811
31/12/2025	31/12/2025	BC BC12/0031	Lãi tiền gửi	11212		3.650		6.461
31/12/2025	31/12/2025	PKT 202512	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911	911	6.461			
Tổng cộng					70.043	70.043	0	0

Số này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

Ngày mở sổ:

NGƯỜI GHI SỐ

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.8 Kế toán chi phí tài chính tại Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer

2.8.1 Nội dung

Chi phí tài chính của công ty chủ yếu là chi phí trả lãi mua xe cho ngân hàng Vietinbank – CN Quảng Nam.

2.8.2 Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

- Ủy nhiệm chi

2.8.3 Tài khoản và sổ sách sử dụng

a) Tài khoản sử dụng

Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

b) Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái Tài khoản 635 – Chi phí tài chính
- Sổ chi tiết Tài khoản 635 – Chi phí tài chính

2.8.4 Quy trình ghi sổ

Nghiệp vụ 6: Ngày 03 tháng 02 năm 2025, Công ty được nhận thông báo trả lãi vay cho ngân hàng Vietinbank – CN Quảng Nam là 2.735.229 đồng.

➤ Ủy nhiệm chi

CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER
Số 182 Hùng Vương, Phường Tam Kỳ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số: 01

ỦY NHIỆM CHI

Ngày 03 tháng 02 năm 2025

Liên: 01

Số: BN02/0001

Tên đơn vị trả tiền: CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER

Số tài khoản:

Tại ngân hàng:

Tỉnh, tp:

Tên đơn vị nhận tiền: Ngân hàng Vietinbank - CN Quảng Nam

Số tài khoản:

Tại ngân hàng:

Tỉnh, tp:

Số tiền (viết bằng chữ): Hai triệu, bảy trăm ba mươi lăm nghìn, hai trăm hai mươi chín đồng chẵn

Nội dung thanh toán: Thanh toán tiền lãi vay mua xe

PHẦN DO NH GHI
TÀI KHOẢN NỢ

TÀI KHOẢN CÓ

Số tiền bằng số

2.735.229

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN

NGÂN HÀNG A

NGÂN HÀNG B

Ghi sổ

Ghi sổ

ngày.....

ngày.....

KẾ TOÁN

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên, đóng dấu)

KẾ TOÁN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Căn cứ vào ủy nhiệm chi ngày 03 tháng 02 năm 2025, kế toán viên ghi nhận chi phí tài chính vào phần mềm kế toán theo trình tự.

Bước 1: Bấm vào “Tiền” → chọn “Giấy báo nợ”

Bước 2: Chọn biểu tượng “Mới” trên thanh thanh công cụ. Sau đó, nhập đầy đủ thông tin trên giao diện, kiểm tra chính xác số liệu và nhấn nút “Lưu”. Phần mềm sẽ hiển thị như bên dưới, đồng thời cập nhật dữ liệu vào sổ nhật ký chung, sổ cái 635 và sổ chi tiết 635.

Mã khách: NCC023 Ngân hàng Vietinbank - CN Quảng Nam Ngày lập: 03/02/2025
Địa chỉ: Tam Kỳ - Quảng Nam Ngày hạch toán: 03/02/2025
Người nhận tiền: Lý do chi: Thanh toán tiền lãi vay mua xe Số phiếu chi: BN02/0001
Loại phiếu chi: 2 Chi cho khách hàng Tỷ giá VND: 1.00
Tài khoản có: 11212 Tiền Việt Nam - Ngân hàng Vietinbank Tỷ giá gđ: 1.00
Trạng thái: 2. Chuyển số cái

Chi tiết Thuế Thanh toán Khấu trừ thuế Phí ngân hàng Ủy nhiệm chi

Thêm Chuyển lên Chuyển xuống Nhập dòng Xóa

Tk nợ	Tên tài khoản	Tiền	Diễn giải	Diễn thoại	Vụ việc
1 6352	Chi phí lãi vay	2 735 229	Thanh toán tiền lãi và gốc vay mua xe		

☐ Theo dõi thanh toán ☐ Sửa tỷ giá ghi sổ

Tiền: 2 735 229
Tiền thuế: 0
Tổng thanh toán: 2 735 229

Lưu Hủy

Hình 2.10 Giao diện hạch toán chi phí lãi vay

Để mở sổ cái tài khoản 635 và xem thông tin kế toán thực hiện thao tác: Vào “**Tổng hợp**” chọn “**Sổ sách nhật ký chung**”. Sau đó, chọn sổ muốn xem tiếp theo nhập ngày tháng và tên sổ cần xem. Bấm nút “**Nhận**” để hiện thị sổ cần xem.

➤ **Sổ cái 635**

CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER
Số 182 Hùng Vương, Phường Tam Kỳ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI CỦA MỘT TÀI KHOẢN
Tài khoản: 635 - Chi phí tài chính
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Số dư đầu kỳ: 0

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Tk đối ứng	Số phát sinh	
	Số	Ngày		Trang sổ	Stt đóng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
03/02/2025	BN	BN02/0001	03/02/2025	Thanh toán tiền lãi và gốc vay mua xe			11212	2.735.229
04/02/2025	BN	BN02/0003	04/02/2025	Thanh toán tiền lãi và gốc vay mua xe			11212	347.058
08/02/2025	BN	BN02/0004	08/02/2025	Thanh toán tiền lãi và gốc vay mua xe			11212	385.273
08/02/2025	BN	BN02/0004	08/02/2025	Thanh toán tiền lãi và gốc vay mua xe			11212	4.500.000
28/02/2025	PKT	202502	28/02/2025	Kết chuyển chi phí tài chính vào KQKD - 911, 635			911	4.500.000
28/02/2025	PKT	202502	28/02/2025	Kết chuyển chi phí tài chính vào KQKD - 911, 635			911	3.467.560
							Tổng phát sinh nợ:	7.967.560
							Tổng phát sinh có:	7.967.560
							Số dư cuối kỳ:	0

Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

Ngày mở sổ: 17/04/2026

Ngày tháng năm

NGƯỜI GHI SỔ (Ký, họ tên) KẾ TOÁN TRƯỞNG (Ký, họ tên) GIÁM ĐỐC (Ký, họ tên, đóng dấu)

➤ Sổ chi tiết 635

CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTE
Số 182 Hùng Vương, Phường Tam Kỳ, Thành phố

Mẫu số S38-DN
(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016
của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 635 - Chi phí tài chính
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Số dư nợ đầu kỳ: 0

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Ngày	Số			Nợ	Có	Nợ	Có
03/02/2025	03/02/2025	BN BN02/0001	Thanh toán tiền lãi và gốc vay mua xe	11212	2.735.229		2.735.229	
04/02/2025	04/02/2025	BN BN02/0003	Thanh toán tiền lãi và gốc vay mua xe	11212	347.058		3.082.287	
08/02/2025	08/02/2025	BN BN02/0004	Thanh toán tiền lãi và gốc vay mua xe	11212	385.273		3.467.560	
08/02/2025	08/02/2025	BN BN02/0004	Thanh toán tiền lãi và gốc vay mua xe	11212	4.500.000		7.967.560	
28/02/2025	28/02/2025	PKT 202502	Kết chuyển chi phí tài chính vào KQKD - 911, 635	911		4.500.000	3.467.560	
28/02/2025	28/02/2025	PKT 202502	Kết chuyển chi phí tài chính vào KQKD - 911, 635	911		3.467.560		
Tổng cộng					7.967.560	7.967.560	0	0

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...
Ngày mở sổ:

NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.9 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer

2.9.1 Nội dung

Trong năm 2025, về chi phí quản lý kinh doanh công ty chỉ phát sinh chi phí quản lý doanh nghiệp, không phát sinh chi phí bán hàng.

Chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận khi có chi phí tiền lương, BHXH, chi phí công cụ dụng cụ, chi phí khấu hao tài sản cố định, tiền nộp thuế môn bài, chi phí thuê văn phòng, chi phí mua bảo hiểm xe, chi phí sửa chữa xe,...

2.9.2 Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán (Phụ lục)
- Hóa đơn GTGT
- Hợp đồng thuê nhà
- Bảng chấm công
- Bảng tính - thanh toán lương
- Thông báo kết quả đóng BHXH, BHYT, BHTN
- Phiếu chi
- Bảng tính chi phí công cụ dụng cụ
- Bảng tính khấu hao TSCĐ

2.9.3 Tài khoản và sổ sách sử dụng

a) Tài khoản sử dụng

Tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

b) Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh
- Sổ chi tiết tài khoản 642 – Chi phí quản lý kinh doanh

2.9.4 Quy trình ghi sổ

Nghiệp vụ 7: Căn cứ giấy nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước ngày 01 tháng 01 năm 2025, Công ty hạch toán thuế môn bài cho Nhà nước là 2.000.000 đồng.

➤ Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước

Mẫu số C1-02/NS
 (Ban hành kèm theo Thông tư số
 84/2016/TT-BTC
 của Bộ Tài chính)
 Mã hiệu: 2025010850653684
 Số: 2025010850653684

Không ghi vào khu vực này

GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC
 Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒
 Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:.....

Số tham chiếu: 11220250288261407

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER

Địa chỉ: Số 182 Hùng Vương, Phường An Xuân

Quận/Huyện: Thành phố Tam Kỳ

Người nộp thay:

Địa chỉ:

Quận/Huyện:

Đề nghị NH/ KBNN: Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo:

TK thu NSNN ☒ TK tạm thu ☐ TK thu hồi hoàn thuế GTGT ☐

Vào tài Khoản KBNN: VP KBNN Quảng Nam

Mở tại NH ủy nhiệm thu: Vietinbank – Chi nhánh Quảng Nam

Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền:

Kiểm toán nhà nước ☐
 Thanh tra Chính phủ ☐

Thanh tra tài chính ☐
 Cơ quan có thẩm quyền khác ☐

Cơ quan quản lý thu: Thành phố Tam Kỳ - Chi cục Thuế khu vực Tam Kỳ - Phú Ninh

Mã số thuế: 4001263697

Tỉnh, TP: Quảng Nam

Tỉnh, TP:

trích TK số: 1035946331

Tỉnh, TP: Tỉnh Quảng Nam

Phần dành cho người nộp thuế ghi						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/ KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định/ Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số tiền nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã NDKT
1		00/CN/2025	Lệ phí môn bài mức (bậc) 2. Ghi chú: Nộp thuế môn bài 2025.		2,000,000	755	2863
Tổng tiền					2,000,000		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: HAI TRIỆU ĐỒNG

PHÂN DÀNH CHO KBNN GHI KHI HẠCH TOÁN		
---	--	--

10:57 30/5/26

Tra cứu giấy nộp tiền_Nộp thuế_KH Doanh nghiệp_Thuế điện tử

	Mã CQ thu:.....	Nợ TK:.....
	Mã ĐBHC:.....	Có TK:.....
	Mã nguồn NSNN:.....	

ĐỐI TƯỢNG NỘP TIỀN

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Người nộp tiền

Kế toán trưởng

Thủ trưởng

NGÂN HÀNG (KBNN)

Ngày.....Tháng.....Năm.....

Kế toán

Kế toán trưởng

✓	Người ký : Ngày ký :	CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER 08/01/2025 11:17:00
✓	Người ký : Ngày ký :	Tổng cục Thuế 08/01/2025 11:16:30
✓	Người ký : Ngày ký :	NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM 08/01/2025 11:17:11

➤ **Phiếu kê toán (Phụ lục 12)**

Ngày lập: 01/01/2025
 Ngày hạch toán: 01/01/2025
 Số chứng từ: 111
 Tỷ giá: VND/BĐ 1.00
 Diễn giải: Hoạch toán thuế môn bài 2025

Trạng thái: 2. Chuyển số cái

Chỉ tiết: Thuế GTGT đầu vào

Tài khoản	Tên tài khoản	Mã khách	Tên khách	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Diễn giải	Vụ việc	Nhóm định k...
6428	Chi phí bằng tiền khác	CONGT	CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER	2 000 000	0	Hoạch toán thuế môn bài 2025		
33398	Các khoản phải nộp khác	CONGT	CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER	0	2 000 000	Hoạch toán thuế môn bài 2025		

2 000 000 2 000 000

Lưu Hủy

Hình 2.11 Giao diện hạch toán nộp thuế môn bài

Sau khi nhập xong nhấn nút “**Lưu**” sau đó phần mềm sẽ cập nhật lên sổ nhật ký chung, sổ cái 642 và sổ chi tiết 642.

Nghiệp vụ 8: Căn cứ hóa đơn GTGT số 00006125 ngày 28 tháng 11 năm 2025, công ty đã thanh toán tiền bảo dưỡng xe cho Công ty TNHH Ô tô Nam Sông Thu số tiền là 4.503.045 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT).

➤ **Hóa đơn GTGT**

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG								
(VAT INVOICE)								
Bản thể hiện hóa đơn điện tử								
Ngày (Date) 28 tháng (month) 11 năm (year) 2025								
Mã CQT: 00BA2B891F142E4D7BA276E59387E3A2E6								
Đơn vị bán hàng (Seller) : CÔNG TY TNHH Ô TÔ NAM SÔNG THU								
Mã số thuế (Tax code) : 4001182007								
Địa chỉ (Address) : Quốc lộ 1A, Phường Bàn Thạch, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam								
Điện thoại (Phone) : (0235) 3834555								
Số tài khoản (Acc No.) : 3311179668668 Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Quảng Nam								
Họ tên người mua hàng (Buyer): _____ CCCD (ID Card): _____								
Tên đơn vị (Company): CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER								
Địa chỉ (Address): Số 182 Hùng Vương, Phường Tam Kỳ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam								
Số tài khoản (Acc No.): _____								
Hình thức thanh toán (Payment method): TM/CK Mã số thuế (Tax code): 4001263697								
STT (No.)	Tên hàng hóa, dịch vụ (Description)	ĐVT (Unit)	Số lượng (Qty)	Đơn giá (Unit Price)	Thành tiền trước thuế (Amount before VAT)	Thuế suất (%) (VAT rate)	Tiền thuế GTGT (VAT Amount)	Thành tiền sau thuế (Amount after VAT)
1	2	3	4	5	6 = 4 x 5	7	8 = 6 x 7	9 = 6 + 8
1	Lọc nhớt	Cái	1	151.000	151.000	8%	12.080	163.080
2	Lọc gió điều hòa	Cái	1	454.000	454.000	8%	36.320	490.320
3	Lọc gió động cơ	Cái	1	330.000	330.000	8%	26.400	356.400
4	Lọc nhiên liệu	Cái	1	619.000	619.000	8%	49.520	668.520
5	Gioăng lốp xă dầu	Cái	1	15.000	15.000	8%	1.200	16.200
6	Dầu máy xăng (5W/30)(4L/can)	Lít	3,5	190.000	665.000	8%	53.200	718.200
7	Dung dịch vệ sinh thắng	Chai	1	145.455	145.455	8%	11.636	157.091
8	Nước làm mát pha sẵn LLC-10 (4L/can)	Lít	5,6	96.000	537.600	8%	43.008	580.608
9	Bộ mở chuyên dụng cho hệ thống phanh	Cái	1	150.000	150.000	8%	12.000	162.000
10	Dầu phanh DOT4(1L/1 Chai)	Chai	1	440.000	440.000	8%	35.200	475.200
11	Công bảo dưỡng cấp IV	Lần	1	1.150.000	1.150.000	8%	92.000	1.242.000
12	Sử dụng điểm tích lũy khách hàng thân thiết: 166.331 đồng	Lần	1	154.010	154.010	8%	12.321	166.331
	Tích lũy điểm khách hàng thân thiết: 251.481 đồng							
Tổng hợp		Thuế suất	Thành tiền trước thuế GTGT		Tiền thuế GTGT		Cộng tiền thanh toán	
Tổng tiền không chịu thuế GTGT								
Tổng tiền chịu thuế suất		0%						
Tổng tiền chịu thuế suất		5%						
Tổng tiền chịu thuế suất		8%	4.503.045		360.243		4.863.288	
Tổng tiền chịu thuế suất		10%						
Tổng cộng			4.503.045		360.243		4.863.288	
Số tiền viết bằng chữ (Words): Bốn triệu tám trăm sáu mươi ba nghìn hai trăm tám mươi tám đồng								
Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): r6yn1lp1q5 Trang tra cứu (Search on Website): https://tracuuhoadon.fpt.com.vn/search.html								
(Cần kiểm tra, đối chiếu khi giao và nhận hóa đơn)(Need to check, compare before delivering and receiving invoice)								
Đơn vị cung cấp hóa đơn điện tử: Công ty TNHH FPT IS - MST: 0104128565 - Điện thoại: 1900636191								

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

(VAT INVOICE)

Bản thể hiện hóa đơn điện tử

Ngày (Date) 28 tháng (month) 11 năm (year) 2025

Mã QGT: 00BA2B891F142E4D7BA276E59387E3A2E6

Ký hiệu (Series): **1C25TSH**

Số (No.): **00006125**

Đơn vị bán hàng (Seller) : **CÔNG TY TNHH Ô TÔ NAM SÔNG THU**

Mã số thuế (Tax code) : **4001182007**

Địa chỉ (Address) : Quốc lộ 1A, Phường Bàn Thạch, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại (Phone) : (0235) 3834555

Số tài khoản (Acc No.) : 3311179668668 Ngân hàng TMCP Quân Đội - Chi nhánh Quảng Nam

Họ tên người mua hàng (Buyer): _____ CCCD (ID Card): _____

Tên đơn vị (Company): **CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER**

Địa chỉ (Address): **Số 182 Hùng Vương, Phường Tam Kỳ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam**

Số tài khoản (Acc No.): _____

Hình thức thanh toán (Payment method): **TM/CK** Mã số thuế (Tax code): **4001263697**

Người mua hàng (Buyer)

Người bán hàng (Seller)

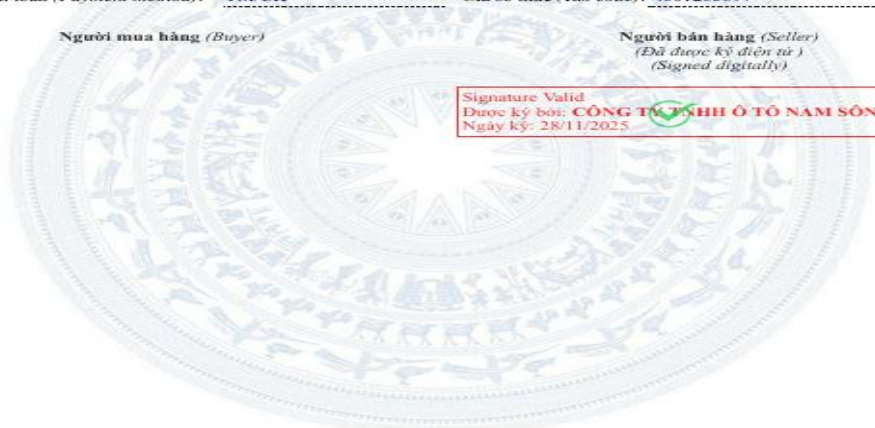
(Đã được ký điện tử)

(Signed digitally)

Signature Valid

Được ký bởi: **CÔNG TY TNHH Ô TÔ NAM SÔNG THU**

Ngày ký: 28/11/2025



Mã tra cứu hóa đơn (Invoice code): **r6ynlhp1q5** Trang tra cứu (Search on Website): <https://tracuhoahdon.fpt.com.vn/search.html>

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi giao và nhận hóa đơn) (Need to check, compare before delivering and receiving invoice)

Đơn vị cung cấp hóa đơn điện tử: Công ty TNHH FPT IS - MST: 0104128565 - Điện thoại: 1900636191

Tiếp theo trang trước - trang 2/2

Mã khách: **1CC017** **CÔNG TY TNHH Ô TÔ NAM SÔNG THU**

Địa chỉ: **Quốc lộ 1A, Phường Tân Thành, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam**

Người nhận tiền: _____

Lý do chi: **Thanh toán tiền bảo dưỡng xe**

Loại phiếu chi: **9** **Chi khác**

Tài khoản có: **11212** **Tiền Việt Nam - Ngân hàng Vietcombank**

Ngày lập: **28/11/2025**

Ngày hạch toán: **28/11/2025**

Số phiếu chi: **BN11/0018**

Tỷ giá: **VND** **1.00**

Tỷ giá g: **1.00**

Trạng thái: **2. Chuyển số cái**

CHI GÍT | Thuế | Thanh toán | Khấu trừ thuế | Phí ngân hàng | Ủy nhiệm chi

[Thêm](#) [Chuyển lên](#) [Chuyển xuống](#) [Xóa](#) [In](#) [Sửa](#) [Đóng](#)

Tk nợ	Tên tài khoản	Tiền	Diễn giải	Hóa đơn	Mã thuế	Thuế suất	Tk thuế	Thuế	Thanh toán	Mẫu bả...	Mã tin...	Mẫu hóa đơn	Số hóa đơn
6428	Chi phí bảo trì khác	4 503 045	Thanh toán tiền bảo dưỡng xe	0		0.00		0	4 503 045				

☐ Theo dõi thanh toán ☐ Sửa tỷ giá ghi sổ

Tiền: **4 503 045**

Tiền thuế: **360 243**

Tổng thanh toán: **4 863 288**

[Lưu](#) [Hủy](#)

Hình 2.12 Giao diện hạch toán thanh toán tiền bảo dưỡng xe (ngày 28/11)

Sau khi nhập xong nhấn nút “**Lưu**” sau đó phần mềm sẽ cập nhật lên sổ nhật ký chung, sổ cái 642 và sổ chi tiết 642.

Nghiệp vụ 9: Căn cứ hóa đơn GTGT số 74035 ngày 28 tháng 11 năm 2025, công ty thanh toán tiền xăng đi giao hàng số tiền là 462.963 đồng (chưa bao gồm thuế GTGT).

➤ Hóa đơn GTGT

CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX ĐÀ NẴNG
CHI NHÁNH PETROLIMEX QUẢNG NAM

Đơn vị bán hàng: CHI NHÁNH PETROLIMEX QUẢNG NAM - CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: Số 104 đường Trần Quý Cáp, Phường Bàn Thạch, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Cửa hàng số: PETROLIMEX-CỬA HÀNG 96

Người mua hàng: _____

Đơn vị mua hàng: CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER

Địa chỉ: Số 182 Hùng Vương, Phường Tam Kỳ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Hình thức thanh toán: TM/CK

HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG

Ngày 28 tháng 11 năm 2025 16:00

Ký hiệu: 1K25TAA
Số: **74035**

Mã số thuế: 0400101683-005

Biển số xe: 92A-345.96

Mã số thuế: 4001263697

Mã QHNS: _____

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Xăng RON 95 Mức 3	Lít	24,534	18.870,37	462.963
Cộng tiền hàng:					462.963
Tiền thuế GTGT (8%)					37.037
Tiền phí khác:					
Tổng số tiền thanh toán:					500.000

Tổng số tiền thanh toán bằng chữ: Năm trăm nghìn đồng

Người mua hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Người bán hàng
(Ký, ghi rõ họ, tên)

Signature Valid

Ký bởi: CHI NHÁNH PETROLIMEX QUẢNG NAM - CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX ĐÀ NẴNG

Ký ngày: 28/11/2025

Mã tra cứu: PCUGE24DE*

Website tra cứu: <https://hoadon.petrokimex.com.vn>

Giải pháp hóa đơn điện tử được cung cấp bởi Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông (VNPT-Vinaphone)

MST: 0106869738 - Tel: 18001260

➤ Phiếu chi (Phụ lục 13)

Mã khách: NCC079 CHI NHÁNH PETROLIMEX QUẢNG NAM - CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX ĐÀ NẴNG

Địa chỉ: số 104 đường Trần Quý Cáp, Phường Bàn Thạch, TP Đà Nẵng, Việt Nam

Người nhận tiền: _____

Lý do chi: Thanh toán tiền xăng đi giao hàng

Lưu phiếu chi: 9 Chi khác

Tài khoản có: 1111 Tiền Việt Nam

Ngày lập: 28/11/2025

Ngày hạch toán: 28/11/2025

Số phiếu chi: PC11/0006

Tỷ giá VND/USD: 1.00

Tỷ giá gđ: 1.00

Trạng thái: 2. Chuyển số cái

Chi tiết

Thuế

Thanh toán

Khấu trừ thuế

Chương từ gốc

Tk nợ	Tên tài khoản	Tiền	Diễn giải	Hóa đơn	Mã thuế	Thuế suất	Tk thuế	Thuế	Thanh toán	Hầu bù...	Mã tin...	Hầu bù đơn	Số hóa đơn
6427	Chi phí dịch vụ mua ngoài	462.963	Thanh toán tiền xăng đi giao hàng	0		0.00		0	462.963				

☐ Theo dõi thành toán

☐ Sửa tỷ giá ghi sổ

Tiền: 462.963

Tiền thuế: 37.037

Tổng thanh toán: 500.000

Hình 2.13 Giao diện hạch toán thanh toán tiền xăng đi giao hàng (ngày 28/11)

Sau khi nhập xong nhấn nút “**Lưu**” sau đó phần mềm sẽ cập nhật lên sổ nhật ký chung, sổ cái 642 và sổ chi tiết 642.

Nghiệp vụ 10: Ngày 28 tháng 11 năm 2025, công ty thanh toán tiền thuê văn phòng tháng 11, năm 2025 là 7.000.000 đồng.

- **Hợp đồng thuê văn phòng (Phụ lục 14)**
- **Phiếu chi**

CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER
Số 182 Hùng Vương, Phường Tam Kỳ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số 02-TT
(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016
của Bộ Tài Chính)

PHIẾU CHI
Ngày 28 tháng 11 năm 2025

Họ và tên người nhận tiền: **CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER**

Địa chỉ: **Số 291 Hùng Vương, Phường An Mỹ, Thành phố Tam Kỳ,**

Lý do chi: **Thanh toán tiền thuê văn phòng tháng 11.2025**

Số tiền: **7.000.000 VND**

Bằng chữ: **Bảy triệu đồng chẵn**

Kèm theo: **0 Chứng từ gốc:**

Quyển số:
Số: **PC11/0009**
Nợ: **6428** 7.000.000
Có: **1111** 7.000.000

GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

THỦ QUÝ
(Ký, họ tên)

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI NHẬN TIỀN
(Ký, họ tên)

Nguyễn Phước Ninh

[Kế toán trưởng]

Trần Thị Thu Hằng

Trần Thị Thu Hằng

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): **Bảy triệu đồng chẵn**

Mã khách	CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER	Ngày lập	28/11/2025
Địa chỉ	Số 291 Hùng Vương, Phường An Mỹ, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Na	Ngày hạch toán	28/11/2025
Người nhận tiền	Nguyễn Thị Thu	Số phiếu chi	PC11/0009
Lý do chi	Thanh toán tiền thuê văn phòng tháng 11.2025	Tỷ giá VND	1.00
Loại phiếu chi	2 Chỉ cho khách hàng	Tỷ giá gđ	1.00
Tài khoản có	1111 Tiền Việt Nam	Trạng thái	2. Chuyển số cái

Chi tiết: Thuế Thanh toán Khấu trừ thuế Chứng từ gốc

Tk nợ	Tên tài khoản	Tiền	Diễn giải	Điện thoại	Vụ việc
6428	Chi phí bằng tiền khác	7 000 000	Thanh toán tiền thuê văn phòng tháng 03.2025		

☐ Theo dõi thanh toán ☐ Sửa tỷ giá ghi sổ

Tiền: 7 000 000

Tiền thuế: 0

Tổng thanh toán: 7 000 000

Lưu **Hủy**

Hình 2.14 Giao diện hạch toán thanh toán thuê văn phòng tháng 11 (ngày 28/11)

Sau khi nhập xong nhấn nút “**Lưu**” sau đó phần mềm sẽ cập nhật lên sổ nhật ký chung, sổ cái 642 và sổ chi tiết 642.

Nghiệp vụ 11: Căn cứ hóa đơn GTGT số 230276 (Phụ lục 6) ngày 30 tháng 11 năm 2025, công ty thanh toán phí dịch vụ trên vimo số tiền là 297.000 đồng.

➤ **Phiếu chi**

CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER
Số 182 Hùng Vương, Phường Tam Kỳ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số 02-TT
(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016
của Bộ Tài Chính)

PHIẾU CHI
Ngày 30 tháng 11 năm 2025

Họ và tên người nhận tiền: **CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VI MÔ**

Địa chỉ: **Tầng 12A, toà nhà VTC Online, số 18, đường Tam Trinh, F**

Lý do chi: **Thanh toán phí dịch vụ trên vimo**

Số tiền: **297.000 VND**

Bằng chữ: **Hai trăm chín mươi bảy nghìn đồng chẵn**

Kèm theo: **0 Chứng từ gốc:**

Quyển số:
Số: **PC11/0010**

Nợ: **133111 27.000**
6428 270.000

Có: **1111 297.000**

GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

THỦ QUỸ
(Ký, họ tên)

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI NHẬN TIỀN
(Ký, họ tên)

Nguyễn Phước Ninh

[Kế toán trưởng]

Trần Thị Thu Hằng

Trần Thị Thu Hằng

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): **Hai trăm chín mươi bảy nghìn đồng chẵn**

Hồ khách: NCC071 CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VI MÔ

Địa chỉ: Tầng 12A, toà nhà VTC Online, số 18, đường Tam Trinh, Phường Tương Mai, TP Hà Nội, Việt Nam

Người nhận tiền: Thanh toán phí dịch vụ trên vimo

Lý do chi: 9 Chi khác

Tài khoản có: 1111 Tiền Việt Nam

Ngày lập: 30/11/2025

Ngày hạch toán: 30/11/2025

Số phiếu chi: PC11/0010

Tỷ giá VND: 1.00

Tỷ giá gs: 1.00

Trạng thái: 2. Chuyển số cái

CHI GIE: Thuế Thanh toán Khấu trừ thuế Chứng từ gốc

Tk nợ	Tên tài khoản	Tiền	Diễn giải	Hóa đơn	Mã thuế	Thuế suất	Tk thuế	Thuế	Thanh toán	Mẫu bá...	Mã tin...	Mẫu hóa đơn	Số hóa đơn
6428	Chi phí bằng tiền khác	270 000	Thanh toán phí dịch vụ trên vimo	0		0.00		0	270 000				

☐ Theo dõi thanh toán

☐ Sửa tỷ giá ghi sổ

Tiền: 270 000

Tiền thuế: 27 000

Tổng thanh toán: 297 000

Hình 2.15 Giao diện hạch toán thanh toán phí dịch vụ vimo (ngày 30/11)

Sau khi nhập xong nhấn nút “**Lưu**” sau đó phần mềm sẽ cập nhật lên sổ nhật ký chung, sổ cái 642 và sổ chi tiết 642.

BẢNG TÍNH - THANH TOÁN TIỀN LƯƠNG

Tháng 11 năm 2025

Đơn vị tính: Việt Nam Đồng																										
STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương Chính	Phụ cấp					Tổng Thu Nhập	Ngày công	Tổng Lương Thực Tế	Lương đóng BHXH	Trích vào Chi phí Doanh nghiệp						Trích vào Lương nhân viên					Thuế TNCN	Thực ứng	Kỳ nhận
				Trắc	Phụ cấp đặc thù	Ăn trưa	Điện thoại	Xăng xe					BHXH (17,5%)	BHYT (3%)	BHTN (1%)	Công 23%	BHXH (8%)	BHYT (1,5%)	BHTN (1%)	Công 10,5%						
		1	2	3	4	5	6	8	9	10	11	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23				
A	Kế hoạch Tổng Hợp		14.880.000	0	12.000.000	3.000.000	1.500.000	1.620.000	33.000.000	78	33.000.000	888.000	148.800	49.600	1.066.400	396.800	74.400	49.600	1.562.400	0	0	31.437.600				
01	Nguyễn Phước Ninh	GD										0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0				
02	Trần Thị Thu Hằng	NYKD	4.960.000		4.000.000	1.000.000	500.000	540.000	11.000.000	26	11.000.000	888.000	148.800	49.600	1.066.400	396.800	74.400	49.600	520.800			10.479.200				
03	Cao Văn Trinh	Kỹ Thuật	4.960.000		4.000.000	1.000.000	500.000	540.000	11.000.000	26	11.000.000	888.000	148.800	49.600	1.066.400	396.800	74.400	49.600	520.800			10.479.200				
04	Nguyễn Xuân Thắng	Kỹ Thuật	4.960.000		4.000.000	1.000.000	500.000	540.000	11.000.000	26	11.000.000	888.000	148.800	49.600	1.066.400	396.800	74.400	49.600	520.800			10.479.200				
	Tổng A + B		14.880.000	0	12.000.000	3.000.000	1.500.000	1.620.000	33.000.000	78	33.000.000	2.604.000	446.400	148.800	3.199.200	1.190.400	223.200	148.800	1.562.400	0	0	31.437.600				
Người lập biểu (Ký, họ tên)												Kế toán trưởng (Ký, họ tên)						Giám đốc Công ty (Ký, họ tên, đóng dấu)								

➤ **Thông báo kết quả đóng BHXH, BHYT, BHTN của Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer**



Mẫu C12-TS
(Ban hành kèm theo QĐ số 595/QĐ-BHXH
ngày 14/4/2017 của BHXH Việt Nam)

BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM
BẢO HIỂM XÃ HỘI TP ĐÀ NẴNG (QUẢNG NAM CŨ)

THÔNG BÁO KẾT QUẢ ĐÓNG BHXH, BHYT, BHTN
Tháng 11 năm 2025

Kính gửi : Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer
Địa chỉ: 291 Hùng Vương, An Mỹ, Tam Kỳ, Quảng Nam
Mã đơn vị: TA0359Z
BHXH TP Đà Nẵng (Quảng Nam cũ)
Địa chỉ: 108 Trần Quý Cáp, TP Tam Kỳ, tỉnh Quảng Nam
Điện thoại: 02353810009
Số TK ngân hàng: 4208202947175
Tại ngân hàng: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh Núi Thành Quảng Nam
Số TK kho bạc:
Tại kho bạc:

Thông báo kết quả đóng BHYT, BHTN, BHXH, BHTNLĐ - BNN của đơn vị như sau :

STT	NỘI DUNG	BHXH	BHYT	BHTN	BHTNLĐ	CỘNG
A	B	1	2	3	4	5 = 1+2+3+4
A	Kỳ trước mang sang					
1	Số lao động	3	3	3	3	
2	Phải đóng					
2.1	Thừa					
2.2	Thiếu					
3	Thiếu lãi					
B	Phát sinh trong kỳ	3.720.000	669.600	297.600	74.400	4.761.600
1	Số lao động					
1.1	Tăng					
1.2	Giảm					
2	Quỹ lương	14.880.000	14.880.000	14.880.000	14.880.000	
2.1	Tăng					
2.2	Giảm					
3	Phải đóng	3.720.000	669.600	297.600	74.400	4.761.600
3.1	Tăng					
3.2	Giảm					
4	Điều chỉnh phải đóng kỳ trước					
4.1	Tăng					
	Trong đó: Năm trước					
4.2	Giảm					
	Trong đó: Năm trước					
4.3	Điều chỉnh					
5	Lãi					
5.1	Số tiền tính lãi					
5.2	Tỷ lệ tính lãi	0,644	0,986	0,644		
5.3	Tổng tiền lãi					
6	2% bắt buộc để lại					

C	Số tiền đã nộp trong kỳ					4.761.600
D	Phân bổ tiền đóng	3.720.000	669.600	297.600	74.400	4.761.600
1	Phải đóng	3.720.000	669.600	297.600	74.400	4.761.600
2	Tiền lãi					
D	Chuyển kỳ sau					
1	Số lao động	3	3	3	3	
2	Phải đóng					
2.1	Thừa					
2.2	Thiếu					
3	Thiếu lãi					

- a) Kết quả đơn vị đã đóng BHXH cho 3 lao động đến hết tháng 11/2025.
b) Kết quả đơn vị đã đóng BHYT cho 3 lao động đến hết tháng 11/2025.
c) Kết quả đơn vị đã đóng BHTNLD, BNN cho 3 lao động đến hết tháng 11/2025.
d) Số nộp thừa ghi nộp cho kỳ sau là: 0 đồng.
đ) Đề nghị đơn vị kiểm tra số liệu trên, nếu chưa thống nhất yêu cầu đến cơ quan BHXH TP Đà Nẵng (Quảng Nam cũ) để kiểm tra và điều chỉnh trước ngày 06/12/2025. Quá thời hạn trên, nếu đơn vị không đến, số liệu trên là đúng.

Cán bộ thu
(Ký, ghi rõ họ tên)

Đà Nẵng (quảng Nam cũ), ngày 06 tháng 12 năm 2025
Giám đốc
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Căn cứ vào bảng chấm công, bảng tính – thanh toán tiền lương tháng 11 năm 2025 kế toán viên hạch toán chi phí lương lên phần mềm theo trình tự:

Kế toán đối chiếu số liệu ở thông báo kết quả đóng BHXH, BHYT, BTN tháng 11/2025 và bảng tính – trích nộp BHXH, BHYT, BHTN tháng 11/2025 kế toán hạch toán chi phí BHXH, BHYT, BHTN lên phần mềm kế toán theo các bước sau:

Bước 1: Vào phân hệ “**Tổng hợp**” chọn “**Phiếu kế toán tổng hợp**”.

Giao diện (Phụ lục 15)

Bước 2: Sau đó, nhập đầy đủ thông tin trên giao diện, kiểm tra chính xác số liệu và nhấn nút “**Lưu**”. Phần mềm sẽ hiển thị như bên dưới, đồng thời cập nhật dữ liệu vào sổ nhật ký chung, sổ cái 642 và sổ chi tiết 6422.

Ngày lập: 28/11/2025
Ngày hạch toán: 28/11/2025
Số chứng từ: 124
Tỷ giá: VND/LĐ: 1.00
Diễn giải: Hạch toán lương tháng 11

Chi tiết Thuế GTGT đầu vào

Tài khoản	Tên tài khoản	Mã khách	Tên khách	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Diễn giải	Vụ việc	Nhóm định k...
1 6428	Chi phí bằng tiền khác	CONGT	CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER	33 000 000	0	Hạch toán lương tháng 11		
2 3341	Phải trả công nhân viên	CONGT	CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER	0	33 000 000	Hạch toán lương tháng 11		

33 000 000
33 000 000

Lưu
Hủy

Hình 2.16 Giao diện hạch toán lương tháng 11

Ngày lập29/11/2025Trạng thái2. Chuyển số cái

Ngày hạch toán29/11/2025

Số chứng từ99

Tỷ giáVND1.00

Diễn giảiPhiếu hạch toán các khoản trích BHXH trừ vào chi phí doanh nghiệp

Chi tiếtThuế GTGT đầu vào

ThêmChuyển lênChuyển xuốngNhấn dòngXóa

	Tài khoản	Tên tài khoản	Mã khách	Tên khách	Phát sinh nợ	Phát sinh có	Diễn giải	Vụ việc	Nhóm định k...
1	6428	Chi phí bằng tiền khác	CONGT	CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER	3 199 200	0	Phiếu hạch toán các khoản trích BHXH trừ vào chi phí		
2	3383	Bảo hiểm xã hội	CONGT	CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER	0	2 604 000	Phiếu hạch toán các khoản trích BHXH trừ vào chi phí		
3	3394	Bảo hiểm y tế	CONGT	CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER	0	446 400	Phiếu hạch toán các khoản trích BHXH trừ vào chi phí		
4	3386	Bảo hiểm thất nghiệp	CONGT	CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER	0	148 800	Phiếu hạch toán các khoản trích BHXH trừ vào chi phí		

3 199 2003 199 200

LưuHủy

Hình 2.17 Giao diện hạch toán các khoản trích BHXH trừ vào chi phí doanh nghiệp

➤ Bảng tính chi phí công cụ dụng cụ

CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER
Số 182 Hùng Vương, Phường Tam Kỳ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢNG TÍNH CHI PHÍ CÔNG CỤ DỤNG CỤ

Từ kỳ 01/2025 đến kỳ 12/2025

Stt	Tên công cụ dụng cụ	Mã công cụ	Ngày tính phân bổ	Số kỳ phân bổ	Nguyên giá	Giá trị phân bổ trong kỳ	Giá trị đã phân bổ	Giá trị còn lại
1	Máy tính xách tay Apple MacBook Air, M2 8 core CPU/10 core GPU, 16GB memory, 256 GB SSD, 16 coreNeural Engine, 13.6" Liquid Ret	CCDC2	22/07/2024	6	26.272.727	2.966.275	26.272.727	
2	MÁY TÍNH XÁCH TAY (NB) LENOVO Legion Slim 5 16IRH8 i5-13500H/16GD5/512G/16WQXGA165Hz/WL/BT/4C/6G_RTX4050/W11SL/XAM(82YA00BSVN)	CCDC3	02/08/2024	6	28.172.727	4.846.918	28.172.727	
3	Máy in Brother HL-L2321D	CCDC6	03/12/2024	3	2.590.909	1.782.991	2.590.909	
4	Máy tính để bàn HP AIO 24-cb1025d,Core i5- 1235U,8GB RAM,512GB SSD,Intel Graphics,23.8 "FHD,Wlan ac+BT, Wireless Keyboard & Mou	CCDC7	01/01/2024	12	16.363.636	4	16.363.636	
Tổng cộng					73.399.999	9.596.188	73.399.999	0

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

[Kế toán trưởng]

Ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

Chi phí công cụ dụng cụ được phân bổ theo thời gian sử dụng.

➤ **Bảng tính khấu hao tài sản cố định**

CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER
Số 182 Hùng Vương, Phường Tam Kỳ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

BẢNG TÍNH KHẤU HAO TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Từ kỳ 11/2025 đến kỳ 11/2025

Stt	Tên tài sản	Số thẻ tài sản	Ngày tính	Số kỳ	Nguyên giá	Giá trị khấu hao trong kỳ	Giá trị đã khấu hao	Giá trị còn lại
1	Xe ô tô con 5 chỗ ngồi hiệu Hyundai, ACCENT HC13 1.4 AT PE, năm sản xuất 2023	TS001	26/09/2023	72	466.682.730	6.481.705	169.604.614	297.078.116
Tổng cộng					466.682.730	6.481.705	169.604.614	297.078.116

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

[Kế toán trưởng]

Để mở sổ cái tài khoản 642 và xem thông tin kế toán thực hiện thao tác: Vào “**Tổng hợp**” chọn “**Sổ sách nhật ký chung**”. Sau đó, chọn sổ muốn xem tiếp theo nhập ngày tháng và tên sổ cần xem. Bấm nút “**Nhận**” để hiện thị sổ cần xem.

❖ **Sổ cái 642**

CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER
Số 182 Hùng Vương, Phường Tam Kỳ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016
của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI CỦA MỘT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Tk đối ứng	Số phát sinh	
	Số	Ngày		Trang số	Sít dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
01/01/2025	PKT 111	01/01/2025	Hoạch toán thuế môn bài 2025			33398	2.000.000	
02/01/2025	BN BN01/0001	02/01/2025	Phí ngân hàng			11211	275.000	
...	...	...	...			...	...	
31/01/2025	PKT 202501	31/01/2025	Bút toán phân bổ khấu hao TSCĐ			21413	6.481.705	
31/01/2025	PKT 202501	31/01/2025	Bút toán phân bổ CCDC			24212	8.525.370	
...	...	...	...			...	...	
28/11/2025	BN BN11/0018	28/11/2025	Thanh toán tiền bảo dưỡng xe			11212	4.503.045	
...	...	...	...			...	...	
28/11/2025	PC PC11/0006	28/11/2025	Thanh toán tiền xăng đi giao hàng			1111	462.963	
28/11/2025	PC PC11/0008	28/11/2025	Thanh toán chi phí sửa xe , phần khấu trừ bảo hiểm			1111	462.963	
28/11/2025	PC PC11/0009	28/11/2025	Thanh toán tiền thuê văn phòng tháng 03.2025			1111	7.000.000	
28/11/2025	PKT 124	28/11/2025	Hoạch toán lương tháng 11			3341	33.000.000	
29/11/2025	PKT 99	29/11/2025	Phiếu hạch toán các khoản trích BHXH trừ vào chi phí doanh nghiệp			3383	2.604.000	
29/11/2025	PKT 99	29/11/2025	Phiếu hạch toán các khoản trích BHXH trừ vào chi phí doanh nghiệp			3384	446.400	
29/11/2025	PKT 99	29/11/2025	Phiếu hạch toán các khoản trích BHXH trừ vào chi phí doanh nghiệp			3386	148.800	
30/11/2025	PC PC11/0010	30/11/2025	Thanh toán phí dịch vụ trên vimo			1111	270.000	
...	...	...	...			...	...	
31/12/2025	PKT 125	31/12/2025	Hoạch toán lương tháng 12			3341	33.000.000	
31/12/2025	PKT 202512	31/12/2025	Bút toán phân bổ khấu hao TSCĐ			21413	6.481.705	
31/12/2025	PKT 202512	31/12/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			911		6.481.705
31/12/2025	PKT 202512	31/12/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			911		43.729.409

Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang
Ngày mở sổ: 17/04/2026

Tổng phát sinh nợ: 660.445.795
Tổng phát sinh có: 660.445.795
Số dư cuối kỳ: 0

NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên, đóng dấu)

❖ Sổ chi tiết 642

CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER
Số 182 Hùng Vương, Phường Tam Kỳ, Thành phố

Mẫu số S38-DN
(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016
của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Số dư nợ đầu kỳ: 0

Ngày ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Ngày	Số			Nợ	Có	Nợ	Có
01/01/2025	01/01/2025	PKT 111	Hoạch toán thuế môn bài 2025	33398	2.000.000		2.000.000	
02/01/2025	02/01/2025	BN BN01/0001	Phí ngân hàng	11211	275.000		2.275.000	
...	...	...	...	...	...		...	
28/11/2025	28/11/2025	BN BN11/0018	Thanh toán tiền bảo dưỡng xe	11212	4.503.045		4.534.042	
28/11/2025	28/11/2025	BN BN11/0019	Phí ngân hàng	11212	55.000		4.589.042	
28/11/2025	28/11/2025	BN BN11/0023	Phí ngân hàng	11212	1.571		4.590.613	
28/11/2025	28/11/2025	PC PC11/0006	Thanh toán tiền xăng đi giao hàng	1111	462.963		5.053.576	
28/11/2025	28/11/2025	PC PC11/0008	Thanh toán chi phí sửa xe, phần khấu trừ bảo hiểm	1111	462.963		5.516.539	
28/11/2025	28/11/2025	PC PC11/0009	Thanh toán tiền thuê văn phòng tháng 03.2025	1111	7.000.000		12.516.539	
28/11/2025	28/11/2025	PKT 124	Hoạch toán lương tháng 11	3341	33.000.000		45.516.539	
29/11/2025	29/11/2025	PKT 99	Phiếu hạch toán các khoản trích BHXH trừ vào chi phí	3383	2.604.000		48.120.539	
29/11/2025	29/11/2025	PKT 99	Phiếu hạch toán các khoản trích BHXH trừ vào chi phí	3384	446.400		48.566.939	
29/11/2025	29/11/2025	PKT 99	Phiếu hạch toán các khoản trích BHXH trừ vào chi phí	3386	148.800		48.715.739	
30/11/2025	30/11/2025	PC PC11/0010	Thanh toán phí dịch vụ trên vimo	1111	270.000		48.985.739	
30/11/2025	30/11/2025	PKT 202511	Bút toán phân bổ khấu hao TSCĐ	21413	6.481.705		55.467.444	
...	...	...	...	...	...		...	
31/12/2025	31/12/2025	PKT 202512	Bút toán phân bổ khấu hao TSCĐ	21413	6.481.705		50.211.114	
31/12/2025	31/12/2025	PKT 202512	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	911		6.481.705	43.729.409	
31/12/2025	31/12/2025	PKT 202512	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	911		43.729.409		
Tổng cộng					660.445.795	660.445.795	0	0

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...
Ngày mở sổ:

NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.10 Kế toán thu nhập khác tại Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer

2.10.1 Nội dung

Trong năm 2025, Công ty không phát sinh nghiệp vụ nào liên quan đến thu nhập khác.

2.11 Kế toán chi phí khác tại Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer

2.11.1 Nội Dung

Trong năm 2025, các khoản chi phí khác phát sinh chủ yếu là khoản tiền thuế nộp chậm của công ty, ngoài ra không phát sinh khoản chi phí khác nào.

2.11.2 Chứng từ sử dụng

- Giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước
- Phiếu kế toán

2.11.3 Tài khoản và sổ sách sử dụng

a) Tài khoản sử dụng

Tài khoản 811 – Chi phí khác

b) Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung

- Sổ cái tài khoản 811 – Chi phí khác
- Sổ chi tiết tài khoản 811 – Chi phí khác

2.11.4 Quy trình ghi sổ

Căn cứ giấy nộp tiền vào Ngân sách Nhà nước ngày 01 tháng 05 năm 2025, Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer trả tiền thuế nộp chậm cho Nhà nước lần lượt là 372.924 đồng và 206.225 đồng.

➤ Giấy nộp tiền vào ngân sách Nhà nước

Không ghi vào khu vực này Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER Địa chỉ: Số 182 Hùng Vương, Phường An Mỹ Quận/Huyện: Thành phố Tam Kỳ Người nộp thay: Địa chỉ: Quận/Huyện: Đề nghị NH (KBNN): Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam hoặc thu tiền mặt để nộp NSNN theo: Nộp vào cho NSNN ☒ TK tạm thu ☐ Vào tài Khoản của KBNN: Kho bạc Nhà nước Khu vực XII Mở tại NHTM ủy nhiệm thu: Vietcombank – Chi nhánh Quảng Nam Nộp theo văn bản của cơ quan có thẩm quyền: Kiểm toán nhà nước ☐ Thanh tra tài chính ☐ Thanh tra Chính phủ ☐ Cơ quan có thẩm quyền khác ☐ Tại cơ quan quản lý thu: Tp. Tam Kỳ - Đội Thuế liên huyện Tam Kỳ - Núi Thành - Phú Ninh Mã CQ thu: 1054330	GIẤY NỘP TIỀN VÀO NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC Tiền mặt ☐ Chuyển khoản ☒ Loại tiền: VND ☒ USD ☐ Khác:.... (Đánh dấu X vào ô tương ứng)	Mẫu số C1- 02/NS (ban hành kèm theo Thông tư số 84/2016/TT-BTC của Bộ Tài Chính) Mã hiệu: 20250520506523122 Số: 20250520506523122 Số tham chiếu: 11220250322660788 Mã số thuế: 4001263697 Tỉnh, TP: Quảng Nam Mã số thuế: Tỉnh, TP: trích TK số: 1035946331 Tỉnh, TP: Tỉnh Quảng Nam
--	--	---

Phần dành cho NNT ghi khi nộp tiền vào NSNN						Phần dành cho NH ủy nhiệm thu/ NH phối hợp thu/KBNN ghi	
STT	Số tờ khai/ Số quyết định / Số thông báo	Kỳ thuế/ Ngày quyết định/ Ngày thông báo	Nội dung các khoản nộp NSNN	Số nguyên tệ	Số tiền VND	Mã chương	Mã tiêu Mục
1	7509554033800001	00/Q4/2024	Tiền chậm nộp thuế giá trị gia tăng từ hàng hóa sản xuất kinh doanh trong nước khác còn lại ;		281.649	755	4931
2	7527320489290001	00/CN/2024	Tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (không bao gồm tiền chậm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp từ hoạt động thăm dò, khai thác dầu khí) ;		91.275	755	4918
Tổng tiền					372.924		

Tổng số tiền ghi bằng chữ: Ba trăm bảy mươi hai nghìn chín trăm hai mươi bốn đồng

PHẦN KBNN GHI		
Mã CQ thu:		Nợ TK:
Mã ĐBHC:		Có TK:
Mã nguồn NSNN:		

-  Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER
Ngày ký: 20/05/2025 10:57:04.
-  Ký điện tử bởi: CỤC THUẾ
Ngày ký: 20/05/2025 10:58:55.
-  Ký điện tử bởi: NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM
Ngày ký: 20/05/2025 10:55:32.

Căn cứ vào giấy nộp tiền vào ngân sách nhà nước, kế toán viên hạch toán chi phí khác lên phần mềm theo trình tự:

Bước 1: Vào phân hệ **“Tổng hợp”** chọn **“Phiếu kế toán tổng hợp”**.

Bước 2: Sau đó, nhập đầy đủ thông tin trên giao diện, kiểm tra chính xác số liệu và nhấn nút **“Lưu”**. Phần mềm sẽ hiển thị như bên dưới, đồng thời cập nhật dữ liệu vào sổ nhật ký chung, sổ cái 811 và sổ chi tiết 811.

The screenshot shows a software interface for creating a tax payment receipt. The form is divided into several sections:

- Customer Information:** Mã khách: CONGT, CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER; Địa chỉ: SỐ 291 Hùng Vương, Phường An Mỹ, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Na.
- Payment Details:** Ngày lập: 20/05/2025; Ngày hạch toán: 20/05/2025; Số phiếu chi: BN05/0005; Tỷ giá: VND 1.00; Tỷ giá g: 1.00; Trạng thái: 2. Chuyển số cái.
- Payment Type:** Lý do chi: Nộp tiền nộp chậm thuế; Loại phiếu chi: 2; Tài khoản có: 11211; Tiền Việt Nam - Ngân hàng Vietcombank.
- Accounting Entry Table:**

Tk nợ	Tên tài khoản	Tiền	Diễn giải	Điện thoại	Vụ việc
1 33398	Các khoản phải nộp khác	372 924	Nộp tiền nộp chậm thuế		
- Summary:**
 - Tiền: 372 924
 - Tiền thuế: 0
 - Tổng thanh toán: 372 924
- Buttons:** Theo dõi thanh toán, Sửa tỷ giá ghi sổ, Lưu, Hủy.

Hình 2.18 Giao diện hạch toán tiền thuế nộp chậm

➤ **Phiếu kế toán (Phụ lục 13)**

Để mở sổ cái tài khoản 811 và xem thông tin kế toán thực hiện thao tác: Vào **“Tổng hợp”** chọn **“Sổ sách nhật ký chung”**. Sau đó, chọn sổ muốn xem tiếp theo nhập ngày tháng và tên sổ cần xem. Bấm nút **“Nhận”** để hiển thị sổ cần xem.

➤ **Sổ cái 811**

CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER

Số 182 Hùng Vương, Phường Tam Kỳ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI CỦA MỘT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 811 - Chi phí khác

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Số dư đầu kỳ:0

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Tk đối ứng	Số phát sinh	
	Số	Ngày		Trang sổ	Stt dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
01/05/2025	PKT	112	01/05/2025	Hoạch toán tiền thuế nộp chậm			33398	372.924
31/05/2025	PKT	202505	31/05/2025	Kết chuyển chi phí bất thường vào KQKD - 911, 811			911	372.924
01/10/2025	PKT	113	01/10/2025	Hoạch toán tiền thuế nộp chậm			33398	206.225
31/10/2025	PKT	202510	31/10/2025	Kết chuyển chi phí bất thường vào KQKD - 911, 811			911	206.225
							Tổng phát sinh nợ:	579.149
							Tổng phát sinh có:	579.149
							Số dư cuối kỳ:	0

Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

Ngày mở sổ: #####

NGƯỜI GHI SỔ

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ngày.....tháng.....năm.....

➤ Sổ chi tiết 811

CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER

Số 182 Hùng Vương, Phường Tam Kỳ, Thành phố

Mẫu số S38-DN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 811 - Chi phí khác

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Số dư nợ đầu kỳ:0

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Ngày	Số			Nợ	Có	Nợ	Có
01/05/2025	01/05/2025	PKT	112	Hoạch toán tiền thuế nộp chậm	33398	372.924		372.924
31/05/2025	31/05/2025	PKT	202505	Kết chuyển chi phí bất thường vào KQKD - 911, 811	911		372.924	
01/10/2025	01/10/2025	PKT	113	Hoạch toán tiền thuế nộp chậm	33398	206.225		206.225
31/10/2025	31/10/2025	PKT	202510	Kết chuyển chi phí bất thường vào KQKD - 911, 811	911		206.225	
Tổng cộng						579.149	579.149	0

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

Ngày mở sổ:

NGƯỜI GHI SỔ

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Ngày.....tháng.....năm.....

2.12 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tại Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer

2.12.1 Nội dung

Cuối năm 2025, kế toán tiến hành tổng hợp doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ để xác định số thuế TNDN phải nộp. Sau khi tổng hợp số liệu kế toán của Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer cho thấy năm 2025 tổng lợi nhuận kế toán trước thuế 46.815.953 đồng.

Tại *Nghị quyết 198*, Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer là doanh nghiệp mới thành lập và đăng ký hoạt động theo diện được hưởng chính sách ưu đãi thuế của Nhà nước nên doanh nghiệp được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp trong 03 năm đầu hoạt động. Vì vậy, mặc dù trong năm công ty có phát sinh thu nhập chịu thuế,

➤ **Tờ khai quyết toán thuế 2025**

82

2.2	Chi phí của phần doanh thu điều chỉnh tăng	B10	0
2.3	Chi phí lãi vay không được trừ kỳ trước được chuyển sang kỳ này của doanh nghiệp có giao dịch liên kết	B11	0
2.4	Các khoản điều chỉnh làm giảm lợi nhuận trước thuế khác	B12	0
3	Tổng thu nhập chịu thuế (B13=A1+B1-B8)	B13	46.815.953
3.1	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh	B14	46.815.953
3.2	Thu nhập chịu thuế từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	B15	0
C	Thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) phải nộp từ hoạt động sản xuất kinh doanh		
1	Thu nhập chịu thuế (C1 = B14)	C1	46.815.953
2	Thu nhập miễn thuế	C2	0
			0
3	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ (C3=C3a+C3b)	C3	0
	Trong đó:		
3.1	+ Lỗ từ hoạt động SXKD được chuyển trong kỳ	C3a	0
3.2	+ Lỗ từ chuyển nhượng BĐS được bù trừ với lãi của hoạt động SXKD	C3b	0
4	Thu nhập tính thuế (TNTT) (C4=C1-C2-C3)	C4	46.815.953
5	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	C5	0
6	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (C6=C4-C5=C7+C8)	C6	46.815.953
	Trong đó:		
6.1	+ Thu nhập tính thuế áp dụng thuế suất 15%	C7	46.815.953
6.2	+ Thu nhập tính thuế tính theo thuế suất không ưu đãi khác	C8	0
6.3	+ Thuế suất không ưu đãi khác (%)	C8a	0
7	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD tính theo thuế suất không ưu đãi (C9=(C7 x 15%) + (C8 x C8a))	C9	7.022.393
8	Thuế TNDN được ưu đãi theo Luật thuế TNDN (C10 = C11 + C12 + C13)	C10	7.022.393
	Trong đó:		
8.1	+ Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi	C11	0
8.2	+ Thuế TNDN được miễn trong kỳ	C12	7.022.393
8.3	+ Thuế TNDN được giảm trong kỳ	C13	0
9	Thuế TNDN được miễn, giảm theo Hiệp định thuế	C14	0
10	Thuế TNDN được miễn, giảm theo từng thời kỳ	C15	0
11	Thuế thu nhập đã nộp ở nước ngoài được trừ trong kỳ tính thuế	C16	0
12	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh (C17=C9-C10-C14-C15-C16)	C17	0
D	Thuế TNDN phải nộp từ hoạt động chuyển nhượng BĐS	D	
1	Thu nhập chịu thuế (D1 = B15)	D1	0
2	Lỗ từ hoạt động chuyển nhượng BĐS được chuyển trong kỳ và Lỗ từ hoạt động SXKD được bù trừ với lãi từ chuyển nhượng BĐS	D2	0
3	Thu nhập tính thuế (D3=D1-D2)	D3	0
4	Trích lập quỹ khoa học công nghệ (nếu có)	D4	0
5	TNTT sau khi đã trích lập quỹ khoa học công nghệ (D5=D3-D4)	D5	0
6	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS trong kỳ	D6	0
7	Thuế TNDN chênh lệch do áp dụng mức thuế suất ưu đãi đối với thu nhập từ thực hiện dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội để bán, cho thuê, cho thuê mua	D7	0
8	Thuế TNDN của hoạt động chuyển nhượng BĐS còn phải nộp kỳ này (D8=D6-D7)	D8	0
E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (E=E1+E2+E5)	E	0
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	0
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (E2=E3+E4)	E2	0
2.1	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản	E3	0
2.2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	E4	0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có)	E5	0
3.1	Trong đó thuế TNDN từ xử lý Quỹ phát triển khoa học công nghệ	E6	0
G	Số thuế TNDN đã tạm nộp (G=G1+G2+G3+G4+G5)	G	0
1	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh		0
1.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	G1	0
1.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	G2	0
2	Thuế TNDN đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS		0
2.1	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G3	0
2.2	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS	G4	0
2.3	Thuế TNDN đã tạm nộp các kỳ trước và trong năm quyết toán của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ	G5	0

H	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp	H	
1	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động sản xuất kinh doanh (H1=E1+E5-G2)	H1	0
2	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm của hoạt động chuyển nhượng BĐS (H2=E3-G4)	H2	0
3	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp của hoạt động chuyển nhượng cơ sở hạ tầng, nhà có thu tiền theo tiến độ (H3=E4-G5)	H3	0
I	Số thuế TNDN còn phải nộp đến thời hạn nộp hồ sơ khai quyết toán thuế (I=E-G=I1+I2)	I	0
1	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh (I1=E1+E5-G1-G2)	I1	0
2	Thuế TNDN còn phải nộp của hoạt động chuyển nhượng BĐS (I2=E2-G3-G4-G5)	I2	0

E	Số thuế TNDN phải nộp quyết toán trong kỳ (E=E1+E2+E5)	E	Số kê khai trên tờ khai	Tiểu mục 1052	Tiểu mục 1056	Tiểu mục 1057	Tiểu mục 1099	Tiểu mục 1053
1	Thuế TNDN của hoạt động sản xuất kinh doanh	E1	0	0	0	0	0	
2	Thuế TNDN từ hoạt động chuyển nhượng bất động sản (E2=E3+E4)	E2	0					0
3	Thuế TNDN phải nộp khác (nếu có) không bao gồm tiền lãi phải nộp khi xử lý quỹ KHCN	E5 - Tổng cột [13] mục III trên bảng kê 03-6 - Tổng cột [14] mục III trên bảng kê 03-6	0	0	0	0	0	
Tổng cộng				0	0	0	0	0

NHÂN VIÊN ĐẠI LÝ THUẾ:
Họ và tên:
Chứng chỉ hành nghề số:

Người ký:
Ngày ký:

PHỤ LỤC 03-3A/TNDN

THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP ĐƯỢC ƯU ĐÃI

Đôi với thu nhập từ dự án đầu tư mới, thu nhập của doanh nghiệp được hưởng ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp

Ưu đãi cùng/khác địa bàn với nơi có trụ sở chính

Ưu đãi cùng tỉnh

Thuế tỉnh, thành phố

Cơ quan thuế quản lý

☐ Dự án đầu tư - kinh doanh nhà ở xã hội

[09] Địa phương nơi có đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh có thu nhập được hưởng ưu đãi khác tỉnh nơi đóng trụ sở chính:

[09c] Tỉnh/Thành phố

[09b] Quận/huyện

[09a] Xã/Phường/Đặc khu

A. Xác định ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp của người nộp thuế tại trụ sở chính, đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh

TT	Tên NNT, đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh	Mã số thuế NNT, đơn vị phụ thuộc, mã địa điểm kinh doanh	Cơ quan thuế quản lý NNT, đơn vị phụ thuộc, địa điểm kinh doanh	Cơ quan Thuế quản lý	Điều kiện được hưởng ưu đãi thuế	Thông tin dự án đầu tư			Xác định thời gian ưu đãi				Kết quả kinh doanh của hoạt động được hưởng ưu đãi					
						Tên dự án đầu tư	Mã dự án đầu tư (nếu có)	Lĩnh vực hoạt động	Ưu đãi thuế suất	Miễn giảm thuế	Số năm	Từ năm	Số năm	Từ năm	Doanh thu tính thuế	Chi phí tính thuế	Thu nhập miễn thuế	Chuyển lỗ và bù trừ lãi, lỗ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)
1	Công Ty TNHH Nguyễn Ninh Computer	4001263937	Thuế cơ sở 9 thành phố Đà	Doanh nghiệp nhỏ và vừa trong 03 nă			G46 - Bán buôn		0		3	2023			2.500.978.293	2.454.162.340	0	0
Tổng cộng																		

B. Xác định số thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN của đơn vị phụ thuộc/địa điểm kinh doanh khác tỉnh

Đơn vị tiền: Đồng/Việt Nam

STT	Tên chỉ tiêu	Mã chỉ tiêu	Số tiền
1	Thuế TNDN phải nộp của hoạt động được hưởng ưu đãi thuế TNDN ([16]=([11]-[15]))	[16]	0
2	Thuế TNDN nộp thừa kỳ trước chuyển sang kỳ này	[17]	0
3	Thuế TNDN đã tạm nộp trong năm	[18]	0
4	Chênh lệch giữa số thuế phải nộp và số thuế đã tạm nộp trong năm ([19]=([16]-[18]))	[19]	0
5	Thuế TNDN còn phải nộp ([20]=([16]-[17]-[18]))	[20]	0

84

Xác định số thuế được ưu đãi thuế suất					Xác định số thuế được miễn, giảm			Tổng số thuế được ưu đãi
TNTT được hưởng ưu đãi	Thuế suất ưu đãi	Thuế TNDN phải nộp theo thuế suất phổ thông	Số thuế TNDN tính theo thuế suất ưu đãi	Số thuế chênh lệch do áp dụng thuế suất ưu đãi	Tỷ lệ giảm thuế	Số thuế được miễn	Số thuế được giảm	
(17)	(18)	(19)	(20)	(21)	(22)	(23)	(24)	(25)=(21)+(23)+(24)
46.815.953	15,00	7.022.393	7.022.393	 0	100 %	7.022.393	0	7.022.393
46.815.953		7.022.393		0		7.022.393	0	7.022.393

PHỤ LỤC 03-1A

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Áp dụng đối với ngành sản xuất, thương mại, dịch vụ (trừ công ty an ninh, quốc phòng)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

STT	Chi tiêu	Mã chi tiêu	Số tiền
(1)	(2)	(3)	(4)
	Kết quả kinh doanh ghi nhận theo báo cáo tài chính:		
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	[04]	2.500.908.250
	Trong đó: - Doanh thu bán hàng hoá, dịch vụ xuất khẩu	[05]	0
2	Các khoản giảm trừ doanh thu ([06]=[07]+[08]+[09])	[06]	0
a	Chiết khấu thương mại	[07]	0
b	Giảm giá hàng bán	[08]	0
c	Giá trị hàng bán bị trả lại	[09]	0
3	Doanh thu hoạt động tài chính	[10]	70.043
	Trong đó: Doanh thu từ lãi tiền gửi	[11]	70.043
4	Chi phí sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ ([12]=[13]+[14]+[15])	[12]	2.430.403.157
a	Giá vốn hàng bán	[13]	1.769.957.362
b	Chi phí bán hàng	[14]	660.445.795
c	Chi phí quản lý doanh nghiệp	[15]	0
5	Chi phí tài chính	[16]	7.967.560
	Trong đó: Chi phí lãi tiền vay	[17]	7.967.560
6	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh ([18]=[04]-[06]+[10]-[12]-[16])	[18]	62.607.576
7	Thu nhập khác	[19]	0
8	Chi phí khác	[20]	15.791.623
9	Lợi nhuận khác ([21]=[19]-[20])	[21]	(15.791.623)
10	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp ([22]=[18]+[21])	[22]	46.815.953

❖ Sổ cái 821

CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER
Số 182 Hùng Vương, Phường Tam Kỳ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016
của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI CỦA MỘT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Số dư đầu kỳ: 0

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Tk đối ứng	Số phát sinh	
	Số	Ngày		Trang số	Stt dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
02/01/2025	PKT	127	02/01/2025					
31/01/2025	PKT	202501	31/01/2025			3334	15.212.474	
						911		15.212.474

Tổng phát sinh nợ: 15.212.474

Tổng phát sinh có: 15.212.474

Số dư cuối kỳ: 0

Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

Ngày mở sổ: #####

NGƯỜI GHI SỔ

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)

❖ Sổ chi tiết 821

CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTE
Số 182 Hùng Vương, Phường Tam Kỳ, Thành ph

Mẫu số S38-DN
(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016
của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Số dư nợ đầu kỳ: 0

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Ngày	Số			Nợ	Có	Nợ	Có
02/01/2025	02/01/2025	PKT 127	Định khoản thuế TNDN 2024	3334	15.212.474		15.212.474	
31/01/2025	31/01/2025	PKT 202501	Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành - 911, 8211	911		15.212.474		
Tổng cộng					15.212.474	15.212.474	0	0

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

Ngày mở sổ:

NGƯỜI GHI SỔ

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)

2.13 Kế toán xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer

2.13.1 Nội dung

Cuối tháng, kế toán tiến hành kết chuyển các khoản giá vốn hàng bán, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí thuế TNDN hiện hành, doanh thu bán hàng thuần và thu nhập tài chính sang tài khoản 911 để xác định lãi/lỗ trong quá trình hoạt động kinh doanh.

2.13.2 Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán
- Phiếu kết chuyển

2.13.3 Tài khoản và sổ sách sử dụng

a) Tài khoản sử dụng

Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh

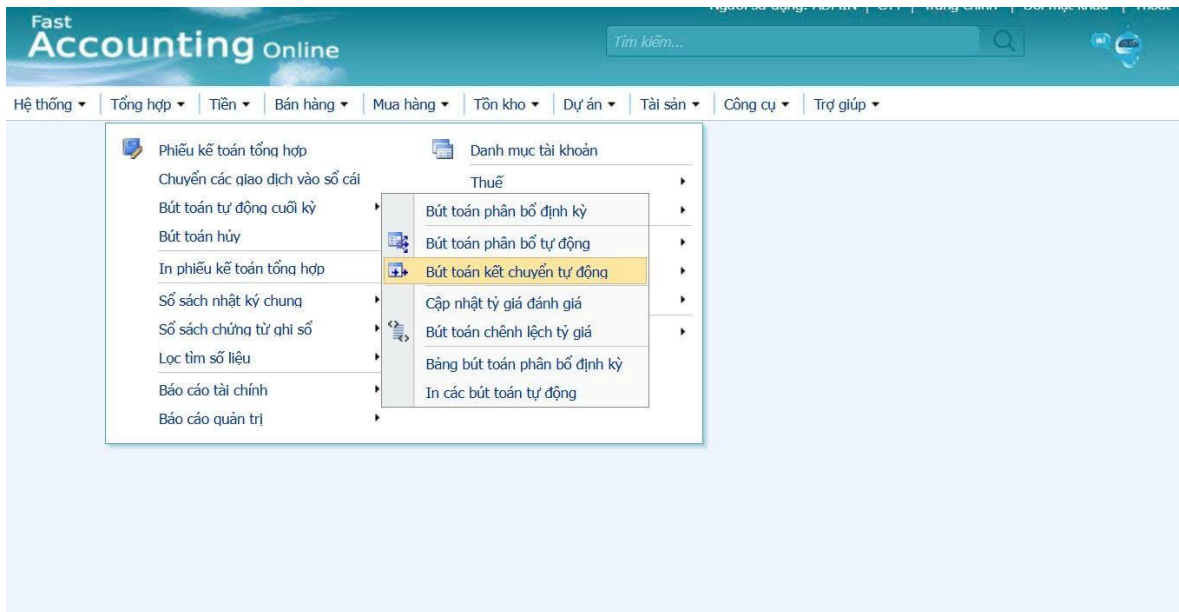
b) Sổ sách sử dụng

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh
- Sổ chi tiết 911 – Xác định kết quả kinh doanh

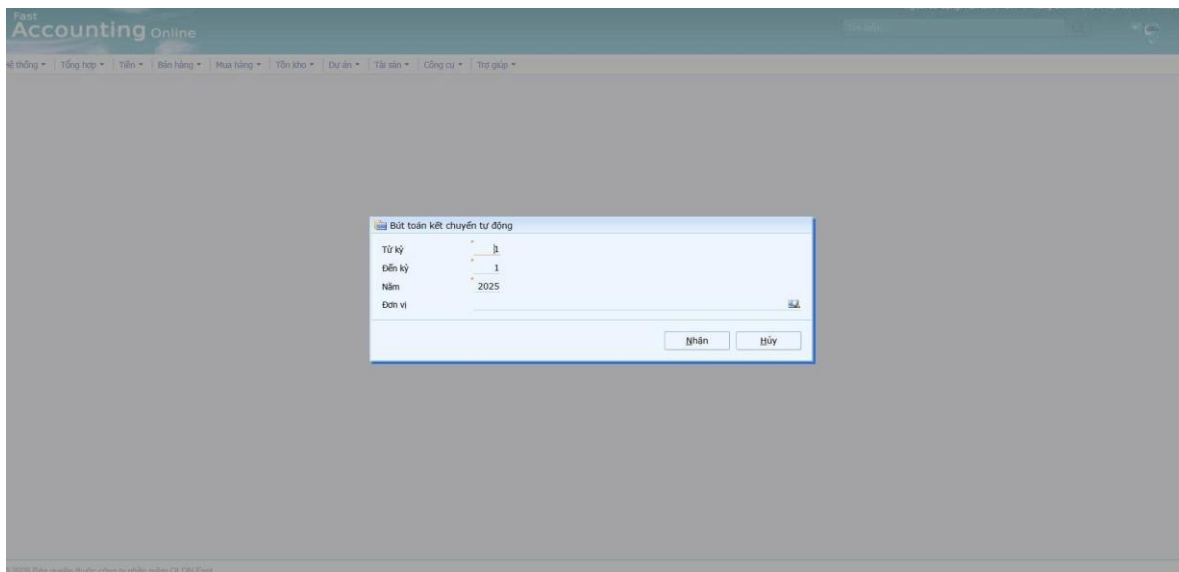
2.13.4 Quy trình ghi sổ

Cuối tháng, sau khi hoàn thành các nghiệp vụ kế toán phát sinh trong kỳ vào phần mềm kế toán thực hiện kết chuyển theo từng tháng với trình tự sau:

Bước 1: Vào **“Tổng hợp”** → **“Bút toán kết chuyển cuối kỳ”** Kích chọn **“Bút toán kết chuyển tự động”** → nhập kỳ 1 đến kỳ 1, sau đó kích chọn **“Nhận”**.



Hình 2.19 Giao diện kết chuyển tài khoản 911



Hình 2.20 Giao diện chọn kỳ kết chuyển tài khoản 911

Bước 2: Sau khi “**Nhận**” phần mềm sẽ hiển thị như bên dưới, cột “**Chọn**” (Tích chọn các mã đối tượng cần kết chuyển). Sau khi chọn được đối tượng cần kết chuyển, kế toán nhấn biểu tượng “**Kết chuyển**” trên góc trái màn hình để kết chuyển.

Chọn	Số thứ tự	Tên bút toán	Loại KC	Tài khoản nợ	Tài khoản có
☒	10	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD	✓	1 911	632
☒	11	Kết chuyển chi phí tài chính vào KQKD		1 911	635
☒	12	Kết chuyển chi phí bán hàng vào KQKD		1 911	641
☒	13	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD		1 911	642
☒	14	Kết chuyển chi phí bất thường vào KQKD		1 911	811
☒	15	Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành		1 911	8211
☒	16	Kết chuyển chiết khấu thương mại vào doanh thu: hàng		1 5111	52111
☒	17	Kết chuyển chiết khấu thương mại vào doanh thu: hàng		1 5112	52112
☒	18	Kết chuyển chiết khấu thương mại vào doanh thu: dịch		1 5113	52113
☒	19	Kết chuyển hàng bán bị trả lại vào doanh thu: hàng h		1 5111	52121
☒	20	Kết chuyển hàng bán bị trả lại vào doanh thu: thành t		1 5112	52122
☒	21	Kết chuyển hàng bán bị trả lại vào doanh thu: dịch vụ		1 5113	52123
☒	22	Kết chuyển giảm giá hàng bán vào doanh thu: hàng h		1 5111	52131
☒	23	Kết chuyển giảm giá hàng bán vào doanh thu: thành t		1 5112	52132
☒	24	Kết chuyển giảm giá hàng bán vào doanh thu: dịch vụ		1 5113	52133
☒	25	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD		2 511	911
☒	30	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD		2 515	911
☒	40	Kết chuyển thu nhập bất thường vào KQKD		2 711	911
☒	50	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ		3 911	4212

Hình 2.21 Giao diện kết chuyển tài khoản 911

Bước 3: Sau khi hoàn thành các thao tác kết chuyển trên. Phần mềm sẽ hiển thị như trên đồng thời tự động cập nhật dữ liệu vào sổ nhật ký chung, sổ cái 911 và sổ chi tiết 911.

Để mở sổ cái tài khoản 911 và xem thông tin kế toán thực hiện thao tác: Vào “**Tổng hợp**” chọn “**Sổ sách nhật ký chung**”. Sau đó, chọn sổ muốn xem tiếp theo nhập ngày tháng và tên sổ cần xem. Bấm nút “**Nhận**” để hiển thị sổ cần xem.

➤ **Sổ cái 911**

CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER Số 182 Hùng Vương, Phường Tam Kỳ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam						Mẫu số S03b-DN (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)		
SỔ CÁI CỦA MỘT TÀI KHOẢN Tài khoản: 911 - Xác định kết quả kinh doanh Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025						Số dư đầu kỳ: 0		
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Tk đối ứng	Số phát sinh	
	Số	Ngày		Trang số	Stt dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
31/01/2025	PKT	202501	31/01/2025			63211	174.086.178	
31/01/2025	PKT	202501	31/01/2025			6421	8.525.370	
31/01/2025	PKT	202501	31/01/2025			6424	6.481.705	
31/01/2025	PKT	202501	31/01/2025			6428	61.802.000	
31/01/2025	PKT	202501	31/01/2025			8211	15.212.474	
31/01/2025	PKT	202501	31/01/2025			51111		213.804.549
31/01/2025	PKT	202501	31/01/2025			51131		2.272.727
31/01/2025	PKT	202501	31/01/2025			5151		4.639
31/01/2025	PKT	202501	31/01/2025			4212		50.025.812
28/02/2025	PKT	202502	28/02/2025			63211	95.078.892	
28/02/2025	PKT	202502	28/02/2025			6351	4.500.000	
28/02/2025	PKT	202502	28/02/2025			6352	3.467.560	
28/02/2025	PKT	202502	28/02/2025			6421	1.015.099	
28/02/2025	PKT	202502	28/02/2025			6424	6.481.705	
28/02/2025	PKT	202502	28/02/2025			6428	52.947.355	
28/02/2025	PKT	202502	28/02/2025			51111		131.651.818
28/02/2025	PKT	202502	28/02/2025			51131		4.950.000
28/02/2025	PKT	202502	28/02/2025			5151		7.114
28/02/2025	PKT	202502	28/02/2025			4212		26.881.679
31/03/2025	PKT	202503	31/03/2025			63211	215.638.504	
31/03/2025	PKT	202503	31/03/2025			6421	55.719	
31/03/2025	PKT	202503	31/03/2025			6424	6.481.705	
31/03/2025	PKT	202503	31/03/2025			6428	41.266.069	

31/03/2025	PKT	202503	31/03/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911			51111		300.156.359
31/03/2025	PKT	202503	31/03/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911			51131		6.000.001
31/03/2025	PKT	202503	31/03/2025	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911			5151		5.454
31/03/2025	PKT	202503	31/03/2025	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212			4212	42.719.817	
30/04/2025	PKT	202504	30/04/2025	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632			63211	127.605.777	
30/04/2025	PKT	202504	30/04/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6424	6.481.705	
30/04/2025	PKT	202504	30/04/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6428	45.430.991	
30/04/2025	PKT	202504	30/04/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911			51111		170.849.998
30/04/2025	PKT	202504	30/04/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911			51131		16.409.089
30/04/2025	PKT	202504	30/04/2025	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911			5151		2.832
30/04/2025	PKT	202504	30/04/2025	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212			4212	7.743.446	
31/05/2025	PKT	202505	31/05/2025	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632			63211	154.921.917	
31/05/2025	PKT	202505	31/05/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6424	6.481.705	
31/05/2025	PKT	202505	31/05/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6428	44.905.845	
31/05/2025	PKT	202505	31/05/2025	Kết chuyển chi phí bất thường vào KQKD - 911, 811			8111	372.924	
31/05/2025	PKT	202505	31/05/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911			51111		207.260.908
31/05/2025	PKT	202505	31/05/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911			51131		12.860.943
31/05/2025	PKT	202505	31/05/2025	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911			5151		3.462
31/05/2025	PKT	202505	31/05/2025	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212			4212	13.442.922	
30/06/2025	PKT	202506	30/06/2025	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632			63211	72.462.866	
30/06/2025	PKT	202506	30/06/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6424	6.481.705	
30/06/2025	PKT	202506	30/06/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6428	56.231.786	
30/06/2025	PKT	202506	30/06/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911			51111		136.570.001
30/06/2025	PKT	202506	30/06/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911			51131		13.989.057
30/06/2025	PKT	202506	30/06/2025	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911			5151		11.023
30/06/2025	PKT	202506	30/06/2025	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212			4212	15.393.724	
31/07/2025	PKT	202507	31/07/2025	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632			63211	153.268.307	
31/07/2025	PKT	202507	31/07/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6424	6.481.705	
31/07/2025	PKT	202507	31/07/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6427	3.300	
31/07/2025	PKT	202507	31/07/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6428	43.060.631	
31/07/2025	PKT	202507	31/07/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911			51111		183.917.341
31/07/2025	PKT	202507	31/07/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911			51131		1.898.147
31/07/2025	PKT	202507	31/07/2025	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911			5151		4.941
31/07/2025	PKT	202507	31/07/2025	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212			4212		16.993.514
31/08/2025	PKT	202508	31/08/2025	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632			63211	91.150.787	
31/08/2025	PKT	202508	31/08/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6424	6.481.705	
31/08/2025	PKT	202508	31/08/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6427	7.788	
31/08/2025	PKT	202508	31/08/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6428	43.265.745	
31/08/2025	PKT	202508	31/08/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911			51111		152.600.392
31/08/2025	PKT	202508	31/08/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911			51131		12.814.814
31/08/2025	PKT	202508	31/08/2025	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911			5151		5.928
31/08/2025	PKT	202508	31/08/2025	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212			4212	24.515.109	
30/09/2025	PKT	202509	30/09/2025	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632			63211	218.566.800	
30/09/2025	PKT	202509	30/09/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6424	6.481.705	
30/09/2025	PKT	202509	30/09/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6428	49.156.040	
30/09/2025	PKT	202509	30/09/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911			51111		268.844.257
30/09/2025	PKT	202509	30/09/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911			51131		17.226.853
30/09/2025	PKT	202509	30/09/2025	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911			5151		7.908
30/09/2025	PKT	202509	30/09/2025	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212			4212	11.874.473	
31/10/2025	PKT	202510	31/10/2025	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632			63211	112.723.127	
31/10/2025	PKT	202510	31/10/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6424	6.481.705	
31/10/2025	PKT	202510	31/10/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6428	42.276.449	
31/10/2025	PKT	202510	31/10/2025	Kết chuyển chi phí bất thường vào KQKD - 911, 811			8111	206.225	
31/10/2025	PKT	202510	31/10/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911			51111		137.302.693
31/10/2025	PKT	202510	31/10/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911			51131		416.667
31/10/2025	PKT	202510	31/10/2025	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911			5151		8.041
31/10/2025	PKT	202510	31/10/2025	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212			4212		23.960.105
30/11/2025	PKT	202511	30/11/2025	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632			63211	119.489.293	
30/11/2025	PKT	202511	30/11/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6424	6.481.705	
30/11/2025	PKT	202511	30/11/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6427	462.963	
30/11/2025	PKT	202511	30/11/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6428	48.522.776	
30/11/2025	PKT	202511	30/11/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911			51111		161.806.820
30/11/2025	PKT	202511	30/11/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911			51131		5.231.481
30/11/2025	PKT	202511	30/11/2025	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911			5151		2.240
30/11/2025	PKT	202511	30/11/2025	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212			4212		7.916.196
31/12/2025	PKT	202512	31/12/2025	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632			63211	234.964.914	
31/12/2025	PKT	202512	31/12/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6424	6.481.705	
31/12/2025	PKT	202512	31/12/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6428	43.729.409	
31/12/2025	PKT	202512	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911			51111		322.584.446
31/12/2025	PKT	202512	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911			51131		19.488.889
31/12/2025	PKT	202512	31/12/2025	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911			5151		6.461
31/12/2025	PKT	202512	31/12/2025	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212			4212	56.903.768	

Số này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang	Tổng phát sinh nợ:	2.626.755.599
Ngày mở sổ: 17/04/2026	Tổng phát sinh có:	2.626.755.599
	Số dư cuối kỳ:	0

❖ **SỔ chi tiết 911**

CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPU					Mẫu số S38-DN				
Số 182 Hùng Vương, Phường Tam Kỳ, Thành ị					(Ban hành theo Thông tư số				
					133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016				
					của Bộ Tài Chính)				
SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN									
Tài khoản: 911 - Xác định kết quả kinh doanh									
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025									
Số dư nợ đầu kỳ:								0	
Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Số phát sinh		Số dư		
	Ngày	Số			Nợ	Có	Nợ	Có	
31/01/2025	31/01/2025	PKT 202501	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632	63211	174.086.178		174.086.178		
31/01/2025	31/01/2025	PKT 202501	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6421	8.525.370		182.611.548		
31/01/2025	31/01/2025	PKT 202501	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6424	6.481.705		189.093.253		
31/01/2025	31/01/2025	PKT 202501	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6428	61.802.000		250.895.253		
31/01/2025	31/01/2025	PKT 202501	Kết chuyển chi phí thuế TNDN hiện hành - 911, 821	8211	15.212.474		266.107.727		
31/01/2025	31/01/2025	PKT 202501	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51111		213.804.549	52.303.178		
31/01/2025	31/01/2025	PKT 202501	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51131		2.272.727	50.030.451		
31/01/2025	31/01/2025	PKT 202501	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911	5151		4.639	50.025.812		
31/01/2025	31/01/2025	PKT 202501	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212	4212		50.025.812			
28/02/2025	28/02/2025	PKT 202502	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632	63211	95.078.892		95.078.892		
28/02/2025	28/02/2025	PKT 202502	Kết chuyển chi phí tài chính vào KQKD - 911, 635	6351	4.500.000		99.578.892		
28/02/2025	28/02/2025	PKT 202502	Kết chuyển chi phí tài chính vào KQKD - 911, 635	6352	3.467.560		103.046.452		
28/02/2025	28/02/2025	PKT 202502	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6421	1.015.099		104.061.551		
28/02/2025	28/02/2025	PKT 202502	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6424	6.481.705		110.543.256		
28/02/2025	28/02/2025	PKT 202502	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6428	52.947.355		163.490.611		
28/02/2025	28/02/2025	PKT 202502	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51111		131.651.818	31.838.793		
28/02/2025	28/02/2025	PKT 202502	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51131		4.950.000	26.888.793		
28/02/2025	28/02/2025	PKT 202502	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911	5151		7.114	26.881.679		
28/02/2025	28/02/2025	PKT 202502	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212	4212		26.881.679			
31/03/2025	31/03/2025	PKT 202503	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632	63211	215.638.504		215.638.504		
31/03/2025	31/03/2025	PKT 202503	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6421	55.719		215.694.223		
31/03/2025	31/03/2025	PKT 202503	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6424	6.481.705		222.175.928		
31/03/2025	31/03/2025	PKT 202503	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6428	41.266.069		263.441.997		
31/03/2025	31/03/2025	PKT 202503	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51111		300.156.359	36.714.362		
31/03/2025	31/03/2025	PKT 202503	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51131		6.000.001	42.714.363		
31/03/2025	31/03/2025	PKT 202503	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911	5151		5.454	42.719.817		
31/03/2025	31/03/2025	PKT 202503	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212	4212	42.719.817				
30/04/2025	30/04/2025	PKT 202504	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632	63211	127.605.777		127.605.777		
30/04/2025	30/04/2025	PKT 202504	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6424	6.481.705		134.087.482		
30/04/2025	30/04/2025	PKT 202504	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6428	45.430.991		179.518.473		
30/04/2025	30/04/2025	PKT 202504	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51111		170.849.998	8.668.475		
30/04/2025	30/04/2025	PKT 202504	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51131		16.409.089	7.740.614		
30/04/2025	30/04/2025	PKT 202504	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911	5151		2.832	7.743.446		
30/04/2025	30/04/2025	PKT 202504	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212	4212	7.743.446				
31/05/2025	31/05/2025	PKT 202505	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632	63211	154.921.917		154.921.917		
31/05/2025	31/05/2025	PKT 202505	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6424	6.481.705		161.403.622		
31/05/2025	31/05/2025	PKT 202505	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6428	44.905.845		206.309.467		
31/05/2025	31/05/2025	PKT 202505	Kết chuyển chi phí bất thường vào KQKD - 911, 811	8111	372.924		206.682.391		
31/05/2025	31/05/2025	PKT 202505	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51111		207.260.908	578.517		
31/05/2025	31/05/2025	PKT 202505	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51131		12.860.943	13.439.460		
31/05/2025	31/05/2025	PKT 202505	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911	5151		3.462	13.442.922		
31/05/2025	31/05/2025	PKT 202505	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212	4212	13.442.922				
30/06/2025	30/06/2025	PKT 202506	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632	63211	72.462.866		72.462.866		
30/06/2025	30/06/2025	PKT 202506	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6424	6.481.705		78.944.571		
30/06/2025	30/06/2025	PKT 202506	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6428	56.231.786		135.176.357		
30/06/2025	30/06/2025	PKT 202506	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51111		136.570.001	1.393.644		
30/06/2025	30/06/2025	PKT 202506	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51131		13.989.057	15.382.701		
30/06/2025	30/06/2025	PKT 202506	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911	5151		11.023	15.393.724		
30/06/2025	30/06/2025	PKT 202506	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212	4212	15.393.724				
31/07/2025	31/07/2025	PKT 202507	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632	63211	153.268.307		153.268.307		
31/07/2025	31/07/2025	PKT 202507	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6424	6.481.705		159.750.012		
31/07/2025	31/07/2025	PKT 202507	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6427	3.300		159.753.312		
31/07/2025	31/07/2025	PKT 202507	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6428	43.060.631		202.813.943		
31/07/2025	31/07/2025	PKT 202507	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51111		183.917.341	18.896.602		
31/07/2025	31/07/2025	PKT 202507	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51131		1.898.147	16.998.455		
31/07/2025	31/07/2025	PKT 202507	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911	5151		4.941	16.993.514		
31/07/2025	31/07/2025	PKT 202507	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212	4212		16.993.514			
31/08/2025	31/08/2025	PKT 202508	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632	63211	91.150.787		91.150.787		
31/08/2025	31/08/2025	PKT 202508	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6424	6.481.705		97.632.492		
31/08/2025	31/08/2025	PKT 202508	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6427	7.788		97.640.280		
31/08/2025	31/08/2025	PKT 202508	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6428	43.265.745		140.906.025		

31/08/2025	31/08/2025	PKT	202508	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51111		152.600.392		11.694.367
31/08/2025	31/08/2025	PKT	202508	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51131		12.814.814		24.509.181
31/08/2025	31/08/2025	PKT	202508	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911	5151		5.928		24.515.109
31/08/2025	31/08/2025	PKT	202508	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212	4212	24.515.109			
30/09/2025	30/09/2025	PKT	202509	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632	63211	218.566.800		218.566.800	
30/09/2025	30/09/2025	PKT	202509	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6424	6.481.705		225.048.505	
30/09/2025	30/09/2025	PKT	202509	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6428	49.156.040		274.204.545	
30/09/2025	30/09/2025	PKT	202509	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51111		268.844.257	5.360.288	
30/09/2025	30/09/2025	PKT	202509	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51131		17.226.853		11.866.565
30/09/2025	30/09/2025	PKT	202509	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911	5151		7.908		11.874.473
30/09/2025	30/09/2025	PKT	202509	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212	4212	11.874.473			
31/10/2025	31/10/2025	PKT	202510	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632	63211	112.723.127		112.723.127	
31/10/2025	31/10/2025	PKT	202510	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6424	6.481.705		119.204.832	
31/10/2025	31/10/2025	PKT	202510	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6428	42.276.449		161.481.281	
31/10/2025	31/10/2025	PKT	202510	Kết chuyển chi phí bất thường vào KQKD - 911, 811	8111	206.225		161.687.506	
31/10/2025	31/10/2025	PKT	202510	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51111		137.302.693	24.384.813	
31/10/2025	31/10/2025	PKT	202510	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51131		416.667	23.968.146	
31/10/2025	31/10/2025	PKT	202510	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911	5151		8.041	23.960.105	
31/10/2025	31/10/2025	PKT	202510	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212	4212		23.960.105		
30/11/2025	30/11/2025	PKT	202511	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632	63211	119.489.293		119.489.293	
30/11/2025	30/11/2025	PKT	202511	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6424	6.481.705		125.970.998	
30/11/2025	30/11/2025	PKT	202511	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6427	462.963		126.433.961	
30/11/2025	30/11/2025	PKT	202511	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6428	48.522.776		174.956.737	
30/11/2025	30/11/2025	PKT	202511	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51111		161.806.820	13.149.917	
30/11/2025	30/11/2025	PKT	202511	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51131		5.231.481	7.918.436	
30/11/2025	30/11/2025	PKT	202511	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911	5151		2.240	7.916.196	
30/11/2025	30/11/2025	PKT	202511	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212	4212		7.916.196		
31/12/2025	31/12/2025	PKT	202512	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632	63211	234.964.914		234.964.914	
31/12/2025	31/12/2025	PKT	202512	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6424	6.481.705		241.446.619	
31/12/2025	31/12/2025	PKT	202512	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6428	43.729.409		285.176.028	
31/12/2025	31/12/2025	PKT	202512	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51111		322.584.446		37.408.418
31/12/2025	31/12/2025	PKT	202512	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51131		19.488.889		56.897.307
31/12/2025	31/12/2025	PKT	202512	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911	5151		6.461		56.903.768
31/12/2025	31/12/2025	PKT	202512	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212	4212	56.903.768			
				Tổng cộng		2.626.755.599	2.626.755.599	0	0

➤ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

PHỤ LỤC

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2025

[02] Tên người nộp thuế: CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER

[03] Mã số thuế: 4001263697

Mẫu số: B02 - DNN
(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.500.908.250	4.469.697.367
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		2.500.908.250	4.469.697.367
4. Giá vốn hàng bán	11		1.769.957.362	3.393.267.824
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		730.950.888	1.076.429.543
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		70.043	61.316
7. Chi phí tài chính	22		7.967.560	26.761.509
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.967.560	26.761.509
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		660.445.795	971.176.923
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		62.607.576	78.552.427
10. Thu nhập khác	31		0	0
11. Chi phí khác	32		579.149	33.023
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		(579.149)	(33.023)
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		62.028.427	78.519.404
14. Chi phí thuế TNDN	51		15.212.474	2.457.032
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		46.815.953	76.062.372

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, Ghi rõ họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, Ghi rõ họ tên)

Lập ngày 25 tháng 03 năm 2026
NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT
(Ký, Ghi rõ họ tên, Đóng dấu)
 Nguyễn Phước Ninh

Ký điện tử bởi: CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER
Ngày ký: 29/03/2026 17:12:43

CHƯƠNG 3: NHẬN XÉT VÀ MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER

3.1 Đánh giá thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer

3.1.1 Ưu điểm

❖ Tổ chức bộ máy kế toán

Về tổ chức bộ máy kế toán, mặc dù số lượng nhân sự kế toán không nhiều nhưng nhiệm vụ của từng vị trí được phân công tương đối rõ ràng giữa kế toán viên và kế toán tổng hợp. Sự phối hợp giữa các phần hành kế toán diễn ra nhịp nhàng, góp phần đảm bảo việc ghi nhận và phản ánh đầy đủ các nghiệp vụ kinh tế phát sinh nhưng vẫn còn một vài sai sót.

❖ Về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Về công tác kế toán doanh thu: Tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng và cung cấp dịch vụ đều được kế toán ghi nhận một cách chính xác, kịp thời và đầy đủ bên cạnh đó vẫn còn một số thiếu sót.

- Về công tác kế toán chi phí: Các chi phí phát sinh trong kỳ đều được ghi nhận đầy đủ, kịp thời và đúng quy định nhằm phản ánh chính xác kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp..

- Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh: Công ty đã thu thập và xử lý thông tin tài chính một cách cẩn thận và kỹ lưỡng, đảm bảo được các dữ liệu sử dụng là chính xác và đầy đủ. Kết quả kinh doanh được báo cáo một cách đầy đủ thông qua các báo cáo tài chính.

3.1.2 Nhược điểm

❖ Về kế toán giá vốn

Công ty không theo dõi chi phí giá vốn dịch vụ trên TK 632

❖ Về công tác kế toán

Việc sử dụng và hạch toán một số tài khoản các nghiệp vụ phát sinh còn chưa hợp lý hay cách diễn giải nội dung chưa rõ ràng làm ảnh hưởng đến nội dung các báo cáo tài chính. Cụ thể như sau:

- Nghiệp vụ ngày 10 tháng 11 năm 2025, Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer xuất bán cho Công ty Cổ phần Cơ khí Công nghiệp Trường Phú trống máy in brother HL_2300/2360 với số lượng 1 cái và Sửa dây cao áp với số lượng 1 cái. Đơn giá là 231.481 đồng và 138.889 đồng (đơn giá chưa thuế). Kế toán đã hạch toán cả nghiệp vụ sửa chữa dây cao áp vào TK 5111 là chưa

hợp lý. Theo thông tư 133, TK 5111 dùng để phản ánh các nghiệp vụ liên quan đến doanh thu bán hàng hóa nhưng sửa đây cao áp là doanh thu cung cấp dịch vụ nên kế toán đưa vào TK 5111 là không hợp lý nên đưa vào 5113.

- Nghiệp vụ vào ngày 03 tháng 02 năm 2025, công ty được nhận thông báo thanh toán tiền lãi vay mua xe, kế toán hạch toán vào TK 635 nhưng kế toán lại diễn giải trong sổ là thanh toán tiền lãi và gốc vay xe nếu theo như cách diễn giải thì sẽ hạch toán vào hai TK 635 và TK 341.
- Nghiệp vụ ngày 28 tháng 11 năm 2025, Công ty thanh toán tiền thuê văn phòng tháng 11 năm 2025 là 7.000.000 đồng. Nhưng theo trong hợp đồng thuê văn phòng với giá thuê chỉ có 6.000.000 đồng và phương thức thanh toán theo 3 tháng/lần số tiền là 18.000.000 đồng nhưng kế toán lại hạch toán theo từng tháng.
- Nghiệp vụ ngày 28 tháng 11 năm 2025, kế toán đã tiến hành hạch toán lương và các khoản trích theo lương nhưng để tránh gian lận, giảm sai sót khi hạch toán lương thì kế toán nên thực hiện ghi nhận lương và các khoản trích theo lương vào ngày cuối của tháng 11.
- Nghiệp vụ ngày 2 tháng 1 năm 2025, kế toán đã hạch toán định khoản thuế TNDN 2024 vào TK 821 năm 2025 như thế là không đúng. Định khoản thuế TNDN năm 2024 thì kế toán phải hạch toán vào năm 2024 không đưa bút toán này vào năm 2025.

3.2 Một số ý kiến, đề xuất nhằm hoàn thiện kế toán doanh thu, chi phí xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer

Qua thời gian thực tập tìm hiểu thực tế công tác tại Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer, em thấy công tác kế toán của công ty về cơ bản đã tuân thủ đúng thủ tục kế toán theo quy định của Nhà nước và Bộ tài chính ban hành và phù hợp với tình hình kinh doanh của công ty. Tuy nhiên, công ty vẫn còn những hạn chế và thiếu sót. Em xin đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

1. Về công tác kế toán:

Kế toán giá vốn: Kế toán nên theo dõi chi phí giá vốn dịch vụ trên TK 632.

Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ: Doanh thu cung cấp dịch vụ kế toán nên đưa vào TK 5113 thay vì đưa vào 5111 là không đúng theo cơ sở lý luận.

Kế toán chi phí tài chính: Kế toán nên thay đổi lại cách diễn giải phù hợp với nội dung thông báo nộp lãi từ ngân hàng đã gửi để tránh nhầm lẫn. Cách diễn giải như bên dưới:

❖ Sổ cái 635

CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER
Số 182 Hùng Vương, Phường Tam Kỳ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016
của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI CỦA MỘT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 635 - Chi phí tài chính
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Số dư đầu kỳ: 0

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Tk đối ứng	Số phát sinh	
	Số	Ngày		Trang sổ	Stt đóng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
03/02/2025	BN BN02/0001	03/02/2025	Thanh toán tiền lãi vay mua xe			11212	2.735.229	
04/02/2025	BN BN02/0003	04/02/2025	Thanh toán tiền lãi vay mua xe			11212	347.058	
08/02/2025	BN BN02/0004	08/02/2025	Thanh toán tiền lãi vay mua xe			11212	385.273	
08/02/2025	BN BN02/0004	08/02/2025	Thanh toán tiền lãi vay mua xe			11212	4.500.000	
28/02/2025	PKT 202502	28/02/2025	Kết chuyển chi phí tài chính vào KQKD - 911, 635			911		4.500.000
28/02/2025	PKT 202502	28/02/2025	Kết chuyển chi phí tài chính vào KQKD - 911, 635			911		3.467.560

Sổ này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang
Ngày mở sổ: 17/04/2026

Tổng phát sinh nợ: 7.967.560
Tổng phát sinh có: 7.967.560
Số dư cuối kỳ: 0

Ngày.....tháng.....năm.....
GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên, đóng dấu)

NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

❖ Sổ chi tiết 635

CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER
Số 182 Hùng Vương, Phường Tam Kỳ, Thành phố

Mẫu số S38-DN
(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016
của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 635 - Chi phí tài chính
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Số dư nợ đầu kỳ: 0

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Ngày	Số			Nợ	Có	Nợ	Có
03/02/2025	03/02/2025	BN BN02/0001	Thanh toán tiền lãi vay mua xe	11212	2.735.229		2.735.229	
04/02/2025	04/02/2025	BN BN02/0003	Thanh toán tiền lãi vay mua xe	11212	347.058		3.082.287	
08/02/2025	08/02/2025	BN BN02/0004	Thanh toán tiền lãi vay mua xe	11212	385.273		3.467.560	
08/02/2025	08/02/2025	BN BN02/0004	Thanh toán tiền lãi vay mua xe	11212	4.500.000		7.967.560	
28/02/2025	28/02/2025	PKT 202502	Kết chuyển chi phí tài chính vào KQKD - 911, 635	911		4.500.000	3.467.560	
28/02/2025	28/02/2025	PKT 202502	Kết chuyển chi phí tài chính vào KQKD - 911, 635	911		3.467.560		
Tổng cộng					7.967.560	7.967.560	0	0

Sổ này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...
Ngày mở sổ:

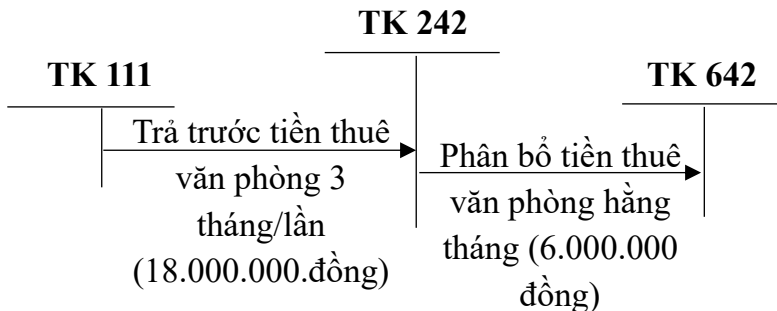
Ngày.....tháng.....năm.....
GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên, đóng dấu)

NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Kế toán chi phí quản lý kinh doanh:

+ Thanh toán tiền thuê văn phòng tháng 11: Dựa trên hợp đồng đã ký, kế toán nên thực hiện như sau:



+ Lương và các khoản trích theo lương: Kế toán nên thực hiện vào ngày cuối tháng để đảm bảo không bị sai sót.

Kế toán chi phí thuế TNDN

Theo kế toán thuế TNDN, năm 2025 doanh nghiệp được miễn thuế nên chi phí thuế TNDN là 0 đồng. Nhưng trên sổ nhật ký chung, sổ cái 821, 911, sổ chi tiết 821, 911 và Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh chi tiêu [14] chi phí thuế TNDN, kế toán lại hạch toán thuế TNDN của năm 2024 vào với số tiền là 15.212.474 đồng. Để giống như lý thuyết đã học, thuế TNDN năm 2024 thì nên hạch toán vào năm 2024, nên ta cần điều chỉnh lại của năm 2025 như sau:

❖ **Sổ nhật ký chung**

CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER Số 182 Hùng Vương, Phường Tam Kỳ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam						Mẫu số S03a-DN (Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài Chính)		
SỔ NHẬT KÝ CHUNG								
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025								
Đơn vị tính: VND								
Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi sổ cái	Stt đồng	Số hiệu tk đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	Ngày tháng					Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
01/01/2025	PT	PT01/0001	01/01/2025	Rút tiền gửi nhập quỹ - CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER			30.000.000	30.000.000
			Tiền Việt Nam	✓		1111	30.000.000	
			Tiền Việt Nam - Ngân hàng Vietinbank	✓		11212		30.000.000
01/01/2025	PKT	111	01/01/2025	Hạch toán thuế môn bài 2025 - CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER			2.000.000	2.000.000
			Chi phí bằng tiền khác	✓		6428	2.000.000	
			Các khoản phải nộp khác	✓		33398		2.000.000
...	...	...	...			...	...	...
31/01/2025	BC	BC01/0027	31/01/2025	Lãi tiền gửi - Ngân hàng Vietinbank - CN Quảng Nam			4.029	4.029
			Tiền Việt Nam - Ngân hàng Vietinbank	✓		11212	4.029	
			Lãi tiền cho vay, tiền gửi	✓		5151		4.029
...	...	...	...			...	...	...
03/02/2025	BN	BN02/0001	03/02/2025	Thanh toán tiền lãi vay mua xe - Ngân hàng Vietinbank - CN Quảng Nam			2.735.229	2.735.229
			Chi phí lãi vay	✓		6352	2.735.229	
			Tiền Việt Nam - Ngân hàng Vietinbank	✓		11212		2.735.229
...	...	...	...			...	...	...
06/03/2025	HD	64	06/03/2025	Sửa chữa main laptop - UBND XÃ TIỀN LẬP			2.150.000	2.150.000
			Phải thu ngắn hạn khách hàng: HD SXKD (VND)	✓		131111	1.545.455	
			Doanh thu cung cấp dịch vụ: bên ngoài	✓		51131		1.545.455
			Phải thu ngắn hạn khách hàng: HD SXKD (VND)	✓		131111	409.091	
			Doanh thu cung cấp dịch vụ: bên ngoài	✓		51131		409.091
			Phải thu ngắn hạn khách hàng: HD SXKD (VND)	✓		131111	195.454	
			Thuế GTGT phải nộp hàng trong nước: HD SXKD	✓		333111		195.454
...	...	...	...			...	...	...

11/03/2025	HD	72	11/03/2025	Bán hàng - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ CHU LAI TRƯỜNG HẢI				33.574.545	33.574.545
				Giá vốn hàng bán: hàng hoá	✓	63211	14.954.545		
				Giá mua hàng hóa	✓	1561		14.954.545	
				Phải thu ngắn hạn khách hàng: HD SXKD (VND)	✓	131111	16.927.273		
				Doanh thu bán hàng hóa: bên ngoài	✓	51111		16.927.273	
				Phải thu ngắn hạn khách hàng: HD SXKD (VND)	✓	131111	1.692.727		
				Thuế GTGT phải nộp hàng trong nước: HD SXKD	✓	333111		1.692.727	
...	...	...	...	...		...	...	...	...
01/05/2025	PKT	112	01/05/2025	Hoạch toán tiền thuế nộp chậm - CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER				372.924	372.924
				Chi phí khác: bồi thường, bị phạt và CP khác	✓	8111	372.924		
				Các khoản phải nộp khác	✓	33398		372.924	
...	...	...	...	...		...	...	...	...
29/07/2025	HD	236	29/07/2025	Bán hàng - CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ CHU LAI				47.705.556	47.705.556
				Giá vốn hàng bán: hàng hoá	✓	63211	22.305.556		
				Giá mua hàng hóa	✓	1561		22.305.556	
				Phải thu ngắn hạn khách hàng: HD SXKD (VND)	✓	131111	23.518.519		
				Doanh thu bán hàng hóa: bên ngoài	✓	51111		23.518.519	
				Phải thu ngắn hạn khách hàng: HD SXKD (VND)	✓	131111	1.881.481		
				Thuế GTGT phải nộp hàng trong nước: HD SXKD	✓	333111		1.881.481	
...	...	...	...	...		...	...	...	...
10/11/2025	HD	347	10/11/2025	Bán hàng - CÔNG TY CỔ PHẦN CƠ KHÍ CÔNG NGHIỆP TRƯỜNG PHÚ				456.818	456.818
				Giá vốn hàng bán: hàng hoá	✓	63211	56.818		
				Giá mua hàng hóa	✓	1561		56.818	
				Phải thu ngắn hạn khách hàng: HD SXKD (VND)	✓	131111	370.370		
				Doanh thu bán hàng hóa: bên ngoài	✓	51111		370.370	
				Phải thu ngắn hạn khách hàng: HD SXKD (VND)	✓	131111	29.630		
				Thuế GTGT phải nộp hàng trong nước: HD SXKD	✓	333111		29.630	
...	...	...	...	...		...	...	...	...
28/11/2025	BN	BN11/0018	28/11/2025	Thanh toán tiền bảo dưỡng xe - CÔNG TY TNHH Ô TÔ NAM SÔNG THU				4.863.288	4.863.288
				Chi phí bằng tiền khác	✓	6428	4.503.045		
				Tiền Việt Nam - Ngân hàng Vietinbank	✓	11212		4.503.045	
				Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá dịch vụ: HD SXKD	✓	133111	360.243		
				Tiền Việt Nam - Ngân hàng Vietinbank	✓	11212		360.243	
...	...	...	...	...		...	...	...	...
28/11/2025	PC	PC11/0006	28/11/2025	Thanh toán tiền xăng đi giao hàng - CHI NHÁNH PETROLIMEX QUẢNG NAM - CÔNG TY TNHH MTV PETROLIMEX ĐÀ NẴNG				500.000	500.000
				Chi phí dịch vụ mua ngoài	✓	6427	462.963		
				Tiền Việt Nam	✓	1111		462.963	
				Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá dịch vụ: HD SXKD	✓	133111	37.037		
				Tiền Việt Nam	✓	1111		37.037	
...	...	...	...	...		...	...	...	...
28/11/2025	PC	PC11/0009	28/11/2025	Thanh toán tiền thuê văn phòng tháng 11.2025 - CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER				7.000.000	7.000.000
				Chi phí bằng tiền khác	✓	6428	7.000.000		
				Tiền Việt Nam	✓	1111		7.000.000	
...	...	...	...	...		...	...	...	...
28/11/2025	PKT	124	28/11/2025	Hoạch toán lương tháng 11 - CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER				33.000.000	33.000.000
				Chi phí bằng tiền khác	✓	6428	33.000.000		
				Phải trả công nhân viên	✓	3341		33.000.000	
...	...	...	...	...		...	...	...	...
29/11/2025	PKT	99	29/11/2025	Phiếu hạch toán các khoản trích BHXH trừ vào chi phí doanh nghiệp - CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER				3.199.200	3.199.200
				Chi phí bằng tiền khác	✓	6428	2.604.000		
				Bảo hiểm xã hội	✓	3383		2.604.000	
				Chi phí bằng tiền khác	✓	6428	446.400		
				Bảo hiểm y tế	✓	3384		446.400	
				Chi phí bằng tiền khác	✓	6428	148.800		
				Bảo hiểm thất nghiệp	✓	3386		148.800	
...	...	...	...	...		...	...	...	...
30/11/2025	PC	PC11/0010	30/11/2025	Thanh toán phí dịch vụ trên vimo - CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ VIMO				297.000	297.000
				Chi phí bằng tiền khác	✓	6428	270.000		
				Tiền Việt Nam	✓	1111		270.000	
				Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá dịch vụ: HD SXKD	✓	133111	27.000		
				Tiền Việt Nam	✓	1111		27.000	
30/11/2025	PKT	202511	30/11/2025	Bút toán phân bổ khấu hao TSCĐ				6.481.705	6.481.705
				Chi phí khấu hao TSCĐ	✓	6424	6.481.705		
				Hao mòn phương tiện vận tải	✓	21413		6.481.705	
...	...	...	...	...		...	...	...	...

31/12/2025	PKT	125	31/12/2025	Hoạch toán lương tháng 12 - CÔNG TY TNHH NGUYEN NINH COMPUTER					33.000.000	33.000.000
				Chi phí bằng tiền khác	✓	6428		33.000.000		
				Phải trả công nhân viên	✓	3341			33.000.000	
31/12/2025	PKT	202512	31/12/2025	Bút toán phân bổ khấu hao TSCĐ				6.481.705	6.481.705	
				Chi phí khấu hao TSCĐ	✓	6424		6.481.705		
				Hao mòn phương tiện vận tải	✓	21413			6.481.705	
31/12/2025	PKT	202512	31/12/2025	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632				234.964.914	234.964.914	
				Xác định kết quả kinh doanh	✓	911		234.964.914		
				Giá vốn hàng bán: hàng hoá	✓	63211			234.964.914	
31/12/2025	PKT	202512	31/12/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642				50.211.114	50.211.114	
				Xác định kết quả kinh doanh	✓	911		6.481.705		
				Chi phí khấu hao TSCĐ	✓	6424			6.481.705	
				Xác định kết quả kinh doanh	✓	911		43.729.409		
				Chi phí bằng tiền khác	✓	6428			43.729.409	
31/12/2025	PKT	202512	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911				342.073.335	342.073.335	
				Doanh thu bán hàng hóa: bên ngoài	✓	51111		322.584.446		
				Xác định kết quả kinh doanh	✓	911			322.584.446	
				Doanh thu cung cấp dịch vụ: bên ngoài	✓	51131		19.488.889		
				Xác định kết quả kinh doanh	✓	911			19.488.889	
31/12/2025	PKT	202512	31/12/2025	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911				6.461	6.461	
				Lãi tiền cho vay, tiền gửi	✓	5151		6.461		
				Xác định kết quả kinh doanh	✓	911			6.461	
31/12/2025	PKT	202512	31/12/2025	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212				56.903.768	56.903.768	
				Xác định kết quả kinh doanh	✓	911		56.903.768		
				Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	✓	4212			56.903.768	
Tổng cộng								23.000.323.401	23.000.323.401	

Số này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

Ngày mở sổ: 17/04/2026

NGƯỜI GHI SỔ

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)

❖ Sổ cái 821

CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER

Số 182 Hùng Vương, Phường Tam Kỳ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số S03b-DN

(Ban hành theo Thông tư số

133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016

của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI CỦA MỘT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Số dư đầu kỳ: 0

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Tk đối ứng	Số phát sinh	
	Số	Ngày		Trang số	Stt dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2

Tổng phát sinh nợ: 0

Số này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

Tổng phát sinh có: 0

Ngày mở sổ: #####

Số dư cuối kỳ: 0

NGƯỜI GHI SỔ

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)

❖ Sổ chi tiết 821

CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTE

Số 182 Hùng Vương, Phường Tam Kỳ, Thành ph

Mẫu số S38-DN

(Ban hành theo Thông tư số

133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016

của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 821 - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Số dư nợ đầu kỳ: 0

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Ngày	Số			Nợ	Có	Nợ	Có
Tổng cộng				0	0	0	0	

Số này có ... trang, đánh số từ trang số 01 đến trang ...

Ngày mở sổ:

NGƯỜI GHI SỔ

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)

❖ **Sổ cái 911**

CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER
Số 182 Hùng Vương, Phường Tam Kỳ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số S03b-DN
(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016
của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI CỦA MỘT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 911 - Xác định kết quả kinh doanh
Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Số dư đầu kỳ: 0

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Nhật ký chung		Tk đối ứng	Số phát sinh	
	Số	Ngày		Trang số	Stt dòng		Nợ	Có
A	B	C	D	E	G	H	1	2
31/01/2025	PKT 202501	31/01/2025	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632			63211	174.086.178	
31/01/2025	PKT 202501	31/01/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6421	8.525.370	
31/01/2025	PKT 202501	31/01/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6424	6.481.705	
31/01/2025	PKT 202501	31/01/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6428	61.802.000	
31/01/2025	PKT 202501	31/01/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911			51111		213.804.549
31/01/2025	PKT 202501	31/01/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911			51131		2.272.727
31/01/2025	PKT 202501	31/01/2025	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911			5151		4.639
31/01/2025	PKT 202501	31/01/2025	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212			4212		34.813.338
28/02/2025	PKT 202502	28/02/2025	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632			63211	95.078.892	
28/02/2025	PKT 202502	28/02/2025	Kết chuyển chi phí tài chính vào KQKD - 911, 635			6351	4.500.000	
28/02/2025	PKT 202502	28/02/2025	Kết chuyển chi phí tài chính vào KQKD - 911, 635			6352	3.467.560	
28/02/2025	PKT 202502	28/02/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6421	1.015.099	
28/02/2025	PKT 202502	28/02/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6424	6.481.705	
28/02/2025	PKT 202502	28/02/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6428	52.947.355	
28/02/2025	PKT 202502	28/02/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911			51111		131.651.818
28/02/2025	PKT 202502	28/02/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911			51131		4.950.000
28/02/2025	PKT 202502	28/02/2025	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911			5151		7.114
28/02/2025	PKT 202502	28/02/2025	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212			4212		26.881.679
31/03/2025	PKT 202503	31/03/2025	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632			63211	215.638.504	
31/03/2025	PKT 202503	31/03/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6421	55.719	
31/03/2025	PKT 202503	31/03/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6424	6.481.705	
31/03/2025	PKT 202503	31/03/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6428	41.266.069	
31/03/2025	PKT 202503	31/03/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911			51111		300.156.359
31/03/2025	PKT 202503	31/03/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911			51131		6.000.001
31/03/2025	PKT 202503	31/03/2025	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911			5151		5.454
31/03/2025	PKT 202503	31/03/2025	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212			4212	42.719.817	
30/04/2025	PKT 202504	30/04/2025	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632			63211	127.605.777	
30/04/2025	PKT 202504	30/04/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6424	6.481.705	
30/04/2025	PKT 202504	30/04/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6428	45.430.991	
30/04/2025	PKT 202504	30/04/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911			51111		170.849.998
30/04/2025	PKT 202504	30/04/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911			51131		16.409.089
30/04/2025	PKT 202504	30/04/2025	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911			5151		2.832
30/04/2025	PKT 202504	30/04/2025	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212			4212	7.743.446	
31/05/2025	PKT 202505	31/05/2025	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632			63211	154.921.917	
31/05/2025	PKT 202505	31/05/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6424	6.481.705	
31/05/2025	PKT 202505	31/05/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6428	44.905.845	
31/05/2025	PKT 202505	31/05/2025	Kết chuyển chi phí bất thường vào KQKD - 911, 811			8111	372.924	
31/05/2025	PKT 202505	31/05/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911			51111		207.260.908
31/05/2025	PKT 202505	31/05/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911			51131		12.860.943
31/05/2025	PKT 202505	31/05/2025	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911			5151		3.462
31/05/2025	PKT 202505	31/05/2025	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212			4212	13.442.922	
30/06/2025	PKT 202506	30/06/2025	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632			63211	72.462.866	
30/06/2025	PKT 202506	30/06/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6424	6.481.705	
30/06/2025	PKT 202506	30/06/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6428	56.231.786	
30/06/2025	PKT 202506	30/06/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911			51111		136.570.001
30/06/2025	PKT 202506	30/06/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911			51131		13.989.057
30/06/2025	PKT 202506	30/06/2025	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911			5151		11.023
30/06/2025	PKT 202506	30/06/2025	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212			4212	15.393.724	
31/07/2025	PKT 202507	31/07/2025	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632			63211	153.268.307	
31/07/2025	PKT 202507	31/07/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6424	6.481.705	
31/07/2025	PKT 202507	31/07/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6427	3.300	
31/07/2025	PKT 202507	31/07/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6428	43.060.631	
31/07/2025	PKT 202507	31/07/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911			51111		183.917.341
31/07/2025	PKT 202507	31/07/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911			51131		1.898.147
31/07/2025	PKT 202507	31/07/2025	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911			5151		4.941
31/07/2025	PKT 202507	31/07/2025	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212			4212		16.993.514
31/08/2025	PKT 202508	31/08/2025	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632			63211	91.150.787	
31/08/2025	PKT 202508	31/08/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6424	6.481.705	
31/08/2025	PKT 202508	31/08/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6427	7.788	
31/08/2025	PKT 202508	31/08/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6428	43.265.745	

31/08/2025	PKT	202508	31/08/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911			51111		152.600.392
31/08/2025	PKT	202508	31/08/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911			51131		12.814.814
31/08/2025	PKT	202508	31/08/2025	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911			5151		5.928
31/08/2025	PKT	202508	31/08/2025	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212			4212	24.515.109	
30/09/2025	PKT	202509	30/09/2025	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632			63211	218.566.800	
30/09/2025	PKT	202509	30/09/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6424	6.481.705	
30/09/2025	PKT	202509	30/09/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6428	49.156.040	
30/09/2025	PKT	202509	30/09/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911			51111		268.844.257
30/09/2025	PKT	202509	30/09/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911			51131		17.226.853
30/09/2025	PKT	202509	30/09/2025	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911			5151		7.908
30/09/2025	PKT	202509	30/09/2025	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212			4212	11.874.473	
31/10/2025	PKT	202510	31/10/2025	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632			63211	112.723.127	
31/10/2025	PKT	202510	31/10/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6424	6.481.705	
31/10/2025	PKT	202510	31/10/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6428	42.276.449	
31/10/2025	PKT	202510	31/10/2025	Kết chuyển chi phí bất thường vào KQKD - 911, 811			8111	206.225	
31/10/2025	PKT	202510	31/10/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911			51111		137.302.693
31/10/2025	PKT	202510	31/10/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911			51131		416.667
31/10/2025	PKT	202510	31/10/2025	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911			5151		8.041
31/10/2025	PKT	202510	31/10/2025	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212			4212		23.960.105
30/11/2025	PKT	202511	30/11/2025	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632			63211	119.489.293	
30/11/2025	PKT	202511	30/11/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6424	6.481.705	
30/11/2025	PKT	202511	30/11/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6427	462.963	
30/11/2025	PKT	202511	30/11/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6428	48.522.776	
30/11/2025	PKT	202511	30/11/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911			51111		161.806.820
30/11/2025	PKT	202511	30/11/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911			51131		5.231.481
30/11/2025	PKT	202511	30/11/2025	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911			5151		2.240
30/11/2025	PKT	202511	30/11/2025	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212			4212		7.916.196
31/12/2025	PKT	202512	31/12/2025	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632			63211	234.964.914	
31/12/2025	PKT	202512	31/12/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6424	6.481.705	
31/12/2025	PKT	202512	31/12/2025	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD - 911, 642			6428	43.729.409	
31/12/2025	PKT	202512	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911			51111		322.584.446
31/12/2025	PKT	202512	31/12/2025	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 511, 911			51131		19.488.889
31/12/2025	PKT	202512	31/12/2025	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911			5151		6.461
31/12/2025	PKT	202512	31/12/2025	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212			4212	56.903.768	

Số này có trang, đánh số từ trang số 01 đến trang

Ngày mở sổ: 17/04/2026

Tổng phát sinh nợ: 2.611.543.125
Tổng phát sinh có: 2.611.543.125
Số dư cuối kỳ: 0

❖ **Sổ chi tiết 911**

CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPU

Số 182 Hùng Vương, Phường Tam Kỳ, Thành ị

Mẫu số S38-DN

(Ban hành theo Thông tư số

133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016

của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 911 - Xác định kết quả kinh doanh

Từ ngày 01/01/2025 đến ngày 31/12/2025

Số dư nợ đầu kỳ:

0

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tk đối ứng	Số phát sinh		Số dư	
	Ngày	Số			Nợ	Có	Nợ	Có
31/01/2025	31/01/2025	PKT 202501	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632	63211	174.086.178		174.086.178	
31/01/2025	31/01/2025	PKT 202501	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6421	8.525.370		182.611.548	
31/01/2025	31/01/2025	PKT 202501	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6424	6.481.705		189.093.253	
31/01/2025	31/01/2025	PKT 202501	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6428	61.802.000		250.895.253	
31/01/2025	31/01/2025	PKT 202501	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51111		213.804.549	37.090.704	
31/01/2025	31/01/2025	PKT 202501	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51131		2.272.727	34.817.977	
31/01/2025	31/01/2025	PKT 202501	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911	5151		4.639	34.813.338	
31/01/2025	31/01/2025	PKT 202501	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212	4212		34.813.338		
28/02/2025	28/02/2025	PKT 202502	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632	63211	95.078.892		95.078.892	
28/02/2025	28/02/2025	PKT 202502	Kết chuyển chi phí tài chính vào KQKD - 911, 635	6351	4.500.000		99.578.892	
28/02/2025	28/02/2025	PKT 202502	Kết chuyển chi phí tài chính vào KQKD - 911, 635	6352	3.467.560		103.046.452	
28/02/2025	28/02/2025	PKT 202502	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6421	1.015.099		104.061.551	
28/02/2025	28/02/2025	PKT 202502	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6424	6.481.705		110.543.256	
28/02/2025	28/02/2025	PKT 202502	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6428	52.947.355		163.490.611	
28/02/2025	28/02/2025	PKT 202502	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51111		131.651.818	31.838.793	
28/02/2025	28/02/2025	PKT 202502	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51131		4.950.000	26.888.793	
28/02/2025	28/02/2025	PKT 202502	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911	5151		7.114	26.881.679	
28/02/2025	28/02/2025	PKT 202502	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212	4212		26.881.679		
31/03/2025	31/03/2025	PKT 202503	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632	63211	215.638.504		215.638.504	
31/03/2025	31/03/2025	PKT 202503	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6421	55.719		215.694.223	
31/03/2025	31/03/2025	PKT 202503	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6424	6.481.705		222.175.928	
31/03/2025	31/03/2025	PKT 202503	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6428	41.266.069		263.441.997	
31/03/2025	31/03/2025	PKT 202503	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51111		300.156.359	36.714.362	
31/03/2025	31/03/2025	PKT 202503	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51131		6.000.001	42.714.363	
31/03/2025	31/03/2025	PKT 202503	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911	5151		5.454	42.719.817	

31/03/2025	31/03/2025	PKT	202503	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212	4212	42.719.817		
30/04/2025	30/04/2025	PKT	202504	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632	63211	127.605.777		127.605.777
30/04/2025	30/04/2025	PKT	202504	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6424	6.481.705		134.087.482
30/04/2025	30/04/2025	PKT	202504	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6428	45.430.991		179.518.473
30/04/2025	30/04/2025	PKT	202504	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51111		170.849.998	8.668.475
30/04/2025	30/04/2025	PKT	202504	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51131		16.409.089	7.740.614
30/04/2025	30/04/2025	PKT	202504	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911	5151		2.832	7.743.446
30/04/2025	30/04/2025	PKT	202504	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212	4212	7.743.446		
31/05/2025	31/05/2025	PKT	202505	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632	63211	154.921.917		154.921.917
31/05/2025	31/05/2025	PKT	202505	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6424	6.481.705		161.403.622
31/05/2025	31/05/2025	PKT	202505	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6428	44.905.845		206.309.467
31/05/2025	31/05/2025	PKT	202505	Kết chuyển chi phí bất thường vào KQKD - 911, 811	8111	372.924		206.682.391
31/05/2025	31/05/2025	PKT	202505	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51111		207.260.908	578.517
31/05/2025	31/05/2025	PKT	202505	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51131		12.860.943	13.439.460
31/05/2025	31/05/2025	PKT	202505	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911	5151		3.462	13.442.922
31/05/2025	31/05/2025	PKT	202505	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212	4212	13.442.922		
30/06/2025	30/06/2025	PKT	202506	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632	63211	72.462.866		72.462.866
30/06/2025	30/06/2025	PKT	202506	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6424	6.481.705		78.944.571
30/06/2025	30/06/2025	PKT	202506	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6428	56.231.786		135.176.357
30/06/2025	30/06/2025	PKT	202506	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51111		136.570.001	1.393.644
30/06/2025	30/06/2025	PKT	202506	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51131		13.989.057	15.382.701
30/06/2025	30/06/2025	PKT	202506	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911	5151		11.023	15.393.724
30/06/2025	30/06/2025	PKT	202506	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212	4212	15.393.724		
31/07/2025	31/07/2025	PKT	202507	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632	63211	153.268.307		153.268.307
31/07/2025	31/07/2025	PKT	202507	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6424	6.481.705		159.750.012
31/07/2025	31/07/2025	PKT	202507	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6427	3.300		159.753.312
31/07/2025	31/07/2025	PKT	202507	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6428	43.060.631		202.813.943
31/07/2025	31/07/2025	PKT	202507	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51111		183.917.341	18.896.602
31/07/2025	31/07/2025	PKT	202507	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51131		1.898.147	16.998.455
31/07/2025	31/07/2025	PKT	202507	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911	5151		4.941	16.993.514
31/07/2025	31/07/2025	PKT	202507	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212	4212		16.993.514	
31/08/2025	31/08/2025	PKT	202508	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632	63211	91.150.787		91.150.787
31/08/2025	31/08/2025	PKT	202508	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6424	6.481.705		97.632.492
31/08/2025	31/08/2025	PKT	202508	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6427	7.788		97.640.280
31/08/2025	31/08/2025	PKT	202508	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6428	43.265.745		140.906.025
31/08/2025	31/08/2025	PKT	202508	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51111		152.600.392	11.694.367
31/08/2025	31/08/2025	PKT	202508	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51131		12.814.814	24.509.181
31/08/2025	31/08/2025	PKT	202508	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911	5151		5.928	24.515.109
31/08/2025	31/08/2025	PKT	202508	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212	4212	24.515.109		
30/09/2025	30/09/2025	PKT	202509	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632	63211	218.566.800		218.566.800
30/09/2025	30/09/2025	PKT	202509	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6424	6.481.705		225.048.505
30/09/2025	30/09/2025	PKT	202509	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6428	49.156.040		274.204.545
30/09/2025	30/09/2025	PKT	202509	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51111		268.844.257	5.360.288
30/09/2025	30/09/2025	PKT	202509	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51131		17.226.853	11.866.565
30/09/2025	30/09/2025	PKT	202509	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911	5151		7.908	11.874.473
30/09/2025	30/09/2025	PKT	202509	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212	4212	11.874.473		
31/10/2025	31/10/2025	PKT	202510	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632	63211	112.723.127		112.723.127
31/10/2025	31/10/2025	PKT	202510	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6424	6.481.705		119.204.832
31/10/2025	31/10/2025	PKT	202510	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6428	42.276.449		161.481.281
31/10/2025	31/10/2025	PKT	202510	Kết chuyển chi phí bất thường vào KQKD - 911, 811	8111	206.225		161.687.506
31/10/2025	31/10/2025	PKT	202510	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51111		137.302.693	24.384.813
31/10/2025	31/10/2025	PKT	202510	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51131		416.667	23.968.146
31/10/2025	31/10/2025	PKT	202510	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911	5151		8.041	23.960.105
31/10/2025	31/10/2025	PKT	202510	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212	4212		23.960.105	
30/11/2025	30/11/2025	PKT	202511	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632	63211	119.489.293		119.489.293
30/11/2025	30/11/2025	PKT	202511	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6424	6.481.705		125.970.998
30/11/2025	30/11/2025	PKT	202511	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6427	462.963		126.433.961
30/11/2025	30/11/2025	PKT	202511	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6428	48.522.776		174.956.737
30/11/2025	30/11/2025	PKT	202511	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51111		161.806.820	13.149.917
30/11/2025	30/11/2025	PKT	202511	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51131		5.231.481	7.918.436
30/11/2025	30/11/2025	PKT	202511	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911	5151		2.240	7.916.196
30/11/2025	30/11/2025	PKT	202511	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212	4212		7.916.196	
31/12/2025	31/12/2025	PKT	202512	Kết chuyển giá vốn hàng bán vào KQKD - 911, 632	63211	234.964.914		234.964.914
31/12/2025	31/12/2025	PKT	202512	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6424	6.481.705		241.446.619
31/12/2025	31/12/2025	PKT	202512	Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp vào KQKD	6428	43.729.409		285.176.028
31/12/2025	31/12/2025	PKT	202512	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51111		322.584.446	37.408.418
31/12/2025	31/12/2025	PKT	202512	Kết chuyển doanh thu bán hàng thuần vào KQKD - 5	51131		19.488.889	56.897.307
31/12/2025	31/12/2025	PKT	202512	Kết chuyển thu nhập tài chính vào KQKD - 515, 911	5151		6.461	56.903.768
31/12/2025	31/12/2025	PKT	202512	Kết chuyển lãi (lỗ) phát sinh trong kỳ - 911, 4212	4212	56.903.768		
Tổng cộng						2.611.543.125	2.611.543.125	0

❖ Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính)

Năm 2025

Người nộp thuế: CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER

Mã số thuế: 4001263697

Tên đại lý thuế (nếu có):

Mã số thuế:

☒ Hỗ trợ lấy dữ liệu năm trước

☐ Tích chọn để nhập cột Thuyết minh

Đơn vị tiền: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		2.500.908.250	4.469.697.367
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		0	0
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		2.500.908.250	4.469.697.367
4. Giá vốn hàng bán	11		1.769.957.362	3.393.267.824
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		730.950.888	1.076.429.543
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21		70.043	61.316
7. Chi phí tài chính	22		7.967.560	26.761.509
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.967.560	26.761.509
8. Chi phí quản lý kinh doanh	24		660.445.795	971.176.923
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 24)	30		62.607.576	78.552.427
10. Thu nhập khác	31		0	0
11. Chi phí khác	32		579.149	33.023
12. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-579.149	-33.023
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		62.028.427	78.519.404
14. Chi phí thuế TNDN	51		0	2.457.032
15. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51)	60		62.028.427	76.062.372

KẾT LUẬN

Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một bộ phận quan trọng trong hệ thống kế toán của doanh nghiệp. Công tác này giúp phản ánh đầy đủ, chính xác tình hình doanh thu, chi phí phát sinh và kết quả hoạt động kinh doanh, từ đó cung cấp thông tin hữu ích cho nhà quản lý trong việc đưa ra các quyết định kinh doanh phù hợp.

Qua quá trình thực tập tại Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer, em nhận thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty được tổ chức tương đối chặt chẽ, phù hợp với quy định hiện hành và đáp ứng yêu cầu quản lý của doanh nghiệp. Việc ghi nhận doanh thu, tập hợp chi phí và xác định kết quả kinh doanh được thực hiện đầy đủ, góp phần cung cấp thông tin kịp thời, chính xác phục vụ cho công tác quản lý và điều hành hoạt động kinh doanh.

Trong thời gian nghiên cứu và thực tập tại công ty, em đã có cơ hội vận dụng những kiến thức đã học vào thực tế, đồng thời hiểu rõ hơn về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, em đã mạnh dạn đưa ra một số nhận xét và kiến nghị nhằm góp phần hoàn thiện hơn công tác kế toán tại công ty.

Do thời gian thực tập và kiến thức thực tế còn hạn chế nên bài báo cáo không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý của quý thầy cô và các anh chị trong công ty để bài báo cáo được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, em xin chân thành cảm ơn Ban Giám đốc cùng toàn thể anh chị nhân viên Công ty TNHH Nguyễn Ninh Computer đã tận tình giúp đỡ em trong suốt quá trình thực tập. Em xin gửi lời cảm ơn sâu sắc đến quý thầy cô khoa Kế toán và giảng viên hướng dẫn đã tận tình chỉ bảo, hướng dẫn em hoàn thành báo cáo thực tập này.

Em xin chân thành cảm ơn!

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn theo chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa ngày ban hành thông tư: 26/08/2016
2. Chuẩn mực kế toán Việt Nam
3. Một số web tham khảo:
 - Bộ tài chính: www.mof.gov.vn
 - Tổng cục thuế: www.gdt.gov.vn
 - Diễn đàn kế toán: <https://forumketoan.com>
 - Thư viện pháp luật: <https://thuvienphapluat.vn>

PHỤ LỤC

➤ Phụ lục 1: Giấy phép hoạt động kinh doanh

GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN

Mã số doanh nghiệp: 4001263697

Đăng ký lần đầu: ngày 02 tháng 03 năm 2023

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 17 tháng 04 năm 2025

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

2. Địa chỉ trụ sở chính

Số 182 Hùng Vương, Phường An Mỹ, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Điện thoại: 0931.925.878

Fax:

Email: phuocninhcmtt@gmail.com

Website:

3. Vốn điều lệ : 2.000.000.000 đồng.

Bằng chữ: Hai tỷ đồng

4. Thông tin về chủ sở hữu

Họ và tên: NGUYỄN PHƯỚC NINH

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 01/11/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 049092017158

Ngày cấp: 11/01/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Khối phố 1, Phường Tân Thạnh, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Đồng Phú, Xã Tam Ngọc, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN PHƯỚC NINH

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 01/11/1992

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 049092017158

Ngày cấp: 11/01/2022

Nơi cấp: Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Khối phố 1, Phường Tân Thạnh, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Thôn Đồng Phú, Xã Tam Ngọc, Thành phố Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam

Được quét bằng CamScanner

TRƯỞNG PHÒNG



Nguyễn Canh Thi

➤ **Phụ lục 2: Bảng báo giá hóa đơn 72**

 NGUYỄN NINH COMPUTER	CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER				
	Địa chỉ (Address): 182 Hùng Vương ,P , Tam Kỳ, TP Đà Nẵng				
	Mã số thuế (Tax code): 4001263697				
	Điện thoại (Phone number): 0931925878				
	Số tài khoản (Account No.): 1035946331 Vietcombank CT Quảng Nam				
BÁO GIÁ					
Kính gửi đơn vị (Dear unit): CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ CHU LAI TRƯỜNG HẢI					
Công ty TNHH NGUYỄN NINH COPUTER hân hạnh được báo giá đến quý khách hàng thiết bị văn phòng như sau :					
STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Máy tính để bàn Lenovo ThinkCentre Neo 50t Gen 5 (gồm i5-13400 - 8GB RAM - 512GB SSD - WF+BT - K+M - No OS - 1Yr Premier Suppor_12UB0022VA)	Cái	1	13.227.273	13.227.273
2	Màn hình máy tính Lenovo ThinkVision 60.45cm E24-30 (C23238FE0) 23.8 inch, 3Y Monitor(HDMI)-63EDMAR2WW	Cái	1	2.500.000	2.500.000
3	Bộ lưu điện USP Santak TG 750 PRO	Bộ	1	1.200.000	1.200.000
Cộng tiền hàng (Total amount):					16.927.273
Tiền thuế GTGT (VAT Amount):					1.692.727
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					18.620.000
Số tiền viết bằng chữ (Amount in words) : Hai mươi triệu năm trăm ngàn đồng y.					
Đà Nẵng, ngày 09 tháng 03 năm 2025					
Giám đốc					
Điều khoản thương mại: - Hàng chính hãng mới 100% - Giá trên đã bao gồm thuế GTGT 10% - Bảo hành :12 Tháng - Giá trên đã bao gồm chi phí vận chuyển, lắp đặt, bảo hành tận nơi cho quý khách. - Báo giá có hiệu lực 07 ngày kể từ ngày báo giá - Người báo giá : Nguyễn Phước Ninh - 0931.925.878					
				Nguyễn Phước Ninh	

➤ Phụ lục 3: Giấy báo có hóa đơn 72

CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER
Số 182 Hùng Vương, Phường Tam Kỳ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 13 tháng 06 năm 2025

Quyển số:

Số:

BC06/0006

Họ và tên người nộp tiền: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ CHU LAI TRƯỜNG HẢI

Nợ: 11212

18.620.000

Có: 131111

18.620.000

Địa chỉ: Thôn 4, Xã Núi Thành, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam

Lý do nộp: Thu tiền bán hàng

Số tiền: 18.620.000

Bằng chữ: Mười tám triệu, sáu trăm hai mươi nghìn đồng chẵn

Kèm theo: 0.00 Chứng từ gốc:

GIÁM ĐỐC

(Ký, họ tên, đóng dấu)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI LẬP

(Ký, họ tên)

Nguyễn Phước Ninh

[Kế toán trưởng]

Trần Thị Thu Hằng

➤ Phụ lục 4: Hợp đồng mua bán hóa đơn 236

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG MUA BÁN

SỐ: 24.07/HĐMB/DAUTU-NGUYENNINH

Hôm nay, ngày 24 tháng 07 năm 2025, tại văn phòng Công ty TNHH MTV Đầu Tư Phát Triển Hạ Tầng KCN và Đô Thị Chu Lai, chúng tôi gồm:

BÊN BÁN : CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER

Địa chỉ : 182 Hùng Vương, phường Tam Kỳ, Tp. Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại : 0931.925.878

Mã số thuế : 4001263697

Tài khoản : 118002949726 tại Ngân hàng Vietinbank – CN Quảng Nam

Đại diện : Ông NGUYỄN PHƯỚC NINH Chức vụ: Giám đốc

BÊN MUA : CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ CHU LAI TRƯỜNG HẢI

Địa chỉ : Thôn 4, Xã Núi Thành, Tp. Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại : 02353 567 161

Mã số thuế : 4000482745

Tài khoản : 0651000351576 Ngân hàng Vietcombank – CN Quảng Nam

Đại diện : Ông NGUYỄN QUỐC TRUNG Chức vụ: Giám Đốc

Sau khi trao đổi, hai bên thống nhất ký hợp đồng với các điều khoản sau:

ĐIỀU 1: ĐỊNH NGHĨA

- “Hàng hóa” là máy tính xách tay Lenovo ThinkBook
- “Hai bên” là Bên mua và Bên bán.
- “Bất khả kháng” là bất kỳ trường hợp nào nằm ngoài tầm kiểm soát của các bên liên quan đối với Hợp đồng này bao gồm (nhưng không giới hạn) các yêu cầu ban hành bởi chính phủ, cơ quan địa phương, chiến tranh, bãi công, đóng cửa nhà máy, bạo động, dịch bệnh, thiên tai, biểu tình.

ĐIỀU 2: MÔ TẢ HÀNG HÓA :

ĐVT: đồng

Stt	Tên VT	Xuất xứ/Quy cách	Đvt	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	Máy tính xách tay: Lenovo ThinkBook	- CPU: Intel Core Ultra 7 255H - RAM: 2x 8GB SO-DIMM DDR5-5600 (2khe, Up to 64GB DDR5-5600) - Ổ cứng: 512 GB SSD - Kích thước màn hình: 14.0 inch - Độ phân giải: WUXGA (1920x1200) - Tặng kèm chuột + Túi xách	Cái	1	23.518.519	23.518.519
Tổng giá trị trước thuế						23.518.519
Thuế VAT 8%						1.881.481
Tổng giá trị sau thuế						25.400.000

(Bằng chữ: Hai mươi lăm triệu, bốn trăm nghìn đồng)

ĐIỀU 3: PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

- Hình thức thanh toán: chuyển khoản bằng tiền Việt Nam Đồng vào tài khoản của Bên bán trong Hợp đồng, phí chuyển khoản do Bên mua chịu.
- Thời hạn thanh toán: Thanh toán 100% giá trị hợp đồng trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu bàn giao hàng hóa, hồ sơ thanh toán, xuất hóa đơn cho bên mua.

Hồ sơ thanh toán gồm:

- + Biên bản bàn giao hàng hóa có ký nhận của đại diện Hai bên.
- + Hóa đơn giá trị gia tăng gửi qua email

ĐIỀU 4: GIAO HÀNG:

4.1 Địa điểm giao hàng: Văn phòng chu lai ,Thôn 4, Xã Núi Thành, Tp Đà Nẵng

- Người nhận: Ms Phúc : 0898.189.499
- Email nhận hóa đơn: ketoan-invest@thaco.com.vn

4.2 Thời gian lắp đặt: 3 ngày kể từ ngày hai bên ký kết hợp đồng.

4.3 Phương thức giao nhận:

- Bên mua có trách nhiệm cử người có thẩm quyền thực hiện việc giám sát quá trình lắp đặt thiết bị.
- Việc nghiệm thu bàn giao phải được lập thành biên bản và có chữ ký xác nhận của đại diện có thẩm quyền giữa hai Bên.

ĐIỀU 5: KIỂM TRA VÀ KHIẾU NẠI

Được quét bằng CamScanner

1. Tại thời điểm giao nhận Hàng hóa, Bên mua tiến hành kiểm tra số lượng, chất lượng, quy cách Hàng hóa. Trường hợp Bên mua phát hiện bất cứ sự không phù hợp nào giữa Hàng hóa và Hợp đồng, Bên mua có quyền từ chối nhận hàng hoặc yêu cầu đổi lại hàng. Từ chối nhận hàng hoặc yêu cầu đổi trả hàng sẽ được Bên mua ghi trực tiếp vào biên bản giao nhận hàng.
- 5.2 Bên bán chịu chi phí và chịu trách nhiệm nhận lại hàng bị từ chối/trả lại hoặc giao bổ sung hàng thiếu hoặc khắc phục khiếm khuyết của Hàng hóa trong thời hạn không quá 01 đến 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu từ Bên mua.
- 5.3 Sau thời gian quy định tại Khoản 5.2, Bên mua có quyền mua bù số lượng còn thiếu từ Nhà cung cấp khác hoặc khắc phục khiếm khuyết của Hàng hóa với mọi chi phí phát sinh do Bên bán chịu.
- 5.4 Quy định thanh lý hàng lỗi: Trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày Bên bán nhận được khiếu nại từ Bên mua, nếu Bên bán không nhận lại hàng lỗi, Bên mua có quyền thanh lý, xử lý hàng lỗi, Bên bán chịu chi phí thanh lý và xử lý hàng lỗi.

ĐIỀU 6: VI PHẠM HỢP ĐỒNG

- 6.1 Mọi trường hợp Bên bán vi phạm Hợp đồng, Bên mua có quyền áp dụng chế tài phạt vi phạm với mức 1% (một) phần giá trị nghĩa vụ bị vi phạm cho mỗi ngày chậm trễ nhưng tối đa không quá 05 (năm) ngày làm việc. Quá thời hạn nêu trên, Bên mua có quyền đình chỉ thực hiện Hợp đồng và phạt vi phạm với mức 8% (tám) giá trị Hợp đồng bị vi phạm bằng văn bản gửi đến Bên bán. Trong trường hợp này, Bên bán chịu trách nhiệm hoàn trả lại số tiền Bên mua đã thanh toán trong vòng 03 (ba) ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo chấm dứt Hợp đồng từ Bên mua.
- 6.2 Phạt chậm thanh toán: Trong trường hợp Bên mua vi phạm nghĩa vụ thanh toán, Bên mua phải chịu mức lãi suất tiền gửi trung hạn do Ngân hàng ngoại thương Việt Nam công bố tại thời điểm thanh toán tính trên giá trị chưa thanh toán tương ứng với thời gian chậm thanh toán. Chậm nhất là trong vòng 10 ngày tính từ ngày giao hàng.

Thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo điều 3 của hợp đồng. Hàng hóa chỉ thuộc quyền sở hữu của bên mua khi bên mua đã hoàn thành xong thủ tục thanh toán cho bên bán. Nếu bên mua thanh toán trễ quá thời hạn trên thì bên bán có quyền thu hồi hàng hóa, mọi chi phí phát sinh cho việc thu hồi và hao mòn thiết bị sẽ do bên mua chịu

ĐIỀU 7: BỒI THƯỜNG THIẾT HẠI

Bên bị vi phạm có quyền yêu cầu bên kia bồi thường cho toàn bộ thiệt hại và tổn thất (nếu có) của mình hoặc bất kỳ Bên thứ ba nào do lỗi của bên vi phạm trong quá trình thực hiện Hợp đồng.



Được quét bằng CamScanner

ĐIỀU 8: BẤT KHẢ KHÁNG

- 8.1 Không bên nào bị xem là vi phạm Hợp đồng vì đã không thực hiện các nghĩa vụ trong Hợp đồng do bị ảnh hưởng bởi các tác nhân bất khả kháng theo quy định của pháp luật (bao gồm cả đình công hay bạo loạn của nhân viên hai bên) với điều kiện phải thông báo cho nhau bằng văn bản về các tác nhân này trong khoảng thời gian 24 (hai mươi bốn) giờ kể từ thời điểm xảy ra sự kiện bất khả kháng, đồng thời áp dụng mọi biện pháp để giảm thiểu thiệt hại. Ngay khi sự kiện bất khả kháng chấm dứt, các Bên có trách nhiệm tiếp tục thực hiện Hợp đồng.
- 8.2 Trường hợp sự kiện Bất khả kháng kéo dài liên tiếp trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, bất kỳ bên nào cũng có quyền chấm dứt Đơn đặt hàng và không phải bồi thường thiệt hại cho bên còn lại.

ĐIỀU 9: BẢO HÀNH:

Thời gian bảo hành: 24 tháng, chỉ bảo hành các lỗi do nhà sản xuất. Khi có sự cố bên mua thông báo cho bên bán, bên bán đến bảo hành tại xưởng của bên mua trong vòng 24h. Trường hợp cần thiết phải chuyển hàng hóa đến xưởng sản xuất của bên bán để sửa chữa thì bên mua gửi thiết bị lỗi cho đơn vị vận chuyển để chuyển đến bên bán, chi phí vận chuyển bên bán chi trả.

ĐIỀU 10: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

Hợp đồng này sẽ được chấm dứt trong các trường hợp sau:

- Khi các Bên thực hiện xong các quyền và nghĩa vụ quy định trong Hợp đồng này.
- Khi một Bên vi phạm Hợp đồng dẫn đến Hợp đồng không thể thực hiện được thì phía Bên kia có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng.
- Hợp đồng có thể được chấm dứt do sự thỏa thuận của các Bên.

ĐIỀU 11: ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Mọi tranh chấp phát sinh trước hết phải được giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác. Trường hợp không thể thương lượng, mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung tâm trọng tài quốc tế Việt Nam (VIAC) theo qui tắc tổ tụng của Trung tâm này. Bên thua sẽ phải thanh toán mọi chi phí liên quan.

Hợp đồng này được lập thành 02 (hai) bản, mỗi Bên giữ 01 (một) bản, có giá trị như nhau và có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi hai Bên hoàn thành xong nghĩa vụ của mình. Khi hai bên thanh toán, nhận hàng xong không có gì vướng mắc thì Hợp đồng xem như đã được thanh lý.



BÊN BÁN



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Quốc Trung

➤ **Phụ lục 5: Bảng báo giá hóa đơn 236**

	CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER
	Địa chỉ (Address): 182 Hùng Vương ,P , Tam Kỳ, TP Đà Nẵng
	Mã số thuế (Tax code): 4001263697
	Điện thoại (Phone number): 0931925878
	Số tài khoản (Account No.): 1035946331 Vietcombank CT Quảng Nam
BẢO GIÁ	

Kính gửi đơn vị (Dear unit): **CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ CHU LAI TRƯỜNG HẢI**

Công ty TNHH NGUYỄN NINH COPUTER hân hạnh được báo giá đến quý khách hàng thiết bị văn phòng như sau :

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đvt	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	Máy tính xách tay Lenovo ThinkBook 14 Gen 8 - 14.0" WUXGA, Core™ Ultra 7_255H, 16GB_DDR5, 512GB_SSD, W11 Home SL, Xám - BH 2 năm - 218J0072VN	Bộ	1	23.518.519	23.518.519
2	Chuột dùng cho máy tính Lenovo KB MICE_BO Essencial WL MS - 4X30M56887	Chiếc	1	-	-
Cộng tiền hàng (Total amount):					23.518.519
Tiền thuế GTGT (VAT Amount):					1.881.482
Tổng cộng tiền thanh toán (Total payment):					25.400.001

Số tiền viết bằng chữ (Amount in words) : **Hai mươi triệu năm trăm ngàn đồng y.**

Đà nẵng, ngày 09 tháng 03 năm 2025

Giám đốc

Điều khoản thương mại:

- Hàng chính hãng mới 100%
- Giá trên đã bao gồm thuế GTGT 8%
- Bảo hành : **12 Tháng**
- Giá trên đã bao gồm chi phí vận chuyển, lắp đặt, bảo hành tận nơi cho quý khách.
- Báo giá có hiệu lực 07 ngày kể từ ngày báo giá
- Người báo giá : **Nguyễn Phước Ninh - 0931.925.878**



Nguyễn Phước Ninh

➤ **Phụ lục 6: Giấy báo có HD 236**

CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER
Số 182 Hùng Vương, Phường Tam Kỳ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

GIẤY BÁO CÓ

Ngày 18 tháng 09 năm 2025

Quyển số:
Số: BC09/0010

Họ và tên người nộp tiền: CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG KHU CÔNG NGHIỆP VÀ ĐÔ THỊ CHU LAI TRƯỜNG HẢI

Nợ: 11212 25.400.000
Có: 131111 25.400.000

Địa chỉ: Thôn 4, Xã Núi Thành, Thành Phố Đà Nẵng, Việt Nam
Lý do nộp: Thu tiền bán hàng
Số tiền: **25.400.000**
Bằng chữ: Hai mươi lăm triệu, bốn trăm nghìn đồng chẵn
Kèm theo: 0.00 Chứng từ gốc:

GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

Nguyễn Phước Ninh

[Kế toán trưởng]

Trần Thị Thu Hằng

➤ **Phụ lục 7: Giấy báo có hóa đơn 64**

CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER
Số 182 Hùng Vương, Phường Tam Kỳ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số 01-TT
(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016
của Bộ Tài Chính)

PHIẾU THU

Ngày 06 tháng 03 năm 2025

Quyển số:
Số: PT03/0002
Nợ: 1111 2.150.000
Có: 131111 2.150.000

Họ và tên người nộp tiền: UBND XÃ TIỀN LẬP

Địa chỉ: Tiên Lập, Huyện Tiên Phước, Tỉnh Quảng Nam, Việt Nam
Lý do nộp: Thu tiền cho hóa đơn số 64, ngày 06/03/2025.
Số tiền: **2.150.000 VND**
Bằng chữ: Hai triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn

Kèm theo: 0 Chứng từ gốc:

GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

NGƯỜI NỘP TIỀN
(Ký, họ tên)

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

THỦ QUỸ
(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....

Nguyễn Phước Ninh

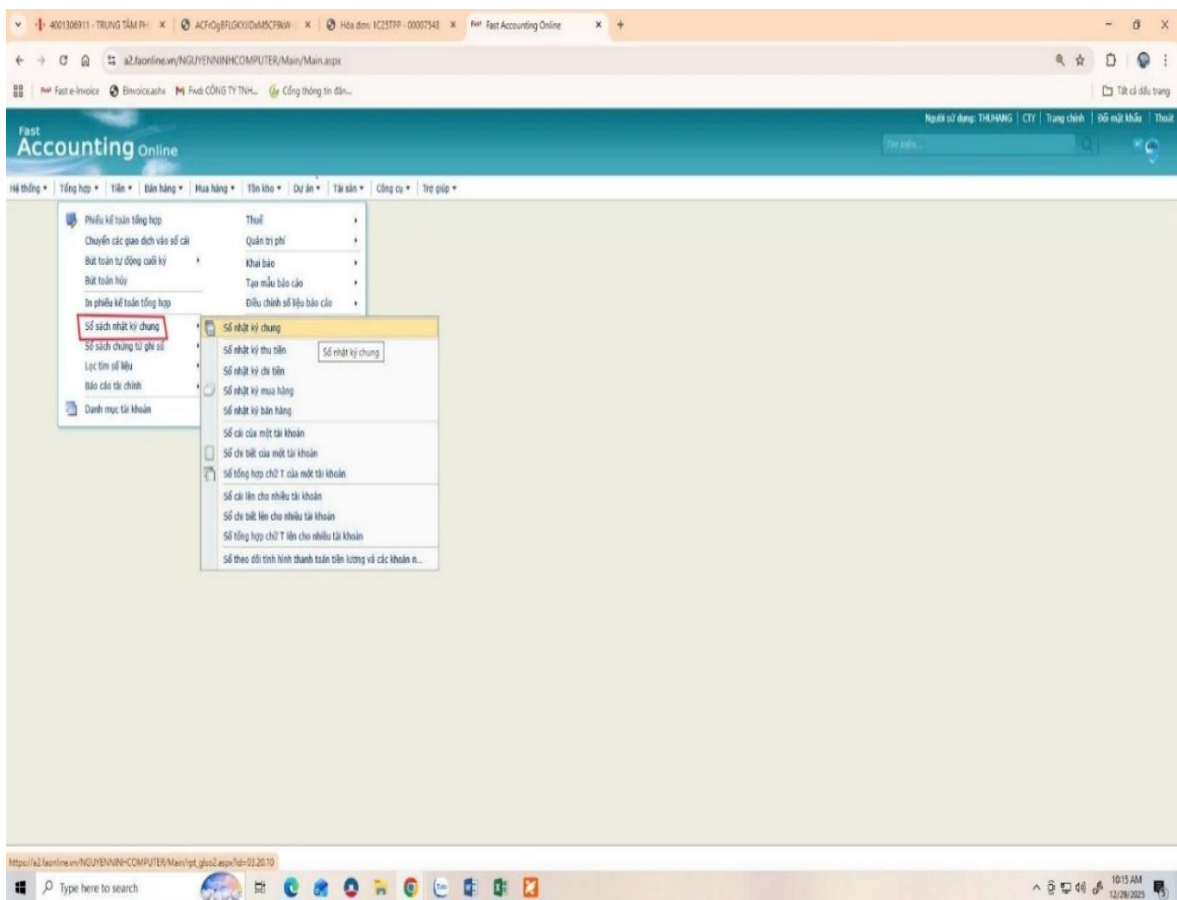
[Kế toán trưởng]

Trần Thị Thu Hằng

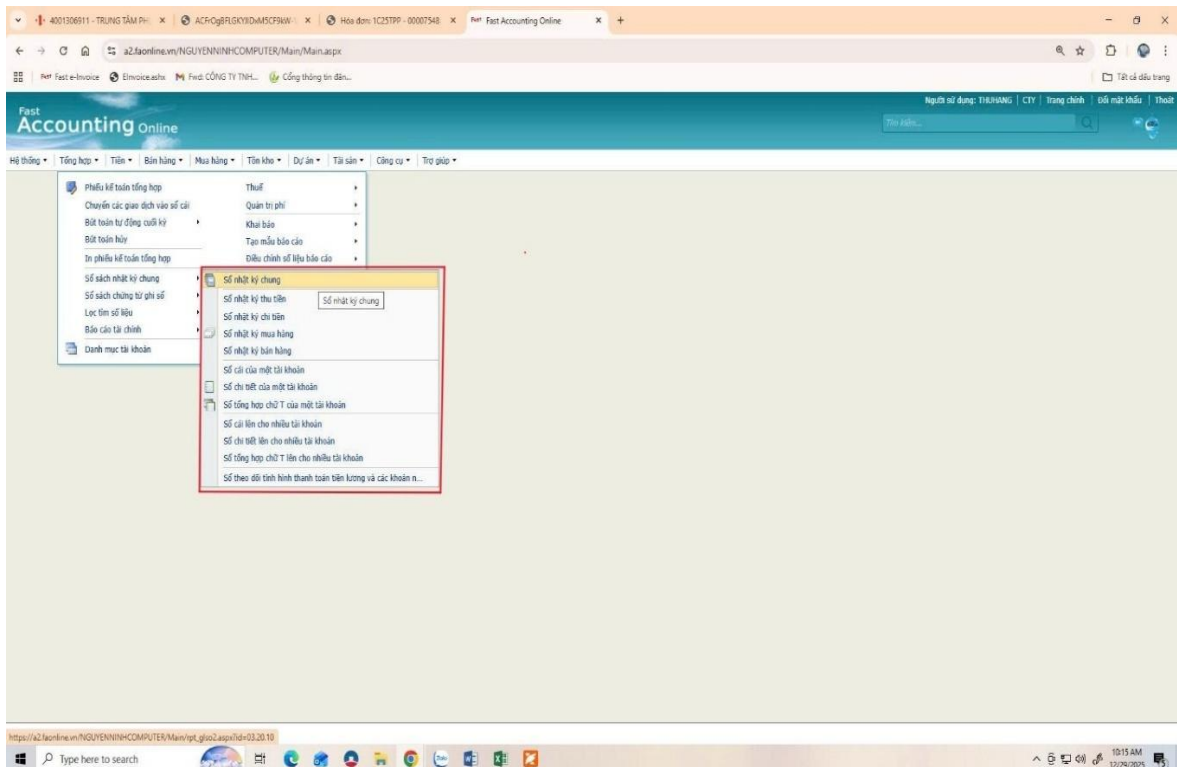
Trần Thị Thu Hằng

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Hai triệu, một trăm năm mươi nghìn đồng chẵn

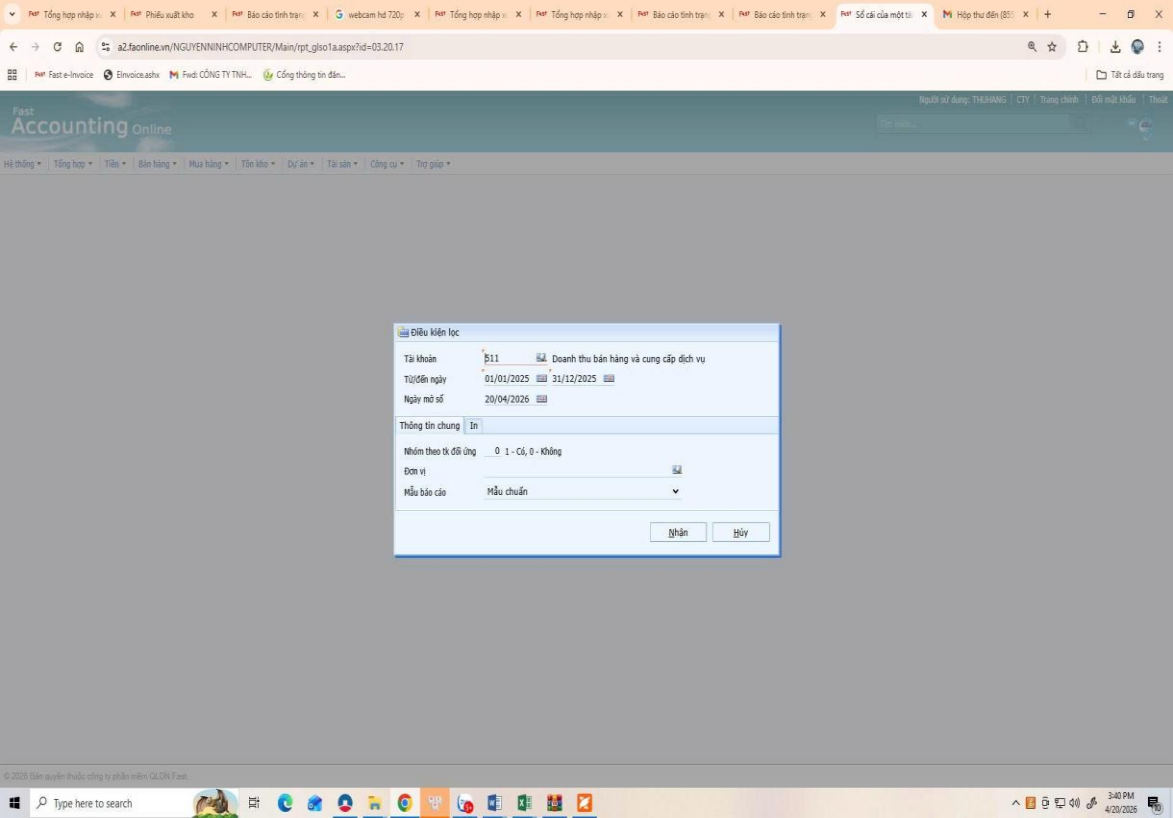
➤ Phụ lục 8: Giao diện phân hệ “Tổng hợp”



➤ Phụ lục 9: Giao diện xem sổ



Phụ lục 10: Giao diện nhập ngày tháng và sổ muốn xem



➤ Phụ lục 11: Sao kê ngân hàng Vietinbank

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM



LỊCH SỬ GIAO DỊCH - TRANSACTION HISTORY

VietinBank eFAST

1. Thông tin chi tiết tài khoản/ Account detail

Công ty/Company name: CONG TY TNHH NGUYEN NINH COMPUTER
Số tài khoản/Account No: 118002949726
Loại tài khoản/Account type: Tài khoản thanh toán
Loại tiền tệ/Currency: VND
Số dư hiện tại/Account Balance: 629,714
Số dư khả dụng/ Available Balance: 629,714
Số dư đầu kỳ/Opening Balance: 3,731,200
Số dư cuối kỳ/Closing Balance: 3,735,229
Chu kỳ yêu cầu/From date- to date: 2025-01-30 - 2025-01-31
Tổng giá trị ghi có/ Total credits: 4,029
Tổng giá trị ghi nợ/Total debits: 0
Tổng số giao dịch ghi có: 1
(Total number of credit)
Tổng số giao dịch ghi nợ: 0
(Total number of debits)

2. Chi tiết lịch sử giao dịch/ Transaction history detail

STT/ No	Ngày hạch toán/Accounting date	Mô tả giao dịch/ Transaction description	Nợ/ Debit	Có/ Credit	Số dư TK/ Account Balance	Số giao dịch/ Transaction number	Số tài khoản đối ứng/ Correspondive account	Tên tài khoản đối ứng/ Correspondive name	Mã định danh TK thụ hưởng/ To virtual account	Ngày phát sinh giao dịch/ Transaction date
1	31-01-2025 01:23:24		0	4,029	3,735,229					31-01-2025 01:23:24

➤ **Phụ lục 12: Phiếu kế toán 111**

CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER
Số 182 Hùng Vương, Phường Tam Kỳ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

PHIẾU KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Ngày 01 tháng 01 năm 2025

Số phiếu: 111

Diễn giải	Vụ việc	Tài khoản	Phát sinh nợ	Phát sinh có
Hạch toán thuế môn bài 2025		6428	2.000.000	
Hạch toán thuế môn bài 2025		33398		2.000.000
Tổng cộng			2.000.000	2.000.000

Số tiền (viết bằng chữ): Hai triệu đồng chẵn

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

[Kế toán trưởng]

Trần Thị Thu Hằng

➤ **Phụ lục 13: Giấy báo có hóa đơn 74035**

CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER
Số 182 Hùng Vương, Phường Tam Kỳ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

Mẫu số 02-TT

(Ban hành theo Thông tư số
133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016
của Bộ Tài Chính)

PHIẾU CHI

Ngày 28 tháng 11 năm 2025

Quyền số:

SỐ: PC11/0006

Họ và tên người nhận tiền CHI NHÁNH PETROLIMEX QUẢNG NAM - CÔNG TY

Ng: 133111 37.037

6427	462.963
------	---------

Có: 1111 500.000

Địa chỉ: số 104 đường Trần Quý Cáp, Phường Bàn Thạch, TP Đà Nẵng

Lý do chi: Thanh toán tiền xăng đi giao hàng

Số tiền: **500.000 VND**

Bảng chữ: Năm trăm nghìn đồng chẵn

Kèm theo: 0 Chứng từ gốc:

Ngày.....tháng.....năm.....

GIÁM ĐỐC
(Ký, họ tên, đóng dấu)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

THỦ QUỸ
(Ký, họ tên)

NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

NGƯỜI NHẬN TIỀN
(Ký, họ tên)

Nguyễn Phước Ninh

[Kế toán trưởng]

Trần Thị Thu Hằng

Trần Thị Thu Hằng

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ): Năm trăm nghìn đồng chẵn

➤ **Phụ lục 14: Hợp đồng cho thuê văn phòng**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ NHÀ

Hôm nay, ngày 18 tháng 11 năm 2024 tại 182 Hùng Vương Tam Kỳ Quảng Nam các bên gồm:

BÊN CHO THUÊ (Bên A):

Bà: Nguyễn Thị Thu Lý CCCD số: 049186012998

Nơi ĐKTT: Mỹ Nam, An Mỹ, TP Tam Kỳ, Quảng Nam

SĐT: 0982714117

Số tài khoản: 0651000843403 Ngân hàng Vietcombank

BÊN THUÊ (Bên B)

Ông (bà): Nguyễn Phúc Ninh

CMND số: 049092047158 Ngày cấp: ngày 11/01/2022 tại

Nơi ĐKTT: Tân Thới - Tam Kỳ - Quảng Nam

SĐT: 0931925878.

Bên A và Bên B sau đây gọi chung là “Hai Bên” hoặc “Các Bên”. Sau khi thảo luận, hai bên thống nhất đi đến ký kết Hợp đồng thuê nhà (“Hợp Đồng”) với các điều khoản và điều kiện dưới đây:

Mặt bằng để kinh doanh:

Bên A đồng ý cho Bên B thuê và Bên B cũng đồng ý thuê mặt bằng của bên A tại

Địa chỉ : 182 Hùng Vương Tam Kỳ Quảng Nam

Mục đích thuê nhà: Thuê nhà để mở shop

Bên A cam kết quyền sử dụng đất và căn nhà gắn liền trên đất trên là tài sản sở hữu hợp pháp của bên A. Mọi tranh chấp phát sinh từ tài sản cho thuê trên bên A hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Bàn giao và sử dụng diện tích thuê:

Thời điểm Bên A bàn giao tài sản thuê vào ngày 18 tháng 11 năm 2024;

Ngày bắt đầu hợp đồng có hiệu lực là ngày 18 tháng 11 năm 2027;

Bên B được toàn quyền sử dụng mặt bằng thuê kể từ thời điểm được bên A bàn giao như quy định tại Mục 2.1 trên đây.

Thời hạn thuê

Bên A cam kết cho bên B thuê Tài sản thuê với thời hạn là **03 năm** kể từ ngày bàn giao tài sản thuê;

(Bắt đầu từ ngày 18 tháng 11 năm 2024 đến ngày 18 tháng 11 năm 2027)

Tiền thuê nhà:

Giá thuê là: 6.000.000 vnd / 01 tháng

Nếu bên B đơn phương chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì bên B sẽ mất tiền cọc, bên A sẽ không trả lại số tiền còn lại đã thanh toán chưa sử dụng cho bên B.

Nếu bên A đơn phương chấm dứt hợp đồng thì bên A sẽ phải hoàn trả lại cho bên B số tiền đặt cọc, phải bồi thường thêm một khoản bằng chính tiền đặt cọc và trả lại số tiền bên B đã thanh toán chưa sử dụng trước đó.

Tiền Thuê nhà không bao gồm thuế GTGT. Mọi chi phí sử dụng diện tích thuê nhà bao gồm tiền điện, nước, vệ sinh sẽ do bên B trả theo khối lượng và quy định của nhà nước

Phương thức thanh toán tiền thuê nhà:

Tiền Thuê nhà được thanh toán theo chu kỳ : **Thanh toán 3 tháng / lần – cọc giữ gói trước 1 tháng***

***Thanh toán 1 lần : 18.000.000đ / 3 tháng + 6.000.000đ cọc tháng tiếp theo : TC 24.000.000đ**

Tiền điện và nước thanh toán quy định của nhà nước

Thời hạn thanh toán : Thanh toán vào ngày 18 của kỳ tiếp theo(sau 3 tháng) .Việc thanh toán tiền thuê nhà và chi phí sử dụng diện tích thuê theo Hợp Đồng này được thực hiện bằng đồng tiền Việt Nam theo hình thức trả trực tiếp bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Quyền và nghĩa vụ của bên cho thuê nhà:

Nghĩa vụ của bên cho thuê:

- Bàn giao diện tích thuê cho bên B theo đúng thời gian quy định trong Hợp Đồng;
- Đảm bảo việc cho thuê theo Hợp Đồng này là đúng quy định của pháp luật;
- Đảm bảo cho bên B thực hiện quyền sử dụng diện tích thuê một cách độc lập và liên tục trong suốt thời hạn thuê, trừ trường hợp vi phạm pháp luật và hoặc các quy định của Hợp Đồng này.

- Không xâm phạm trái phép đến tài sản của bên B trong phần diện tích thuê. Nếu bên A có những hành vi vi phạm gây thiệt hại cho bên B trong thời gian thuê thì bên A phải bồi thường.

- Tuân thủ các nghĩa vụ khác theo thỏa thuận tại Hợp Đồng này và các văn bản kèm theo hợp đồng này; theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Bên A có quyền sau đây;

- Yêu cầu bên B chấm dứt ngay việc sử dụng diện tích nhà cho thuê không đúng mục đích, hủy hoại làm giảm sút giá trị thì bên A có quyền đơn phương đình chỉ hợp đồng

- Yêu cầu bên B trả lại nhà cho thuê khi thời hạn cho thuê đã hết

Quyền và nghĩa vụ của bên thuê nhà:(BÊN B)

Quyền của bên thuê:

- Nhận bàn giao diện tích thuê theo đúng thỏa thuận trong Hợp Đồng;

- Được sử dụng phần diện tích thuê làm nơi để kinh doanh và các hoạt động hợp pháp khác;

- Tuân thủ các quy định về phòng cháy, chữa cháy theo đúng quy định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền

- Không được hủy hoại, làm giảm sút giá trị sử dụng của nhà thuê

- Trả tiền thuê theo phương thức đã thỏa thuận

Nghĩa vụ của bên thuê:

- Sử dụng diện tích thuê đúng mục đích đã thỏa thuận, giữ gìn nhà ở và có trách nhiệm trong việc sửa chữa những hư hỏng do mình gây ra;

- Thanh toán tiền thuê nhà đầy đủ, đúng thời hạn đã thỏa thuận;

- Trả tiền điện, nước, điện thoại, internet, vệ sinh và các chi phí phát sinh khác trong thời gian thuê nhà.

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động kinh doanh của mình trong suốt thời hạn thuê;

- Khi kết thúc hợp đồng, bên B phải trả nhà cho bên A nguyên trạng như lúc nhận bàn giao nhà.

- Trường hợp nếu có người ở lại nhà, thì bên B phải đi đăng ký khai tạm trú với cơ quan công an.

. Chấm dứt hợp đồng thuê nhà.

Việc chấm dứt Hợp đồng thuê nhà ở được thực hiện trong các trường hợp sau:

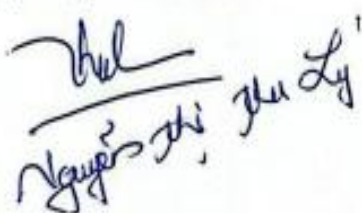
- Thời hạn thuê đã hết;
- Nhà ở cho thuê phải phá dỡ do bị hư hỏng nặng có nguy cơ sập đổ hoặc do thực hiện quy hoạch xây dựng của Nhà nước;
- Hai bên thoả thuận chấm dứt hợp đồng trước thời hạn.
- Trong trường hợp hai bên muốn chấm dứt hợp đồng trước thời hạn thì phải thông báo bằng văn bản cho bên kia trước **30 ngày** so với ngày mong muốn chấm dứt.

. Điều khoản thi hành:

- Hợp đồng này có hiệu lực kể từ ngày hai bên cùng ký kết;
- Các bên cam kết thực hiện nghiêm chỉnh và đầy đủ các thoả thuận trong Hợp Đồng này trên tinh thần hợp tác, thiện chí.
- Mọi vi phạm không thực hiện đúng các điều khoản trong hợp đồng đều coi là vi phạm hợp đồng.
- Nếu trước khi hết hợp đồng 01 tháng, nếu bên B muốn tiếp tục thuê nhà thì bên A sẽ ưu tiên cho bên B thuê tiếp. Và khi đó bên A và bên B sẽ ngồi lại thỏa thuận lại các điều khoản trong hợp đồng nếu có thay đổi. Giá thuê nhà sau 3 năm tăng không quá 10%
- Hợp Đồng được lập thành 02 (hai) bản có giá trị như nhau, mỗi bên giữ 01 (một) bản để thực hiện.

BÊN A

(Ký và ghi rõ họ tên)


Nguyễn Thị Thu Ly

BÊN B

(Ký và ghi rõ họ tên)


Nguyễn Phước Vĩnh

➤ **Phụ lục 14: Bảng chấm công**

CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER

182 Hùng Vương - Phường Tam Kỳ - Thành Phố Đà Nẵng

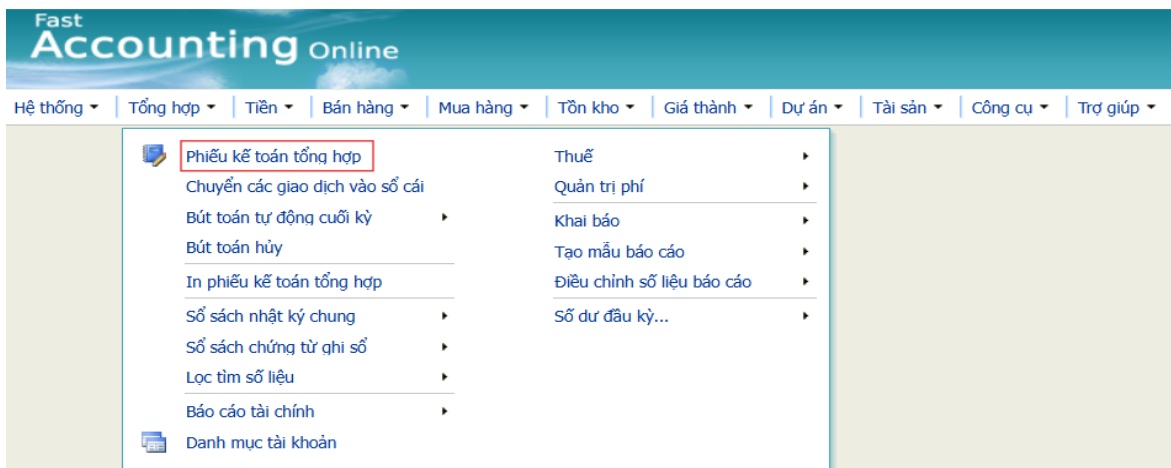
Ban hành theo Thông tư 133/2016/TT-BTC

BẢNG CHẤM CÔNG

Tháng 11 năm 2025

TT	Họ và tên	Chức vụ	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TC	SP	P	L	Ô	ChĐ	
		CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	CN	T2	T3	T4	T5	T6	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3										
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	TC	SP	P	L	Ô	ChĐ				
1	Trần Thị Thu Hằng	KTV																																						
2	Cao Văn Trinh	Kỹ Thuật																																						
3	Nguyễn Xuân Thắng	Kỹ Thuật																																						
	Tổng cộng		0	3	3	3	3	3	3	0	3	3	3	3	3	3	0	3	3	3	3	3	0	3	3	3	3	3	3	3	0	3	3	78						
Ghi chú:																																								
</																																								

➤ **Phụ lục 15: Giao diện phần hệ “Tổng hợp”**



➤ **Phụ lục 16: Phiếu kế toán 112**

CÔNG TY TNHH NGUYỄN NINH COMPUTER
Số 182 Hùng Vương, Phường Tam Kỳ, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam

PHIẾU KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Ngày 01 tháng 05 năm 2025

Số phiếu: 112

Diễn giải	Vụ việc	Tài khoản	Phát sinh nợ	Phát sinh có
Hoạch toán tiền thuế nộp chậm		8111	372.924	
Hoạch toán tiền thuế nộp chậm		33398		372.924
		Tổng cộng	372.924	372.924

Số tiền (viết bằng chữ): Ba trăm bảy mươi hai nghìn, chín trăm hai mươi bốn đồng chẵn

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Ngày.....tháng.....năm.....
NGƯỜI LẬP
(Ký, họ tên)

[Kế toán trưởng]

Trần Thị Thu Hằng